



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

TÀI LIỆU CHUYÊN ĐỀ

KĨ NĂNG TỰ VẤN CÁ NHÂN *VỀ KHÁM PHÁ, LỰA CHỌN VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP* CHO HỌC SINH TRUNG HỌC

NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI



Chịu trách nhiệm nội dung:
Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

Biên soạn:
Hồ Phụng Hoàng Phoenix
Trần Thị Thu

Biên tập:
Nguyễn Thị Châu - VVOB Việt Nam

TÀI LIỆU CHUYÊN ĐỀ

**KĨ NĂNG
TỰ VẤN CÁ NHÂN**
*VỀ KHÁM PHÁ, LỰA CHỌN
VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP*
CHO HỌC SINH TRUNG HỌC

LỜI NÓI ĐẦU

Tư vấn hướng nghiệp cá nhân là một trong những nội dung quan trọng của công tác hướng nghiệp nhằm hỗ trợ học sinh trung học trong việc đưa ra quyết định chọn hướng học, chọn nghề sao cho phù hợp với sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của bản thân, đồng thời phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh gia đình và nhu cầu lao động của xã hội.

Căn cứ vào nhu cầu thực tiễn và điều kiện tự học của cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên cũng như điều kiện tổ chức tập huấn trực tiếp về tư vấn hướng nghiệp cá nhân cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp ở các cơ sở giáo dục trung học, Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục xin trân trọng giới thiệu bộ tài liệu chuyên đề ***“Kĩ năng tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho học sinh trung học”*** do tổ chức VVOB Việt Nam hỗ trợ biên soạn.

Mục tiêu của bộ tài liệu là đáp ứng nhu cầu tự học để phát triển năng lực làm tư vấn hướng nghiệp có nhạy cảm giới cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông. Để đạt được mục tiêu đặt ra, bộ tài liệu được xây dựng trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa lí thuyết và thực hành. Đi kèm theo cuốn tài liệu này là 01 đĩa DVD lí thuyết và 01 đĩa DVD thực hành về một ca tư vấn hướng nghiệp cụ thể. Các nội dung của bộ tài liệu này cũng được đăng tải trên trang Web của tổ chức VVOB Việt Nam tại địa chỉ: www.vvob.be/vietnam.

Bộ tài liệu này đã được Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thẩm định tháng 12 năm 2014 và đã đưa vào danh mục sách tham khảo quốc gia.

Chúng tôi hy vọng rằng, bộ tài liệu này sẽ giúp các cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp hiểu đầy đủ, thấu đáo và áp dụng thành công năm giai đoạn, sáu kĩ năng và hai liệu pháp tư vấn hướng nghiệp cá nhân cho học sinh trung học. Qua đó, góp phần tích cực vào việc định hướng nghề nghiệp và phân luồng hợp lí học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Chúng tôi xin cảm ơn sự hỗ trợ của tổ chức Hợp tác phát triển và Hỗ trợ kỹ thuật vùng Flamăng, Vương quốc Bỉ (tổ chức VVOB Việt Nam); các tư vấn: Th.S Hồ Phụng Hoàng Phoenix - chuyên gia Tư vấn hướng nghiệp, trường ĐH RMIT Việt Nam và Th.S Trần Thị Thu - Nguyên trưởng phòng Hướng nghiệp, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo và Cung ứng nhân lực, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Các cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và đào tạo, các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm kĩ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, các cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ của hai tỉnh Nghệ An, Quảng Nam và các cán bộ của tổ chức VVOB Việt Nam đã rất tâm huyết và nhiệt tình trong việc xây dựng tài liệu này.

**CỤC NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ
QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC**



Nguyễn Thúy Hồng
Phó Cục trưởng

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
MỤC LỤC	7
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	10
NỘI DUNG VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU	11
I. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG	11
II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG	13
PHẦN 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC	17
I. NĂNG LỰC HƯỚNG NGHIỆP CỦA HỌC SINH	19
Bảng 1. Khung năng lực hướng nghiệp của học sinh	20
Bảng 2: Các quyết định hướng nghiệp theo từng lớp	21
II. CÁC LÝ THUYẾT HƯỚNG NGHIỆP	21
1. Ý NGHĨA ĐỐI VỚI TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CÁ NHÂN	21
2. GIỚI THIỆU CÁC NHÓM LÝ THUYẾT HƯỚNG NGHIỆP	22
2.1 Nhóm lý thuyết đặc tính cá nhân và đặc điểm nghề	22
2.2 Nhóm lý thuyết phát triển	22
2.3 Nhóm lý thuyết học tập từ xã hội	22
2.4 Nhóm các lý thuyết xuất hiện gần đây nhất	23
3. CÁC LÝ THUYẾT HƯỚNG NGHIỆP PHÙ HỢP VỚI VĂN HÓA VIỆT NAM	23
3.1 Lý thuyết mật mã Holland	23
3.2. Mô hình lý thuyết cây nghề nghiệp	27
3.3. Lý thuyết phát triển nghề nghiệp theo các giai đoạn của cuộc đời	29
3.4. Lý thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch	31
3.5 Mô hình lập kế hoạch nghề	34
3.6 Mô hình lý thuyết hệ thống	36
BÀI TẬP TỰ ĐÁNH GIÁ PHẦN 1	39
PHẦN 2: TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CÁ NHÂN	41
I. TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP	43
1. KHÁI NIỆM	43
2. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ	43
2.1 Mục tiêu	43
2.2. Nhiệm vụ	44
3. CÁC LOẠI HÌNH TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP	44
3.1 Tư vấn hướng nghiệp theo nhóm	44

3.2 Tư vấn hướng nghiệp cá nhân	44
3.3 Tư vấn tuyển sinh	45
4. TƯ VẤN VIÊN	45
5. THÁI ĐỘ CỦA TƯ VẤN VIÊN	46
II. THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI LÀM TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP	46
1. MỘT SỐ QUAN NIỆM NHẦM LẪN VỀ HƯỚNG NGHIỆP	46
2. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI LÀM TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP	47
III. SÁU KỸ NĂNG, HAI LIỆU PHÁP VÀ NĂM GIAI ĐOẠN TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CÁ NHÂN	49
1. SÁU KỸ NĂNG TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP	50
1.1. Hành vi quan tâm	50
1.2. Kỹ năng đặt câu hỏi	52
1.3. Kỹ năng phản hồi cảm xúc	55
1.4 Kỹ năng đối mặt	57
1.5. Kỹ năng tập trung	58
1.6. Kỹ năng phản hồi ý tưởng	59
2. HAI LIỆU PHÁP TƯ VẤN CÁ NHÂN VỀ HƯỚNG NGHIỆP	60
2.1. Liệu pháp kể chuyện (tư vấn tường thuật)	61
2.2. Liệu pháp tập trung vào giải pháp	62
3. NĂM GIAI ĐOẠN TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CÁ NHÂN	64
3.1 Giai đoạn khởi đầu	64
3.2 Giai đoạn tập hợp dữ liệu	64
3.3 Giai đoạn thiết lập mục tiêu chung	65
3.4 Giai đoạn hành động	65
3.5 Giai đoạn kết thúc	66
4. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO QUY TRÌNH TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CÁ NHÂN CÁ NHÂN ĐẠT HIỆU QUẢ	66
4.1 Năm vững lý thuyết hướng nghiệp	66
4.2 Hiểu rõ vai trò tư vấn viên	67
4.3 Thực hành và học hỏi liên tục	67
5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC KỸ NĂNG VÀ LIỆU PHÁP	67
BÀI TẬP TỰ ĐÁNH GIÁ PHẦN 2	69
PHẦN 3: VẬN DỤNG LÝ THUYẾT ĐỂ HỖ TRỢ HỌC SINH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HƯỚNG NGHIỆP	71
I. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NHẬN THỨC BẢN THÂN	73
II. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NHẬN THỨC NGHỀ NGHIỆP	73
III. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NGHỀ NGHIỆP	74

BÀI TẬP TỰ ĐÁNH GIÁ PHẦN 3	75
PHẦN 4: PHỤ LỤC	77
PHỤ LỤC 1	79
PHỤ LỤC 2	80
PHỤ LỤC 3	81
PHỤ LỤC 4	88
PHỤ LỤC 5	92
NHÓM KỸ THUẬT	92
NHÓM NGHIÊN CỨU	93
NHÓM NGHỆ THUẬT	94
NHÓM XÃ HỘI	95
NHÓM QUẢN LÝ	96
NHÓM NGHIỆP VỤ	97
PHỤ LỤC 6	99
PHỤ LỤC 7	101
TRƯỜNG HỢP THỨ NHẤT	101
TRƯỜNG HỢP THỨ HAI	102
TRƯỜNG HỢP THỨ BA	104
TRƯỜNG HỢP THỨ TƯ	106
TRƯỜNG HỢP THỨ NĂM	108
TRƯỜNG HỢP THỨ SÁU	109
TRƯỜNG HỢP THỨ BẢY	110
TRƯỜNG HỢP THỨ TÁM	113
TRƯỜNG HỢP THỨ CHÍN	114
TÀI LIỆU THAM KHẢO	115
CÁC TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT	115
CÁC TÀI LIỆU TIẾNG ANH	116

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BỘ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
CĐ	Cao đẳng
CNTT	Công nghệ thông tin
CTHN	Công tác hướng nghiệp
ĐH	Đại học
GS	Giáo sư
HS	Học sinh
HLHPN	Hội liên hiệp phụ nữ
KT	Kĩ thuật
LTHN	Lí thuyết hướng nghiệp
NC	Nghiên cứu
NGTV	Người được tư vấn
NT	Nghệ thuật
NV	Nghiep vụ
QL	Quản lí
TC	Trung cấp
TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
TS	Tiến sĩ
TTKTTH-HN	Trung tâm kĩ thuật tổng hợp hướng nghiệp
TVHN	Tư vấn hướng nghiệp
TVV	Tư vấn viên
XH	Xã hội

NỘI DUNG VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU

I. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG

Tài liệu chuyên đề “Kĩ năng tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho học sinh trung học” được xây dựng dựa trên các lí thuyết hướng nghiệp (LTHN) căn bản đã và đang được nhiều người sử dụng; các kinh nghiệm thực hiện tư vấn hướng nghiệp (TVHN) cá nhân của các tác giả và các cộng sự; hiện trạng công tác hướng nghiệp (CTHN) tại các cơ sở giáo dục bậc trung học. Trong nội dung của tài liệu này có các kiến thức, kĩ năng chung mà chúng ta có thể áp dụng cho mọi hình thức hoạt động hướng nghiệp với học sinh (như năng lực hướng nghiệp cần có của học sinh (HS), các LTHN, ...) – đây chính là những kiến thức nền tảng của CTHN - và các kiến thức, kĩ năng đặc trưng cho TVHN cá nhân (như các kĩ năng, liệu pháp, giai đoạn TVHN cá nhân...). Tuy phân chia như vậy, nhưng các kiến thức, kĩ năng đặc trưng cho TVHN cá nhân được trình bày trong tài liệu này, đặc biệt là hành vi quan tâm, kĩ năng lắng nghe và kĩ năng đặt câu hỏi vẫn có thể áp dụng và đem lại hiệu quả tốt trong những trường hợp, tình huống hướng nghiệp khác như TVHN nhóm lớn, nhóm nhỏ, tư vấn tuyển sinh... Do đó, việc học tập tích cực để hiểu rõ các nội dung trong tài liệu không chỉ rất hữu ích với những người làm TVHN cá nhân mà còn hữu ích với những cán bộ, giáo viên làm CTHN cho HS bậc trung học.

Tài liệu chuyên đề này gồm 4 phần như sau:

Phần I. Cơ sở lí thuyết để tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học

Nội dung chủ yếu:

- Năng lực hướng nghiệp cần có của HS;
- Các LTHN cơ bản.

Mục đích:

Giúp người sử dụng (cán bộ, giáo viên – những người làm nhiệm vụ hướng nghiệp) **mô tả** được các năng lực hướng nghiệp cần có của HS, **hiểu rõ** nội dung cơ bản của các LTHN và cách thức **áp dụng** các nội dung này trong quá trình giúp HS hướng nghiệp nói chung và TVHN cá nhân nói riêng.

Phần II. Tư vấn hướng nghiệp cá nhân

Nội dung chủ yếu:

- Khái niệm, mục đích và nhiệm vụ TVHN cá nhân;
- Phân biệt TVHN cá nhân với TVHN nhóm lớn và tư vấn tuyển sinh;
- 6 kĩ năng TVHN cá nhân;

- 2 liệu pháp TVHN cá nhân;
- 5 giai đoạn TVHN cá nhân;
- Sử dụng các kỹ năng và liệu pháp trong các giai đoạn TVHN cá nhân.

Mục đích:

Giúp người sử dụng phân biệt được TVHN cá nhân với các hình thức TVHN khác; hiểu rõ các yêu cầu đối với người làm nhiệm vụ TVHN cá nhân; biết cách và thực hiện được 5 giai đoạn, 6 kỹ năng, 2 liệu pháp TVHN cá nhân khi tiến hành một ca TVHN cá nhân cụ thể.

Ghi chú:

Để giúp người học đạt được mục đích trên, cùng với việc biên soạn các nội dung chủ yếu trong quyển tài liệu này, nhóm tác giả đã xây dựng một phim video về thực hành một ca TVHN cá nhân. Nội dung phim thể hiện cách sử dụng 6 kỹ năng, 2 liệu pháp và 5 giai đoạn TVHN đã trình bày trong tài liệu. Ở từng phân cảnh có giải thích cụ thể trong bối cảnh nào thì kỹ năng, liệu pháp và LTHN nào đã được sử dụng (xem kịch bản ở phụ lục 3). Do vậy, sau khi nghiên cứu kỹ quyển tài liệu này và nghe nội dung lý thuyết trong đĩa DVD lý thuyết, các bạn hãy xem phim video trong đĩa DVD thực hành như một cách suy ngẫm lại các nội dung lý thuyết đã thu nhận được cũng như các kết quả thực hành đã quan sát được.

Trong phần IV - phụ lục của quyển tài liệu này có nêu một số trường hợp TVHN cá nhân điển hình. Các bạn nên đọc tham khảo vì điều này sẽ hỗ trợ cho bạn rất nhiều khi thực hành làm TVHN trong thực tế.

Phần III. Vận dụng các kỹ năng và liệu pháp TVHN để hỗ trợ học sinh trung học phát triển các năng lực hướng nghiệp

Nội dung chủ yếu:

- Phát triển năng lực **nhận thức bản thân**;
- Phát triển năng lực **nhận thức nghề nghiệp**;
- Phát triển năng lực **xây dựng kế hoạch nghề nghiệp**.

Mục đích:

Giúp người sử dụng hiểu và có khả năng vận dụng 6 kỹ năng và 2 liệu pháp TVHN cá nhân vào việc hỗ trợ HS phát triển năng lực **nhận thức bản thân**, **nhận thức nghề nghiệp** và **lập kế hoạch nghề nghiệp** trong thực tiễn.

Ghi chú:

Khác với hai phần trước, trong phần này nhóm tác giả chỉ sử dụng video clips (xem đĩa DVD lý thuyết) để giải thích kết hợp với trình chiếu một số slide minh họa khi hỗ trợ HS phát triển từng năng lực hướng nghiệp cần thiết. Bạn có thể nghe kết hợp với quan sát các slides trên màn hình 2 -3 lần để hiểu rõ mục đích, ý nghĩa và cách vận dụng sáu kỹ năng và hai liệu pháp TVHN cá nhân vào việc hỗ trợ HS trung học phát triển các năng lực hướng nghiệp.

Phần IV. Phụ lục

Phụ lục 1: Một số câu hỏi tham khảo để làm phiếu cho hoạt động trải nghiệm trước khi học tập tài liệu

Phụ lục 2: Đáp án các bài tập tự đánh giá kết quả học tập Phần 1 và Phần 2 trong tài liệu

Phụ lục 3: Kịch bản phim “kỹ năng tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho HS trung học”

Phụ lục 4: Phiếu trắc nghiệm sở thích theo lý thuyết mật mã Holland

Phụ lục 5: Sáu nhóm tính cách theo lý thuyết mật mã Holland

Phụ lục 6: Một số mẫu câu hỏi sử dụng trong tư vấn hướng nghiệp

Phụ lục 7: Một số câu chuyện TVHN cá nhân điển hình

II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Bộ tài liệu chuyên đề này gồm có: sách chuyên đề, 1 đĩa DVD lý thuyết hướng dẫn, giải thích một số LTHN trong sách và 1 đĩa DVD thực hành thể hiện 6 kỹ năng, 2 liệu pháp, 5 giai đoạn TVHN và các LTHN được sử dụng trong từng giai đoạn TVHN cá nhân. Để việc tự học từ bộ tài liệu này đạt kết quả và có tác dụng thiết thực trong việc hoàn thiện kỹ năng TVHN cá nhân của bản thân, khi học mỗi phần trong bộ tài liệu này, bạn hãy kết hợp tự học và trao đổi với đồng nghiệp của bạn theo tiến trình sau:

Bước 1. Thực hiện hoạt động trải nghiệm để xác định mức độ hiểu biết của bản thân về TVHN cá nhân

Bạn là người đã có ít nhiều hiểu biết và kinh nghiệm về TVHN. Vì vậy, trước khi nghiên cứu, học tập các nội dung cụ thể trong bộ tài liệu này, bạn hãy tự xác định xem bản thân mình đã có những hiểu biết, kỹ năng gì về TVHN cá nhân.

Cách làm: Bạn hãy cùng các đồng nghiệp – những người làm nhiệm vụ hướng nghiệp và TVHN ở cơ sở giáo dục của mình lập thành nhóm. Một người trong nhóm làm các phiếu bốc thăm, trong đó ghi tên các LTHN, các kỹ năng và các liệu pháp TVHN cá nhân. Lần lượt từng người trong nhóm bốc thăm và trả lời các câu hỏi trong phiếu (bạn có thể tham khảo nội dung các phiếu ở Phụ lục 1). Việc trao đổi, chia sẻ với đồng nghiệp các hiểu biết, trải nghiệm của bản thân sẽ rất hữu ích cho bạn trong việc xác định những nội dung bạn cần tập trung nghiên cứu, học hỏi đồng nghiệp và thực hành khi tự học theo hướng dẫn trong tài liệu.

Bước 2: Học tập tài liệu theo hình thức tự học kết hợp với trao đổi, thảo luận nhóm

- Trước hết, bạn hãy đọc kỹ Phần 1 của quyển sách này để hiểu rõ các cơ sở lý thuyết của TVHN cá nhân, đặc biệt là nội dung cơ bản của các LTHN và cách áp dụng từng lý thuyết. Trong quá trình đọc, bạn cần tập trung chú ý nhiều hơn vào những nội dung mình còn chưa hiểu rõ hoặc còn thiếu mà bạn đã xác định được sau khi thực hiện bước 1. Với một số LTHN

cơ bản (lí thuyết mật mã Holland, lí thuyết cây nghề nghiệp, lí thuyết hệ thống), sau khi nghiên cứu nội dung cơ bản và ý nghĩa, cách áp dụng lí thuyết ở sách này, bạn hãy mở đĩa DVD lí thuyết, đọc và nghe chuyên gia TVHN, đồng thời là tác giả của tài liệu giải thích và nêu ví dụ minh họa để hiểu rõ hơn, đầy đủ hơn về các LTHN này.

- Tiếp theo, bạn hãy đọc kĩ nội dung của Phần 2. Sau đó, mở đĩa DVD thực hành, xem phim video về một ca TVHN cá nhân có thực để hiểu rõ hơn cách áp dụng các LTHN, 5 giai đoạn, 6 kĩ năng và 2 liệu pháp TVHN cá nhân. Ngoài lời thoại của hai nhân vật trong phim (Tư vấn viên - TVV và người được tư vấn – NĐTV), trong từng đoạn của phim video còn có các phụ đề chỉ rõ các lần TVHN; các LTHN, giai đoạn, kĩ năng, liệu pháp TVHN được áp dụng cho mỗi lần TVHN và phần tóm tắt nội dung của chuyên gia TVHN. Trong quá trình xem phim, bạn có thể dừng phim và tua lại để xem những nội dung bạn chưa hiểu rõ hoặc muốn hiểu rõ hơn, sâu hơn nữa. Sau khi xem phim, bạn nên đọc tiếp Phụ lục 7 trong Phần phụ lục để tham khảo thêm một số trường hợp TVHN cá nhân điển hình. Điều này rất hữu ích với công việc TVHN cá nhân sau này của bạn.

- Cuối cùng, bạn hãy mở lại đĩa DVD lí thuyết, tập trung lắng nghe và quan sát các slides trên màn hình để học tập các nội dung của phần 3: “Vận dụng các lí thuyết để hỗ trợ HS phát triển các năng lực hướng nghiệp”. Có thể bạn phải theo dõi 2-3 lần để hiểu rõ mục đích, ý nghĩa và cách giúp HS phát triển năng lực **nhận thức bản thân, nhận thức nghề nghiệp và xây dựng kế hoạch nghề nghiệp** khi làm TVHN.

Với mỗi phần, bạn nên kết hợp chặt chẽ giữa việc chủ động tự học của bản thân với trao đổi, chia sẻ với các đồng nghiệp để hiểu sâu hơn về từng vấn đề được trình bày trong tài liệu. Trong quá trình thực hiện bước 2, bạn hãy liên tưởng đến các tình huống có thể xảy ra trong thực tiễn TVHN cá nhân, sau đó vận dụng những kiến thức lí thuyết bạn vừa lĩnh hội được để giải thích hoặc đề xuất cách giải quyết theo cách riêng của bạn.

Bước 3: Thực hành áp dụng

Sau khi đã hiểu rõ nội dung của phần vừa học, bạn hãy thực hành áp dụng ngay các nội dung đó vào thực tiễn TVHN cá nhân ở nơi mình công tác, sinh sống. Thực hành càng nhiều càng tốt. Bạn là người năng động, sáng tạo nên bạn không nhất thiết phải cố gắng làm thật đúng theo những hướng dẫn trong tài liệu. Hãy căn cứ vào điều kiện thực tiễn, đặc điểm tâm - sinh lí của đối tượng được tư vấn và năng lực của chính bản thân bạn để vận dụng các nội dung trong tài liệu cho phù hợp, khả thi và hiệu quả. Khi thực hiện bước này, bạn nên chia sẻ, trao đổi với đồng nghiệp để nhận được các góp ý quý báu từ đồng nghiệp của bạn.

Bước 4. Tự đánh giá

Cuối mỗi phần trong tài liệu này đều có các tình huống, câu hỏi được đưa ra nhằm giúp bạn tự đánh giá kết quả học tập và năng lực làm TVHN cá nhân của bạn. Bạn hãy cố gắng tự mình hoàn thành các bài tập đánh giá. Những chỗ vướng mắc, bạn có thể trao đổi với đồng nghiệp hoặc xem lại nội dung trong quyển tài liệu này hay xem các đĩa DVD lí thuyết, đĩa

DVD thực hành. Sau khi làm xong bài tập tự đánh giá, bạn hãy đối chiếu kết quả của bạn với đáp án ở cuối tài liệu. Nếu làm đúng các bài tập và chắc chắn rằng bạn đã hiểu nội dung vừa học, bạn chuyển sang học tập phần tiếp theo. Nếu chưa đúng, bạn hãy quay lại làm bài tập. Có vấn đề nào bạn còn thắc mắc hoặc lúng túng khi thực hiện, bạn có thể hỏi nhóm tư vấn biên soạn tài liệu qua địa chỉ email sẽ cung cấp dưới đây.

Kết quả sử dụng tài liệu học tập cũng như năng lực TVHN cá nhân của bạn phụ thuộc vào chính bạn.

Chúc bạn thành công trong vai trò là người TVHN cho HS trung học.

Nếu bạn có ý kiến đóng góp hoặc vướng mắc gì cần được chia sẻ, hãy liên lạc với chúng tôi qua các địa chỉ sau:

Email: Cucng@moet.edu.vn

Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

Toà nhà 8C ngõ 30 Tạ Quang Bửu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

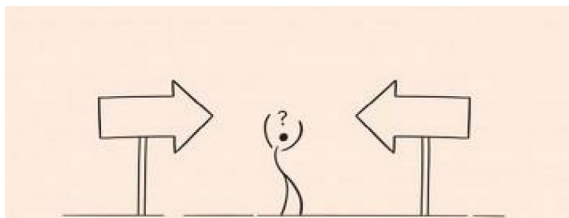
**CƠ SỞ LÝ THUYẾT
ĐỂ TƯ VẤN
HƯỚNG NGHIỆP
CHO HỌC SINH
TRUNG HỌC**

PHẦN 1

I

NĂNG LỰC HƯỚNG NGHIỆP CỦA HỌC SINH

Trong hướng nghiệp, kết quả chọn hướng học, chọn nghề của HS phụ thuộc chủ yếu vào sự hiểu biết về sở thích, khả năng của bản thân HS, về các thông tin nghề nghiệp và năng lực xây dựng kế hoạch nghề nghiệp của HS đó. Do vậy, nhiệm vụ chính của CTHN là giúp cho HS hình thành và phát triển các năng lực hướng nghiệp cần thiết, đó là: Năng lực nhận thức bản thân, năng lực nhận thức nghề nghiệp và năng lực xây dựng kế hoạch nghề nghiệp. Ba nhóm năng lực hướng nghiệp tổng quát của HS được thể hiện qua sơ đồ sau:



Nhận thức bản thân



Nhận thức nghề nghiệp



Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp

Sơ đồ 1. Các năng lực hướng nghiệp của học sinh

Ba nhóm năng lực hướng nghiệp trên của HS đã được xác định qua quá trình nghiên cứu và tham khảo các văn bản, quy định của Chính phủ Việt Nam⁽¹⁾ và Bộ GD&ĐT⁽²⁾; thực tiễn kinh nghiệm thực hiện CTHN của Việt Nam và quốc tế; sự tham vấn của nhiều nhà chuyên môn, quản lý có liên quan. Trong thời gian qua, ba nhóm năng lực này được sử dụng làm cơ sở để xây dựng định hướng và các hoạt động nâng cao hiệu quả CTHN cho HS trung học. Từ ba nhóm năng lực hướng nghiệp trên, chúng tôi đã phát triển chi tiết hơn thành khung năng lực hướng nghiệp của HS như sau:

Bảng 1. Khung năng lực hướng nghiệp của học sinh

KHU VỰC A Nhận thức bản thân	Năng lực 1 Xây dựng được kiến thức về bản thân trong bốn lĩnh vực: <i>sở thích, khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp</i>, và dùng kiến thức này cho việc hướng nghiệp suốt đời. Năng lực 2 Tìm hiểu được hoàn cảnh của mình trong bối cảnh gia đình, cộng đồng, Việt Nam và thế giới, và dùng kiến thức này cho việc hướng nghiệp suốt đời. Năng lực 3 Xác nhận được mong muốn, ước mơ, hy vọng, mục tiêu đời mình, và dùng kiến thức này cho việc hướng nghiệp suốt đời.
KHU VỰC B Nhận thức nghề nghiệp	Năng lực 4 Xây dựng kiến thức về các ngành học, các trường đại học (ĐH), cao đẳng (CĐ), trung cấp (TC) và trường nghề ở trong và ngoài nước, và dùng kiến thức này cho quyết định chọn ngành học, trường học sau khi học xong lớp 9, lớp 12. Năng lực 5 Xây dựng kiến thức về nghề, các cơ quan, công ty, doanh nghiệp trong và ngoài nước, và dùng kiến thức này cho quyết định chọn nghề và nơi làm việc (công ty, cơ quan, nhà máy, v.v...) trong tương lai. Năng lực 6 Đánh giá được vai trò của thông tin cũng như sử dụng được ảnh hưởng của thông tin đối với việc quyết định nghề nghiệp (chọn ngành học, trường học, loại công việc và nơi làm việc) của mình.
KHU VỰC C Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp	Năng lực 7 Xác định mục tiêu nghề nghiệp. Năng lực 8 Hoạt động ngoại khóa và tham gia phục vụ cộng đồng để tạo thêm cơ hội nghề nghiệp. Năng lực 9 Lập kế hoạch và từng bước thực hiện kế hoạch nghề nghiệp.

1. Văn kiện nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X; Điều 27 – Mục tiêu giáo dục – Luật giáo dục. Điều 3 – Nghị định 75/2006/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục.

2. Chỉ thị 33/2003/CT-BGDĐT; Mục tiêu HDGDHN - Chương trình GDPT ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ – BGDĐT ngày 5/5/2006.

Như vậy quyết định hướng nghiệp mà HS ở từng khối lớp cần phải có như sau:

Bảng 2: Các quyết định hướng nghiệp theo từng lớp

LỚP 9	LỚP 10	LỚP 11	LỚP 12
HS chọn được bạn học và hướng học ở cấp học, bậc học cao hơn hay chọn học nghề	HS tìm hiểu sâu hơn sở thích và khả năng nghề nghiệp của bản thân	HS tìm hiểu thông tin tuyển sinh và thông tin học nghề ở bậc học cao hơn	HS chọn ngành học ở bậc học cao hơn hoặc học nghề

Khung năng lực hướng nghiệp của HS cũng là cơ sở để triển khai TVHN cá nhân, vì căn cứ vào nội dung này, chúng ta sẽ xác định được trình tự, nội dung các công việc cần làm khi thực hiện một ca TVHN. Các công việc chính có thể tóm tắt lại như sau: trước hết cần giúp cho NĐTV *hiểu rõ về bản thân*, tiếp theo là tìm hiểu *thông tin nghề nghiệp*, cuối cùng là *xây dựng kế hoạch nghề nghiệp* dựa vào những thông tin đã có về bản thân và nghề nghiệp.

Ngoài ra, nội dung trong Khung năng lực hướng nghiệp của HS còn giúp người sử dụng trả lời được các câu hỏi: Sử dụng kĩ năng hay liệu pháp TVHN cá nhân nào và để làm gì? và, sử dụng kĩ năng, liệu pháp TVHN này trong từng giai đoạn TVHN như thế nào cho hợp lí, đạt kết quả?. Do đó, Khung năng lực hướng nghiệp của HS được coi là cơ sở lý thuyết quan trọng cho mỗi người làm CTHN nói chung và làm TVHN cá nhân nói riêng. Người sử dụng cần phải hiểu rõ và hiểu đầy đủ để xác định các bước đi cần thiết cũng như các nội dung cần thực hiện khi thực hiện bất kì hoạt động hướng nghiệp hay TVHN cho bất kỳ trường hợp nào.



CÁC LÝ THUYẾT HƯỚNG NGHIỆP

1. Ý NGHĨA ĐỐI VỚI TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CÁ NHÂN

Để xây dựng nền tảng cho công tác TVHN cá nhân, trước hết TVV cần phải học và hiểu rõ các LTHN. Có hiểu rõ các LTHN thì TVV mới có cơ sở để giải thích hoặc hiểu được các trường hợp chọn lựa và phát triển nghề nghiệp khác nhau. LTHN là nền móng cho TVHN cá nhân cũng như các hoạt động khác trong CTHN. Hiểu rõ các LTHN còn giúp TVV dự đoán được những kết quả có thể sẽ xảy ra khi làm TVHN cá nhân và biết trước được những ảnh hưởng của môi trường tới các quyết định lựa chọn, phát triển nghề nghiệp của NĐTV.

Tuy nhiên, không phải LTHN nào cũng thích hợp với tất cả TVV và NĐTV. Vì vậy, TVV cần phải hiểu sâu từng LTHN để tìm ra và áp dụng được những LTHN phù hợp với đặc điểm văn hoá, đặc điểm tâm sinh lý, trình độ... của NĐTV và thực tế của từng vùng, miền.

2. GIỚI THIỆU CÁC NHÓM LÝ THUYẾT HƯỚNG NGHIỆP⁽³⁾

Có rất nhiều LTHN, từ cổ điển đến hiện đại. Các LTHN ngày càng phát triển do sự thay đổi kinh tế - xã hội, mỗi năm lại thêm các LTHN mới xuất hiện. Sau đây, chúng tôi giới thiệu tóm tắt các nhóm LTHN căn bản, phổ biến trong lĩnh vực hướng nghiệp và được các nhà chuyên môn đánh giá là xương sống của ngành TVHN. Đó là 1. Nhóm lý thuyết đặc tính cá nhân và đặc điểm nghề; 2. Nhóm lý thuyết phát triển; 3. Nhóm lý thuyết học tập từ xã hội và nhóm các lý thuyết xuất hiện gần đây nhất.

2.1 Nhóm lý thuyết đặc tính cá nhân và đặc điểm nghề

Nhóm lý thuyết này nhấn mạnh **năng lực nhận biết và phát triển các đặc điểm cá nhân của mỗi người trong việc tìm môi trường công việc phù hợp với họ**. Nhóm lý thuyết này được TVV sử dụng để giúp NĐTV nhận ra mình là ai qua tìm hiểu những đặc điểm của bản thân liên quan đến nghề nghiệp như *khả năng, sở thích, cá tính, giá trị nghề nghiệp* và dùng kết quả này để tìm công việc phù hợp với bản thân. Một ví dụ điển hình của nhóm lý thuyết đặc tính cá nhân và đặc điểm nghề là **Lý thuyết mật mã Holland**.

2.2 Nhóm lý thuyết phát triển

Nhóm lý thuyết phát triển được phân loại dựa trên các giai đoạn phát triển của con người với giả định rằng, *những yếu tố ảnh hưởng quá trình phát triển và chọn lựa nghề nghiệp của mỗi người liên quan chặt chẽ với các giai đoạn phát triển cá nhân và tâm lý của họ*. Nhóm lý thuyết phát triển dùng 5 giai đoạn cuộc đời (giai đoạn phát triển, giai đoạn khám phá, giai đoạn thiết lập, giai đoạn duy trì và giai đoạn giảm sút) để giải thích sự phát triển nghề nghiệp, đồng thời cung cấp một cái nhìn mới về hướng nghiệp. Đó là sự kết hợp giữa các vai trò khác nhau trong cuộc sống của mỗi người (vai trò làm con, HS, làm cha mẹ, làm người lao động, v.v...) đối với sự phát triển nghề nghiệp của họ. Một ví dụ điển hình của nhóm lý thuyết phát triển là **Lý thuyết phát triển nghề nghiệp theo các giai đoạn của cuộc đời của TS. Donald Super**.

2.3 Nhóm lý thuyết học tập từ xã hội

Nhóm lý thuyết này tin rằng, *quyết định nghề nghiệp chịu ảnh hưởng bởi yếu tố di truyền của cá nhân (như khả năng đặc biệt, năng khiếu), điều kiện môi trường, sự học hỏi qua trải nghiệm cuộc sống và kỹ năng ra quyết định của mỗi người*. Kết quả là mỗi người sẽ phát triển một nhân sinh quan rất riêng cho bản thân và điều này có ảnh hưởng rất nhiều đến quá

3. Tài liệu tham khảo: Thông tin nghề nghiệp, Tư vấn nghề và Phát triển nghề của Duane Brown, 2007, Giáo dục con người, Pearson Education, Inc., USA

trình phát triển nghề nghiệp của họ. Một ví dụ điển hình của nhóm lý thuyết học tập từ xã hội là **Lý thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch** của John Krumboltz.

2.4 Nhóm các lý thuyết xuất hiện gần đây nhất

Các nhóm LTHN kể trên (lý thuyết đặc tính cá nhân và đặc điểm nghề, lý thuyết phát triển và lý thuyết học tập từ xã hội) dựa trên triết lý của chủ nghĩa thực chứng và cho rằng:

- Hành vi con người có thể đo lường được;
- Quá trình nghiên cứu phải khách quan. Nói cách khác, những quan điểm về giá trị của người nghiên cứu phải được tách ra hoàn toàn trong quá trình nghiên cứu;
- TVV phải luôn đảm bảo sự khách quan trong quá trình TVHN cá nhân trên cơ sở sử dụng những trắc nghiệm và công cụ có nền tảng nghiên cứu.

Nhưng, nhóm những lý thuyết xuất hiện gần đây nhất (như **lý thuyết xây dựng nghề nghiệp, mô hình lý thuyết hệ thống, lý thuyết về sự hỗn loạn...**) lại dựa trên triết lý hoàn toàn trái ngược với triết lý của chủ nghĩa thực chứng vì những lý thuyết này cho rằng:

- Hành vi con người không thể đo lường một cách khách quan được;
- Quá trình nghiên cứu khó có thể khách quan vì nó được dẫn dắt bởi những quan điểm về giá trị của người nghiên cứu;
- TVV tập trung vào câu chuyện của NĐTV và giúp họ đưa ra mục tiêu nghề nghiệp dựa vào chính nhân sinh quan của họ.

Một ví dụ điển hình của nhóm lý thuyết này là mô hình **Lý thuyết hệ thống**. Liệu pháp kể chuyện - một trong hai liệu pháp TVHN cá nhân quan trọng - cũng được xây dựng dựa trên nhóm LTHN này.

3. CÁC LÝ THUYẾT HƯỚNG NGHIỆP PHÙ HỢP VỚI VĂN HÓA VIỆT NAM

Trong phạm vi tài liệu này, nhóm tác giả chỉ lựa chọn một số mô hình và LTHN điển hình, phù hợp với bối cảnh của Việt Nam để giới thiệu chi tiết. Các mô hình và LTHN này thuộc 4 nhóm LTHN đã được giới thiệu ở phần trên. Đây là những mô hình và LTHN đã được tác giả (Hồ Phụng Hoàng Phoenix) sử dụng nhiều trong CTHN với HS, cha mẹ HS của một số trường ĐH, trung học và cán bộ cộng đồng tại Việt Nam trong 5 năm vừa qua.

Ngoài các lý thuyết và mô hình LTHN được giới thiệu trong tài liệu này, cán bộ, giáo viên làm nhiệm vụ TVHN có thể tham khảo thêm các LTHN khác qua các tài liệu tiếng Anh được giới thiệu trong danh mục tài liệu tham khảo ở cuối tài liệu.

3.1 Lý thuyết mật mã Holland



Giới thiệu

Lý thuyết mật mã Holland (Holland codes) thuộc nhóm **Lý thuyết đặc tính cá nhân và đặc điểm nghề**, được phát triển bởi nhà tâm lý học John Holland (1919-2008). Ông là người

nổi tiếng và được biết đến rộng rãi nhất qua nghiên cứu lý thuyết lựa chọn nghề nghiệp. Có thể nói, lý thuyết mật mã Holland là lý thuyết thực tế nhất, có nền tảng nghiên cứu nhất và được các chuyên gia TVHN trong và ngoài nước Mỹ sử dụng nhiều nhất.

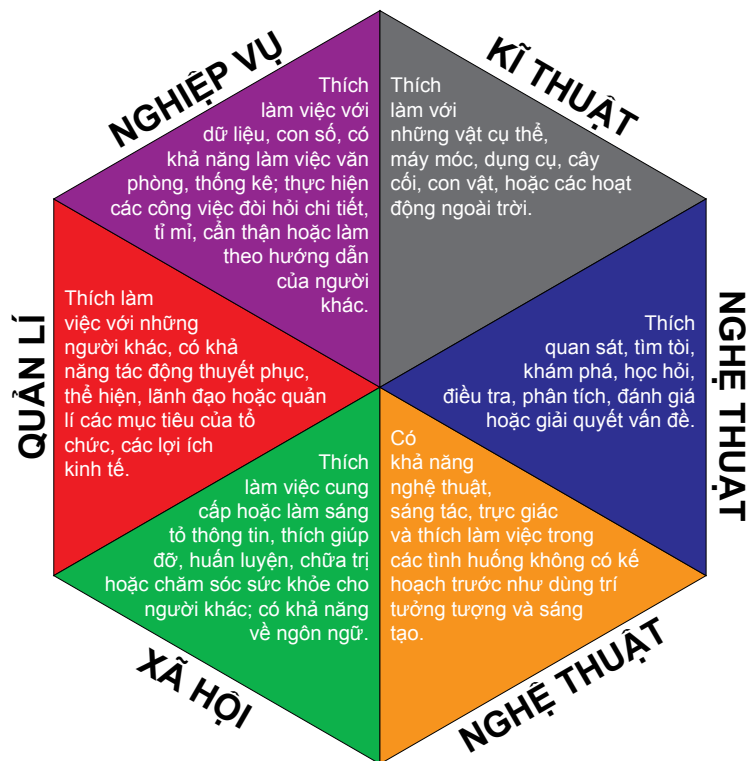


Nội dung cơ bản

Lý thuyết mật mã Holland đưa ra một số luận điểm rất có giá trị trong hướng nghiệp, trong đó có 2 luận điểm cơ bản là:

- Nếu một người chọn được công việc phù hợp với tính cách của họ thì họ sẽ dễ dàng phát triển và thành công trong nghề nghiệp. Nói cách khác, những người làm việc trong môi trường tương tự như tính cách của mình hầu hết sẽ thành công và hài lòng với công việc.
- Hầu như ai cũng có thể được xếp vào 1 trong 6 kiểu tính cách và có 6 môi trường hoạt động tương ứng với 6 kiểu tính cách, đó là: Nhóm kỹ thuật (KT); Nhóm nghiên cứu (NC); Nhóm nghệ thuật (NT); Nhóm xã hội (XH); Nhóm quản lý (QL); Nhóm nghiệp vụ (NV).⁽⁴⁾

Nội dung cơ bản của 6 nhóm tính cách theo lý thuyết mật mã Holland được thể hiện trong hình dưới đây:



Hình 1. Sáu nhóm tính cách theo lý thuyết mật mã Holland

4. Theo Lý thuyết mật mã Holland, có 6 kiểu người tương ứng với 6 nhóm tính cách: Realistic (R)- tạm dịch là **người thực tế/ Kỹ thuật (KT)**; Investigative (I)- tạm dịch là **nhà nghiên cứu/ Nghiên cứu (NC)**; Artistic (A)- tạm dịch là **Nghệ sĩ/ Nghệ thuật (NT)**; Social (S)- tạm dịch là **người công tác xã hội/ Xã hội (XH)**; Enterprising (E)- Tạm dịch là **người dám làm/ quản lý (QL)**; Conventional (C) – tạm dịch là **người tuân thủ/ Nghiệp vụ (NV)**. 6 chữ cái của 6 kiểu người đặc trưng gộp lại thành chữ RIASEC. Vì vậy, lý thuyết mật mã Holland còn được gọi là **thuyết RIASEC**.

Trong thực tế, tính cách của nhiều người không nằm trọn trong một nhóm tính cách mà thường là sự kết hợp của 2 nhóm tính cách, có khi còn nhiều hơn, ví dụ: Nghiên cứu – Kỹ thuật, Nghệ thuật – Xã hội... Do đó, khi tìm hiểu bản thân có thể phải xem xét nhiều hơn một nhóm tính cách để thực sự xác định được nhóm nào phù hợp với mình hơn cả.



CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT:

Một người (nam hay nữ) thuộc cả sáu nhóm

Có những người sau khi làm trắc nghiệm thấy mình có sở thích và khả năng rộng, trải đều cả 6 nhóm. Thông thường những người có đặc điểm này phải mất một thời gian dài mới tìm được công việc mình thực sự yêu thích. Cũng có trường hợp, họ sẽ làm một số công việc cùng một lúc.

Một người (nam hay nữ) không thuộc về nhóm nào

Có những người sau khi làm trắc nghiệm thấy mình có sở thích và khả năng rất thấp ở tất cả các nhóm, gần như không nổi trội ở nhóm nào. Thông thường, những người có đặc điểm này cần phải có cơ hội trải nghiệm thêm ở những môi trường hoạt động khác nhau trước khi hiểu bản thân hơn. Có những trường hợp, các em HS có khả năng về mỹ thuật, âm nhạc và thủ công mỹ nghệ nhưng không được gia đình khuyến khích hoặc chưa bao giờ có cơ hội tiếp cận với những lĩnh vực này thì khó có thể biết được những sở thích và khả năng nghề nghiệp của mình.

Một người (nam hay nữ) thuộc về hai nhóm sở thích và khả năng nghề nghiệp đối lập nhau

Có những người sau khi làm trắc nghiệm thấy mình có sở thích và khả năng nghề nghiệp ở các nhóm đối lập nhau, ví dụ như NV và NT; XH và KT; QL và NC. Thông thường, những người có đặc điểm này thường cảm thấy mâu thuẫn với chính bản thân vì các đặc điểm của hai nhóm đối lập rất khác nhau. Những người này sau khi hiểu được bản thân và học được cách kết hợp, dung hòa giữa hai nhóm sẽ tìm được câu trả lời cho mục tiêu nghề nghiệp của đời mình.



Ý nghĩa và áp dụng

Lý thuyết mật mã Holland được áp dụng rộng rãi đối với người bắt đầu tìm hiểu sở thích, khả năng nghề nghiệp của bản thân và có ý nghĩa quan trọng đối với các TVV cũng như NĐTV. Thông qua việc sử dụng kết quả nghiên cứu của lý thuyết này (trắc nghiệm sở thích), NĐTV sẽ nhận thức rõ hơn về bản thân, biết được bản thân thuộc nhóm nào (hay các nhóm nào) và có cơ sở để đối chiếu sở thích, khả năng của bản thân với những yêu cầu của các ngành nghề thuộc nhóm sở thích đã xác định. Từ đó, đưa ra định hướng nghề nghiệp hoặc quyết định chọn ngành học, nghề nghiệp tương lai⁽⁵⁾. Khi sử dụng lý thuyết này, TVV nên cố gắng đưa ra các tình huống, câu hỏi

5. Xem thêm phiếu trắc nghiệm sở thích và 6 nhóm tính cách theo lý thuyết mật mã Holland trong phụ lục 4, 5- phần phụ lục.

để giúp NĐTV nhận ra được những định kiến giới, phân biệt đối xử giới có ảnh hưởng tới việc nhận thức bản thân và quyết định nghề nghiệp của NĐTV. TVV có thể giúp NĐTV tìm hiểu thêm các nhóm nghề khác nhau để kiểm định kết quả trắc nghiệm về nhóm nghề của mình. TVV không nên có thái độ cho rằng nam giới hay nữ giới thì phải thuộc nhóm tính cách nhất định nào đó mới đúng.

Trong thực tế hướng nghiệp ở nước ta, nếu sử dụng tốt các trắc nghiệm theo lý thuyết Mật mã Holland sẽ rất hữu dụng cho những NĐTV trong việc quyết định hướng học, chọn nghề, chọn ngành, chọn trường để chuẩn bị cho công tác tuyển sinh. Đối với các em HS (nam, nữ) lớp 9, lý thuyết này có thể giúp các em ra quyết định tiếp tục học lên bậc THPT và theo một ban nào đó (ban Tự nhiên, ban Xã hội hay ban Cơ bản) hoặc quyết định học trường nghề, nơi các em vừa tiếp tục học văn hóa để lấy bằng tốt nghiệp THPT, vừa học nghề phù hợp để khi ra trường là có thể đi làm ngay được.

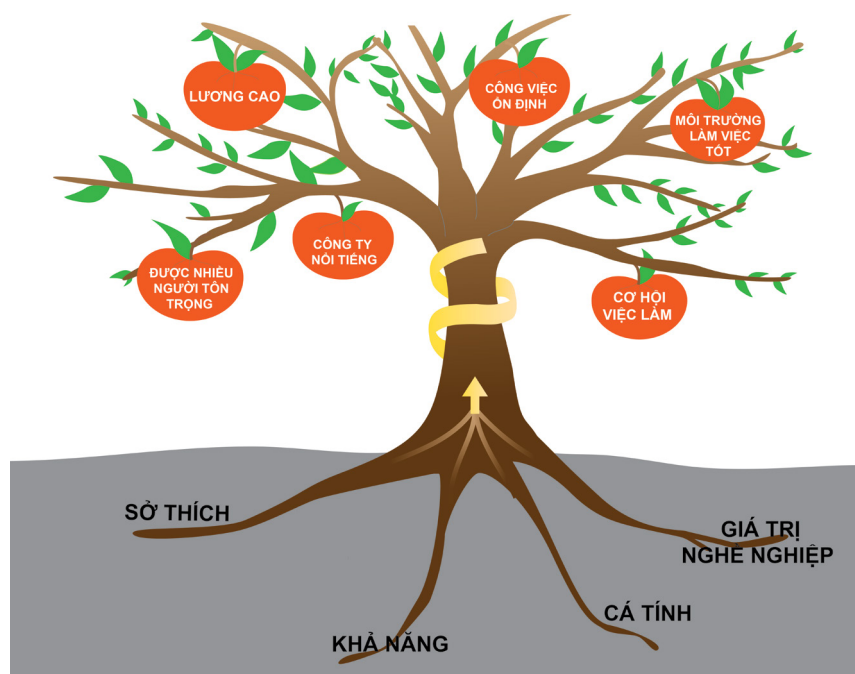
Ví dụ:

Sơn là HS lớp 9 có học lực trung bình yếu, gia đình khó khăn nên không muốn học tiếp lên THPT. Sau khi làm trắc nghiệm sở thích theo lý thuyết mật mã Holland, Sơn thấy mình thuộc hai nhóm KT và NT. Em đã tìm hiểu các nghề trong hai nhóm đó và quyết định theo học nghề trang điểm. Lúc đầu em cũng cảm thấy e ngại vì mọi người đều cho rằng nghề này chỉ thích hợp với phụ nữ. Nhưng khi tìm hiểu trong thực tế, em thấy có nhiều người là nam giới rất thành đạt trong nghề trang điểm, làm đẹp. Vì vậy, sau khi hoàn thành chương trình THCS, em đã quyết định đăng ký tham gia học lớp dạy nghề trang điểm. Trong quá trình học nghề, em được cô giáo khuyến khích học tiếp trung học chuyên nghiệp. Khi đi thực tập, em đã có cơ hội tham gia đoàn phim. Hiện nay, em đang làm công việc trang điểm cho cô dâu, ca sĩ, diễn viên và đã gặt hái được những thành công trong nghề nghiệp.

Lý thuyết này cũng có thể được sử dụng để giúp các em lớp 12 quyết định chọn ngành, nghề đào tạo, cơ sở đào tạo (CD, ĐH hay trường nghề, trường TCCN) và thực hiện kế hoạch nghề nghiệp mà các em muốn theo đuổi sau khi tốt nghiệp THPT. Thực tế cho thấy, nếu sử dụng tốt Lý thuyết mật mã Holland sẽ giúp HS hiểu rõ thực lực bản thân và bớt hoang mang khi đưa ra quyết định lựa chọn con đường phù hợp với bản thân. Nhờ đó, các em không phải cố gắng thi đấu vào ĐH hay CD bằng bất kì giá nào, bất kể ngành nghề đó có phù hợp với mình hay không.

Trước khi chuyển sang tìm hiểu LTHN tiếp theo, xin mời bạn nghe và xem các slides trong clip: “Lý thuyết mật mã Holland” để hiểu rõ hơn về lý thuyết này. Bạn có thể nghe và xem qua đĩa DVD lý thuyết kèm theo tài liệu này hoặc mở youtube (lý thuyết mật mã Holland) theo đường link: https://www.youtube.com/watch?v=bM_6olx80T0&feature=youtu.be

3.2. Mô hình lý thuyết cây nghề nghiệp⁽⁶⁾



Hình 2. Mô hình lý thuyết cây nghề nghiệp



Giới thiệu

Mô hình lý thuyết cây nghề nghiệp thuộc nhóm **Lý thuyết đặc tính cá nhân và đặc điểm nghề** được lập ra để giải thích vai trò quan trọng của mối tương quan chặt chẽ giữa sở thích, khả năng cá tính và giá trị nghề nghiệp của một người (nam hay nữ) với khả năng tuyển dụng đối với họ sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo. Mô hình này khá đơn giản, nhưng nếu hiểu rõ nội dung cơ bản của mô hình sẽ giúp NĐTV tránh được những quan niệm nhầm lẫn về hướng nghiệp đang xảy ra tương đối phổ biến ở nước ta (sẽ nêu rõ ở phần sau).



Nội dung cơ bản

Sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp là những yếu tố cơ bản, có ảnh hưởng mang tính quyết định đến sự thành đạt trong nghề nghiệp của mỗi người (nam hay nữ). Vì vậy, nó được coi là “gốc rễ” của “cây nghề nghiệp” và buộc mỗi người phải có *năng lực nhận thức bản thân* để hiểu rõ về nó trước khi chọn nghề. Nói cách khác, khi chọn bất cứ một ngành, nghề nào, mỗi người đều phải *dựa vào sở thích nghề nghiệp*,

6. Tài liệu tham khảo: *Tài liệu bổ sung sách giáo viên giáo dục hướng nghiệp lớp 9* - Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Trần Thị Thu và Nguyễn Ngọc Tài, NXB ĐH Quốc gia, 2012.

khả năng thực có, cá tính và giá trị nghề nghiệp⁷⁾ của bản thân mình, tức là dựa vào “rễ” của “cây nghề nghiệp”. Nếu một người (nam hay nữ) quyết tâm theo học ngành, nghề phù hợp với “rễ” thì sau khi hoàn thành chương trình đào tạo sẽ có nền tảng vững chắc để thu được những “quả ngọt” trong nghề nghiệp, như cơ hội tìm kiếm việc làm cao; dễ dàng được tuyển dụng vào vị trí thích hợp; tìm được môi trường làm việc tốt; lương cao; được nhiều người tôn trọng...



Ý nghĩa và áp dụng

Thành đạt trong nghề nghiệp là ước vọng chính đáng của mỗi người (nam hay nữ). Để đạt được ước vọng, yếu tố quan trọng hàng đầu là phải chọn được hướng học, chọn nghề phù hợp với sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của bản thân. Do vậy, việc TVHN cá nhân nói riêng, hướng nghiệp cho nam, nữ HS và cả phụ huynh HS nói chung dựa vào mô hình lí thuyết cây nghề nghiệp là rất quan trọng.

Trong thực tế, phần lớn các em HS (nam hay nữ) khi được hỏi: “Vì sao em theo học ngành này hay thích nghề này?” thì câu trả lời thường là: “Tại vì công việc này hiện đang được xem là ngành nóng trong thị trường”, hay “Tại vì cơ hội việc làm của ngành này cao”, hoặc “Công việc của ngành này được trả lương tương đối cao so với các việc khác”. Những câu trả lời đó đang nói đến “quả” của cây nghề nghiệp.

Nhưng, những kết quả ấy chỉ đến khi một người lao động làm công việc phù hợp với sở thích và khả năng của họ, hay còn gọi là “gốc rễ” của cây nghề nghiệp. Một công việc có thể được xem là rất thịnh hành không có nghĩa là ai học nó ra cũng có việc làm tốt. Hầu hết các công ty, doanh nghiệp hoặc cơ quan tuyển dụng chỉ quan tâm tuyển những người lao động có đam mê, có khả năng làm việc tốt ở vị trí tuyển dụng chứ không coi việc họ đã tốt nghiệp ở ngành nghề phù hợp với vị trí yêu cầu là yếu tố quyết định. Học và tốt nghiệp một ngành không phải là yếu tố “nặng kີ” để chứng minh rằng người đó có khả năng làm tốt các công việc có liên quan đến ngành nghề đã học. Có thể sau khi phỏng vấn và thử việc, người lao động sẽ nhanh chóng bị đào thải nếu không chứng minh được rằng công việc ấy phù hợp với sở thích và khả năng của mình.

Do đó, trong TVHN cá nhân, điều quan trọng nhất mà TVV cần làm là hướng dẫn, tư vấn hoặc hỗ trợ HS để các em nhận thức được đầy đủ ý nghĩa của việc chọn nghề

7. Giá trị nói đến trong hướng nghiệp là giá trị nghề nghiệp. Giá trị nghề nghiệp là những điều được coi là quý giá, là quan trọng, có ý nghĩa nhất mà mỗi người mong muốn đạt được khi tham gia lao động nghề nghiệp. Ví dụ: Được nhiều người tôn trọng; được làm việc trong môi trường có cơ hội để phát huy cao độ khả năng của bản thân; hoặc, có thu nhập cao; hoặc, có cơ hội thăng tiến v.v...tùy theo mong muốn của mỗi người.

có cơ sở khoa học và biết cách chọn ngành nghề dựa trên yếu tố “gốc rễ” (sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp). Không chọn ngành, nghề tương lai dựa vào các yếu tố “quả” (lương cao, công việc dễ kiếm, chức vụ ...) của cây nghề nghiệp. Ngoài ra, TVV cũng hiểu rằng các yếu tố của “rễ cây nghề nghiệp” có thể bị ảnh hưởng bởi định kiến và phân biệt đối xử giới. Những ảnh hưởng này có thể làm cho NĐTV (nam, nữ) không nhận ra và hoặc không dám thể hiện đúng sở thích và khả năng nghề nghiệp của bản thân. Do vậy, TVV nên tạo cơ hội để NĐTV khám phá bản thân trên nhiều lĩnh vực nghề nghiệp để giúp các em nhận ra đúng sở thích và khả năng của bản thân.

Để hiểu rõ hơn về lý thuyết này, trước khi chuyển sang tìm hiểu LTHN tiếp theo, xin mời bạn hãy nghe và xem clip “Lý thuyết cây nghề nghiệp”. Bạn có thể sử dụng đĩa DVD kèm tài liệu này hoặc mở youtube (cây nghề nghiệp) theo đường link: <https://www.youtube.com/watch?v=toiIQ0wgXZY&feature=youtu.be>

3.3. Lý thuyết phát triển nghề nghiệp theo các giai đoạn của cuộc đời



Giới thiệu

Một trong những đóng góp lớn nhất của TS. Donald Super trong lĩnh vực hướng nghiệp là công trình nghiên cứu và các bài viết về vai trò quan trọng của việc hiểu rõ khái niệm bản thân (*Mình là ai?*) trong quyết định nghề nghiệp của mỗi người. Ông nhấn mạnh rằng, khái niệm này thay đổi theo thời gian và phát triển cùng với sự trải nghiệm của mỗi người trong cuộc sống. Vì vậy, ***hướng nghiệp là một cuộc hành trình không bao giờ chấm dứt*** mà xuyên suốt cuộc đời mỗi người.⁽⁸⁾



Nội dung cơ bản

Trong lý thuyết phát triển nghề nghiệp theo các giai đoạn của cuộc đời, TS. Super đã:

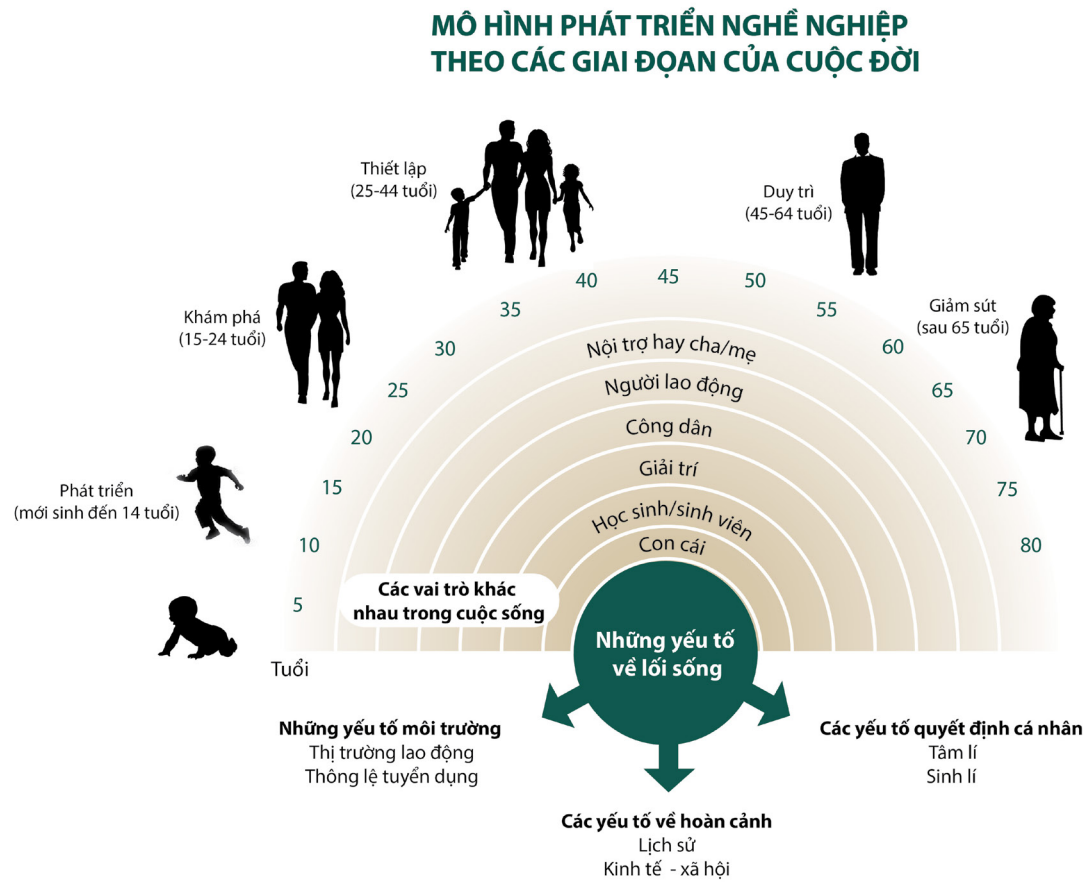
- Xác định và giải thích quá trình phát triển nghề nghiệp qua 5 giai đoạn chính và các giai đoạn phụ trong cuộc đời mỗi người (nam hay nữ);
- Đòi hỏi định nghĩa nghề nghiệp phải bao gồm cả sự tương tác giữa các vai trò khác nhau của mỗi người (nam hay nữ);
- Nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc hiểu rõ khái niệm bản thân trong quyết định nghề nghiệp;
- Mô tả việc cân bằng giữa các ảnh hưởng bên trong và ảnh hưởng bên ngoài đối với việc chọn lựa nghề nghiệp.⁽⁹⁾

8. Super's Theory. Retrieved from <http://www.careers.govt.nz/educators-practitioners/career-practice/career-theory-models/supers-theory/>

9. Harris-Bowlsbey, J. (2014, May). *From Super to Savickas: A review of Career Theory and its Application*. Paper presented at the annual meeting of the Asia Pacific Career

TS. Super trình bày 5 giai đoạn phát triển nghề nghiệp theo 5 giai đoạn của cuộc đời như sau:

GIẢI ĐOẠN	TUỔI	ĐẶC ĐIỂM
Phát triển	0 - 14	Phát triển khái niệm về bản thân, thái độ, nhu cầu và khái niệm chung về thế giới việc làm
Khám phá	15-24	Khám phá qua các lớp học và hoạt động liên quan đến nghề nghiệp. Chưa có chọn lựa dứt khoát và đang trong giai đoạn phát triển kỹ năng
Thiết lập	25-44	Xây dựng và ổn định những kỹ năng ban đầu qua trải nghiệm công việc
Duy trì	45-64	Quá trình điều chỉnh liên tục để hoàn thiện vị trí nghề nghiệp
Giảm sút	65+	Sự phát triển nghề nghiệp giảm sút, chuẩn bị về hưu hoặc giảm việc làm/ngỉ ngơi



Hình 3. Mô hình lý thuyết phát triển nghề nghiệp theo các giai đoạn của cuộc đời



Ý nghĩa và áp dụng

Lí thuyết phát triển nghề nghiệp theo các giai đoạn của cuộc đời được dùng trong TVHN cá nhân để giúp NĐTV:

- Hiểu được rằng, những chọn lựa nghề nghiệp tại thời điểm hiện tại sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến tương lai;
- Nhìn nhận được vai trò quan trọng của nghề nghiệp và thấy được sự tương tác của vai trò này với tất cả các vai trò khác trong cuộc sống của mỗi người (nam hay nữ);
- Nhận biết và thích ứng được với những ảnh hưởng hay tác động từ môi trường đối với việc chọn lựa và quyết định thay đổi nghề nghiệp.

Qua kinh nghiệm làm việc với các bạn trẻ tại Việt Nam, tác giả nhận thấy lí thuyết này rất thích hợp để giúp các em nam, nữ HS hiểu được rằng:

- Nghề nghiệp chỉ là một trong rất nhiều vai trò mà mỗi người chúng ta phải đóng trong cuộc đời. Và, vai trò này tương tác rất chặt chẽ với những vai trò khác trong thời điểm hiện tại của mỗi người. Ví dụ: khi còn ngồi ghế nhà trường, ba vai trò quan trọng nhất là “HS”, “làm con” và “bạn bè”. Khi đã ra trường, đi làm, lập gia đình, 3 vai trò quan trọng nhất lại có thể là “đồng nghiệp”, “chồng/vợ”, “cha/mẹ”.
- Phát triển nghề nghiệp là một cuộc hành trình liên lữ không bao giờ kết thúc. Cuộc hành trình này không có một đáp án đúng mãi mãi cho câu hỏi: “Tôi nên theo nghề gì?”. Thay vào đó, ở mỗi giai đoạn của cuộc đời, tùy vào bản thân và những cuộc gặp gỡ tình cờ, có ý nghĩa (duyên tao ngộ) trong cuộc đời mà mỗi người sẽ có được câu trả lời cho câu hỏi: “Ở thời điểm hiện tại, công việc nào hợp với tôi nhất?”.
- NĐTV/HS (nam, nữ) nên nhận thức được những ảnh hưởng bất lợi từ định kiến và phân biệt đối xử giới có liên quan tới việc lựa chọn và phát triển nghề nghiệp của mình.

3.4. Lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch



Giới thiệu

Lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch của GS. Krumboltz thuộc nhóm lí thuyết “**Học tập từ xã hội**”. Chịu ảnh hưởng lớn của TS. Bandura và lí thuyết học tập từ xã hội, ông đưa ra luận điểm:

- Quyết định nghề nghiệp chịu ảnh hưởng bởi yếu tố di truyền và khả năng đặc biệt, điều kiện môi trường, sự học hỏi qua trải nghiệm cuộc sống và kĩ năng quyết định của mỗi người.

- Mỗi người có thể xây dựng sự hiểu biết bản thân, nhân sinh quan và kĩ năng quyết định của riêng mình.

GS. Krumboltz đặt con người và sự trải nghiệm thực tế của họ qua các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp làm trọng tâm và coi đó là yếu tố quan trọng nhất trong quá trình phát triển nghề nghiệp.

GS. Krumboltz giải thích rất chi tiết quan điểm trên của ông trong Lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch (*dịch từ thuật ngữ planned happenstance theory*). Lí thuyết này được dùng để giải thích về những may mắn mà chúng ta gặp trong quá trình phát triển nghề nghiệp và cách mà mỗi người có thể tạo ra sự may mắn ấy bằng chính sự trải nghiệm thực tế của bản thân.



Nội dung cơ bản

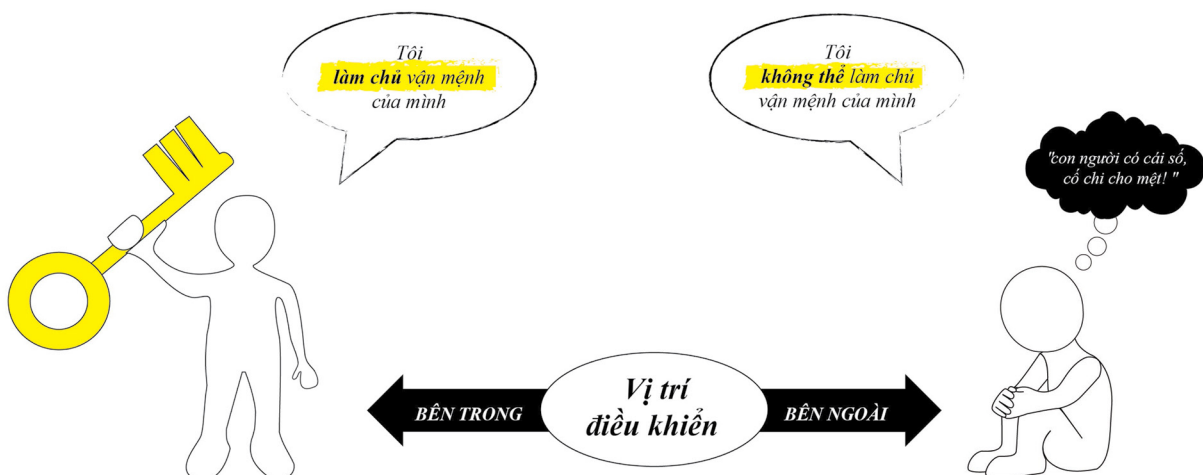
Nội dung cơ bản đáng chú ý nhất của thuyết này là: Trong quá trình phát triển nghề nghiệp, những “may mắn” phần lớn không xảy ra một cách ngẫu nhiên mà chủ yếu là “sự may mắn” có kế hoạch. Sự may mắn trong hướng nghiệp có thể được tạo ra bởi mỗi người nếu chúng ta biết cách tạo ra sự may mắn.

Krumboltz dùng lí thuyết vị trí điều khiển để khắc họa rõ nét hơn về lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch, qua đó giúp người lao động hiểu được cách tạo ra sự may mắn trong quá trình phát triển sự nghiệp của bản thân.

Lí thuyết vị trí điều khiển đưa ra 2 quan điểm sống:

- Cuộc đời của mỗi người là do chính bản thân người đó làm chủ và điều khiển. Do đó, họ có toàn quyền làm chủ cuộc sống, làm chủ suy nghĩ, nội tâm của mình.
- Cuộc đời của mỗi người là do vận mệnh đã sắp đặt sẵn và điều khiển. Do đó, họ luôn cho rằng mình có làm gì cũng không thay đổi được số mệnh và thường để người khác hoặc hoàn cảnh làm chủ vận mệnh của họ.

Có thể khái quát 2 quan điểm của Lí thuyết vị trí điều khiển trong hình sau:



Hình 4. Mô hình minh họa lí thuyết vị trí điều khiển

Trong hướng nghiệp, ý nghĩa quan trọng nhất rút ra từ lý thuyết vị trí điều khiển là: *có rất nhiều chuyện xảy ra trong cuộc đời mỗi người mà chúng ta không có khả năng tránh né hay điều khiển được*. Ví dụ như ta sinh ra trong gia đình kinh tế khó khăn hay khá giả; sinh sống ở một quốc gia giàu có hay chậm phát triển; tai nạn đột nhiên xảy đến với ai đó khi họ đi ngoài đường... ***Nhưng, ta có toàn quyền quyết định cách ta phản ứng lại khi những chuyện ấy xảy ra. Nếu ta phản ứng một cách tích cực thì nó sẽ đem lại kết quả tích cực, tạo ra những may mắn trong quá trình lập nghiệp, và ngược lại.*** Nói cách khác, chúng ta không điều khiển được ngoại cảnh hay những yếu tố khách quan, nhưng chúng ta có 100% khả năng điều khiển được nội tâm mình. Vì vậy, ta có khả năng tự làm chủ vận mệnh của mình.

Ví dụ:

Sinh ra trong một gia đình kinh tế khó khăn, nếu ta ngồi than thân trách phận và bi quan thì chẳng giúp được gì cho bản thân. Nhưng, nếu thay vào đó, ta chấp nhận hoàn cảnh, chịu khó tìm những cơ hội học hành, công tác thì sẽ có rất nhiều khả năng ta đạt được những thành công trong nghề nghiệp.

**Ý nghĩa và áp dụng**

Lý thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch và lý thuyết vị trí điều khiển rất hữu dụng cho những cá nhân đang gặp khó khăn trong cuộc sống (như khó khăn về hoàn cảnh kinh tế hoặc mâu thuẫn trong đời sống cá nhân; khó khăn về vấn đề sức khỏe hoặc việc không hòa hợp được với đồng nghiệp tại cơ quan...). Lý thuyết này chỉ cho NĐTV lối thoát ra khỏi vấn đề họ đang đối mặt bằng cách thay đổi cách nhìn nhận về *vận mệnh* hay *số phận*. Lý thuyết này cũng giúp cho HS nam, nữ có tư tưởng tích cực về việc lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với 4 yếu tố của “rẽ cây nghề nghiệp” chứ không phải quyết định chọn nghề là do con trai thì hợp với ngành nghề này, còn con gái thì hợp với ngành nghề kia.

Hai lý thuyết trên giúp NĐTV không tập trung vào những cái họ chưa có mà chuyển hướng sang việc **tạo ra những may mắn** bằng cách tập trung vào những cái họ đang có.

Ví dụ A:

Một HS học lực chỉ đạt ở mức trung bình – yếu trong các môn khoa học tự nhiên nhưng có điểm mạnh là khả năng học và hiểu kỹ thuật nhanh, khéo tay, thích sửa chữa và tìm hiểu về xe ô tô. Nếu bản thân em hiểu, chấp nhận và tập trung vào điểm mạnh của mình, em có thể tự tin quyết định theo học trường TCCN, ngành bảo trì, sửa chữa ô tô để có công việc tốt trong ngành sửa chữa ô tô.

Ví dụ B:

Một HS sống trong một gia đình giàu có nhưng thiếu tình thương. Mặc dù vậy, em không tập trung vào những bất hạnh trong đời sống gia đình của mình mà thay vào đó, em cố gắng học thật tốt để có công việc làm tốt. Từ những điều không hay trong đời sống cá nhân, em sẽ nhìn nhận và chọn người bạn đời tương lai có cùng giá trị gia đình với mình. Nhờ đó, em xây dựng được một gia đình mà cha mẹ luôn dành nhiều thời gian cho con, đồng hành với con trong suốt thời thơ ấu.

Nhìn vào công việc tốt trong ngành sửa chữa ô tô của người thứ nhất và gia đình hạnh phúc của người thứ hai, sẽ có nhiều người nói rằng họ may mắn. Nhưng chỉ người trong cuộc mới hiểu rõ rằng, những may mắn này không đến một cách ngẫu nhiên mà là sự may mắn có kế hoạch và thực hiện bởi chính họ.

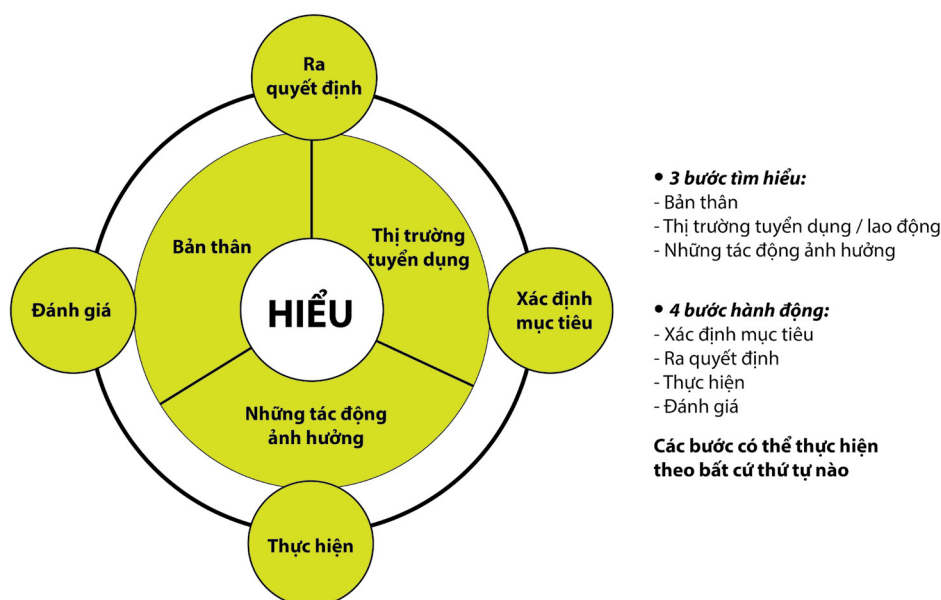
Để hiểu rõ hơn nội dung cơ bản và ý nghĩa của Lí thuyết này, bạn có thể xem thêm phim video “Tự vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho học sinh trung học” trong đĩa DVD thực hành (Xem đoạn có phụ đề: “Giai đoạn tập hợp dữ liệu” ở lần gặp thứ nhất, lần gặp thứ hai giữa TVV và NĐTV. Sau đó xem đoạn kết của phim, trong đó Phúc nói về công việc hiện tại của em). Trong phim, Phúc - NĐTV - đã chấp nhận hoàn cảnh và chịu khó tìm những cơ hội học hành, cơ hội làm việc phù hợp với khả năng, sở thích của em. Tự em đã tạo ra “sự may mắn có kế hoạch” cho bản thân. Kết quả là em đã đạt được những thành công trong nghề nghiệp hiện tại.

3.5 Mô hình lập kế hoạch nghề⁽¹⁰⁾



Giới thiệu

Col và Alpine dùng mô hình này để tập hợp hai nhóm **lí thuyết đặc tính cá nhân và đặc điểm nghề** và **lí thuyết học tập** để giúp người đọc dễ dàng nhớ các bước cần làm trong phát triển nghề nghiệp. Có thể nói, **mô hình lập kế hoạch nghề** là lí thuyết căn bản trong CTHN nói chung hay TVHN nói riêng cho HS. Nếu ví TVHN cá nhân như công trình xây dựng một ngôi nhà thì mô hình lập kế hoạch nghề sẽ là móng của ngôi nhà đó.



Hình 5. Mô hình lập kế hoạch nghề

10. Nghề là việc làm lao động trí óc hoặc tay chân hoặc kết hợp cả lao động trí óc và tay chân. Người lao động sử dụng kiến thức, kĩ năng chuyên môn và kinh nghiệm của mình để thực hiện công việc tạo ra sản phẩm vật chất hoặc tinh thần và thu nhập cho bản thân, gia đình mà không bị pháp luật cấm.



Nội dung cơ bản

Mô hình lập kế hoạch nghề gồm 7 bước và được chia làm 2 phần: 1. Tìm hiểu và 2. Hành động.

Ba bước tìm hiểu, bao gồm: 1. Bước đầu tiên và quan trọng nhất là HS tìm hiểu bản thân để biết được *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của chính mình; 2. Bước thứ hai là HS bắt đầu tìm hiểu thị trường tuyển dụng để biết được những công việc nào đang có ở địa phương, quốc gia và quốc tế; những nghề nghiệp nào đang được xem là có tiềm năng trong tương lai; những *kỹ năng thiết yếu* mà người lao động (nam và nữ) cần phải có; 3. Bước thứ ba là hiểu rõ những tác động hoặc ảnh hưởng mà bản thân HS đang chịu, từ hoàn cảnh gia đình đến điều kiện kinh tế - xã hội.

Sau khi hoàn tất ba bước tìm hiểu, HS có đủ kiến thức để bắt đầu 4 bước hành động, đó là: 1. Xác định mục tiêu nghề nghiệp của mình; 2. Ra quyết định nghề nghiệp; 3. Thực hiện quyết định nghề nghiệp; 4. Đánh giá xem quyết định ấy có thực sự phù hợp với bản thân hay không.

Tất cả 7 bước trên có thể được hiện theo bất cứ trình tự nào, miễn sao phù hợp với nhu cầu của mỗi HS.



Ý nghĩa và áp dụng

Định hướng và phát triển nghề nghiệp là một quá trình mà mỗi người phải thực hiện nhiều lần trong cuộc đời. Quá trình ấy bắt đầu từ nhận thức bản thân, khám phá cơ hội nghề nghiệp phù hợp, xác định mục tiêu nghề nghiệp, lập kế hoạch nghề nghiệp⁽¹¹⁾ và thực hiện kế hoạch, sau đó đánh giá xem kế hoạch này có tốt như mình nghĩ hay không. Điều quan trọng là mỗi HS biết mình đang ở bước nào trong mô hình lập kế hoạch nghề. Trong bước tìm hiểu về những tác động/ảnh hưởng, TVV hỗ trợ NĐTV (nam, nữ) lưu ý tới các cản trở về giới và có những hành động giảm thiểu hoặc loại trừ những ảnh hưởng của định kiến và phân biệt đối xử giới. Sự hiểu biết này sẽ giúp HS bớt lo lắng và chủ động trong việc xây dựng bước tiếp theo cho cuộc hành trình phát triển nghề nghiệp của bản thân.

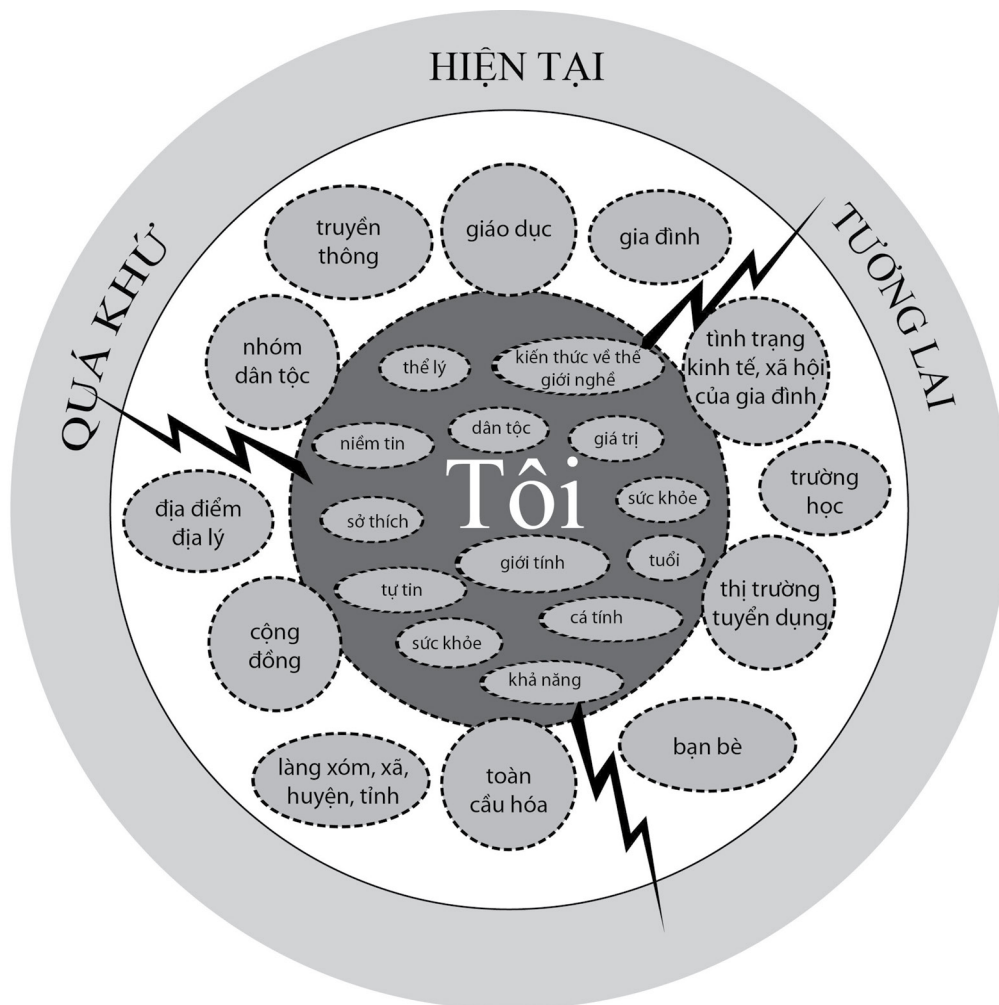
11. Kế hoạch nghề nghiệp là bản kế hoạch mà trong đó HS mô tả về bản thân (4 yếu tố của “rễ cây nghề nghiệp”), hướng học và ngành nghề dự định chọn và những việc cần làm để đạt được ước mơ nghề nghiệp của mình. Tham khảo cụ thể trong tài liệu Bổ sung sách giáo viên hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 9, 10, 11 và 12 - Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Trần Thị Thu, Nguyễn Ngọc Tài, NXB ĐH Quốc gia, 2012.

3.6 Mô hình lí thuyết hệ thống



Giới thiệu

Mô hình lí thuyết hệ thống thuộc nhóm **Các lí thuyết xuất hiện gần đây nhất**. Lí thuyết này được nghiên cứu vào năm 2002 và trong mười năm sau đó tiếp tục được nghiên cứu, phát triển bởi tác giả là TS. Mary McMahon và GS. Wendy Paton⁽¹²⁾. Mô hình này được đưa ra dựa trên quan điểm: *Quá trình phát triển nghề nghiệp được tạo ra bởi mỗi người và sự tương tác của người ấy với môi trường xã hội, hoàn cảnh kinh tế cùng nhiều yếu tố khác mà người ấy gặp trong cuộc sống.*



Hình 6. Mô hình lí thuyết hệ thống

12. Patton, W. & McMahon, M. (2006). The Systems Theory Framework Of Career Development And Counseling: Connecting Theory And Practice. *International Journal for the Advancement of Counselling*, 28(2):pp. 153-166.



Nội dung cơ bản

Lý thuyết hệ thống nhấn mạnh rằng, mỗi người không sống riêng lẻ một mình. Mỗi con người là một hệ thống nhỏ đang sống trong một hệ thống lớn hơn. Sự phát triển nghề nghiệp của mỗi người là một quá trình và là kết quả của sự tương tác giữa các yếu tố bên trong như *giới tính, cá tính, tuổi tác* của một người với những yếu tố bên ngoài như *gia đình, bạn bè, cộng đồng, quốc gia, hoàn cảnh kinh tế xã hội, hệ thống giáo dục, quan niệm về giới và nhiều yếu tố khác nữa*.

Nói cách khác, hãy tưởng tượng mỗi người chúng ta là một hệ thống nhỏ, tương tác với các hệ thống nhỏ khác (những người khác), ở trong một hệ thống lớn hơn (xã hội, môi trường). Các đường đứt quãng (---) trong mô hình trên tượng trưng cho sự ảnh hưởng lẫn nhau, thay đổi nhau trong quá trình tương tác giữa các hệ thống nhỏ và lớn. Các “tia sét” tượng trưng cho những tác động ngẫu nhiên trong cuộc sống mà không ai có thể điều khiển được (như tai nạn, bệnh tật...).



Ý nghĩa và áp dụng

Lý thuyết hệ thống được dùng để giúp cho TVV và HS - NĐTV hiểu rõ ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài, đặc biệt là yếu tố gia đình đối với quyết định chọn ngành, chọn nghề của NĐTV, từ đó tìm ra giải pháp và ra quyết định phù hợp với bản thân. Hiểu rõ được yếu tố chính đang tác động đến NĐTV cũng sẽ giúp cho TVV biết được vấn đề thực sự nằm ở đâu, từ đó hỗ trợ bằng cách giúp cho NĐTV cách thức giao tiếp và thuyết phục người thân, hay tìm cách dung hoà giữa cái mà bản thân họ muốn với điều mà gia đình họ đòi hỏi.

Trong những trường hợp HS phải chọn ngành học theo nghề truyền thống của gia đình nhưng trái với sở thích bản thân thì HS cần phải biết rằng, điều kiện tối thiểu trong việc chọn ngành, chọn nghề là các em phải chọn ngành, nghề phù hợp với khả năng tự nhiên hay năng lực học tập của bản thân. Nếu chọn ngành, nghề phù hợp thì rất có thể HS đó sẽ có động lực học tốt, tự tin vào bản thân và có khả năng được tuyển dụng nhanh chóng, dễ dàng sau khi hoàn tất chương trình đào tạo.

Ví dụ:

Vietnam Airlines hiện có gần 1.000 phi công, trong đó có 13 phi công nữ (6 người nước ngoài, 7 người Việt Nam). Ở tuổi 25, Nguyễn Kim Châu hiện là nữ phi công Việt Nam trẻ nhất.

Cô kể rằng, khi học lớp 12, chọn một ngày đẹp trời, cô nói với ba mẹ: “*Ba mẹ à, con muốn đi theo con đường riêng của con, sự lựa chọn của con. Con không muốn theo lối mòn, lối mà mọi người vẫn hay làm: học phổ thông trung học xong thi lên ĐH. Năm nay tốt nghiệp phổ thông xong con muốn thi vào hàng không. Con muốn làm phi công*”. Ba Châu nói “Ui! Trời! con bé này, hết ngành chọn rồi sao con? Sao chọn ngành không hợp với nữ giới gì hết cả. Nghề đấy dành cho con trai thôi, vất vả lắm, con gái của ba đã nghĩ kỹ chưa?”. Châu năn nỉ: “Ba mẹ ơi, ủng hộ con đi mà, đấy là ước mơ, tâm nguyện của con”. Ba Châu bảo: “*Thôi được, để ba mẹ nghĩ đã*”.



Nữ cơ phó Airbus 330
Nguyễn Kim Châu. Ảnh: ANTG.

Ba Châu nói chuyện với mấy người bạn về ước muốn kỳ lạ của con gái. Nghe xong mọi người bảo: “Nghề đấy, đàn ông theo còn khó nữa là, con gái ông mà làm được thì quá tốt chứ còn gì”. Cuối cùng, ba mẹ Châu cũng đồng ý với quyết định của con.

Qua tìm hiểu nghề, Châu biết rằng, để trở thành phi công, điều kiện đầu tiên là phải có thể lực, sức khỏe tốt và có trình độ ngoại ngữ đủ để đáp ứng được yêu cầu của nghề. Một thời gian biểu đã được Châu thiết lập để bản thân đáp ứng được những yêu cầu của nghề. Trong khi các bạn cùng tuổi mải mê đèn sách ôn thi vào ĐH hay các trường CĐ, Châu chăm cùi học ngoại ngữ, rèn luyện thể lực bằng cách đi bộ, chạy bộ, bơi, chơi cầu lông, bóng chuyền... Rồi, như một giấc mơ - Châu trúng tuyển. Sau khi học ở trong nước một năm, Châu được chọn đi đào tạo phi công ở Pháp vào năm 2009.

Cuối năm 2010, kết thúc khóa đào tạo phi công ở Pháp trong 1 năm 8 tháng, Châu về nước và bắt đầu công việc là nữ lái phụ cho ATR72 - sức chứa 72 hành khách, bay chặng ngắn và chỉ có một lái chính, một lái phụ.

Tháng 9/2013, Châu được điều động làm cơ phó Airbus 330 có sức chứa 250 hành khách và có thời gian bay 8-10 tiếng... điểm đến Nhật, Nga, Australia, Hàn Quốc. Airbus 330 có 2 lái chính và 2 lái phụ.

Theo bài viết “Nữ phi công trẻ nhất Việt Nam kể về việc chọn nghề” - An ninh Thế giới

Lí thuyết hệ thống cũng có thể được dùng trong các trường hợp HS thích và theo đuổi một nghề nghiệp chỉ vì tác động của một bộ phim, một cuốn truyện hay một người mà em ngưỡng mộ. Dùng lí thuyết này có thể giúp cho nam, nữ HS biết được mình sẽ học được những quan điểm nhất định về một nghề nghiệp bằng cách nào. Từ đó, sẽ thực hiện thêm các bước tìm hiểu nghề khoa học hơn như phỏng vấn thông tin nghề nghiệp từ người trong nghề, hay tìm hiểu chương trình đào tạo thực tế tại nơi đào tạo trước khi ra quyết định nghề nghiệp quan trọng.

Việc hiểu rõ vai trò của mỗi HS ở trong hệ thống sẽ giúp các em ra quyết định nghề nghiệp một cách thực tế, giảm những mâu thuẫn bên trong nội tâm trên cơ sở tìm ra những giải pháp để giúp HS vừa thỏa mãn được những trách nhiệm chung, đồng thời thỏa mãn được sở thích, đam mê của bản thân.

Để hiểu rõ hơn về lí thuyết này, xin mời bạn nghe và xem clip “Lí thuyết hệ thống”. Bạn có thể mở đĩa DVD lí thuyết kèm theo tài liệu hoặc mở youtube (lí thuyết hệ thống) theo đường link: <https://www.youtube.com/watch?v=RpRVUtzBvTw&feature=youtu.be>. Bạn cũng có thể xem thêm phim video trong đĩa DVD thực hành, đoạn có phụ đề “Lí thuyết hệ thống” trong lần gặp thứ nhất giữa TVV và NĐTV.

Trên đây là các LTHN cơ bản được sử dụng làm cơ sở lí thuyết cho công tác TVHN cá nhân. Hiểu rõ các LTHN là điều kiện hàng đầu, mang tính định hướng cho các TVV. Vì vậy, trước khi chuyển sang học phần 2, để biết chắc là mình đã hiểu rõ các cơ sở lí thuyết của TVHN cá nhân cho HS trung học, bạn hãy tự mình làm bài tập tự đánh giá phần 1 sau đây.



BÀI TẬP TỰ ĐÁNH GIÁ PHẦN 1

1. Bạn hiểu thế nào là năng lực hướng nghiệp của HS?

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời mà bạn cho là đúng

- (A) Năng lực hướng nghiệp là các kiến thức, kĩ năng về hướng nghiệp của HS.
- (B) Năng lực hướng nghiệp của HS là khả năng vận dụng những hiểu biết về bản thân, về nghề nghiệp và lập kế hoạch nghề nghiệp để chọn hướng học, chọn ngành nghề phù hợp với hứng thú cá nhân, khả năng của bản thân và nhu cầu lao động của xã hội.
- (C) Năng lực hướng nghiệp là các kĩ năng tìm hiểu bản thân, tìm hiểu nghề của HS được sử dụng vào việc chọn hướng học, chọn ngành nghề sau khi học xong THCS hoặc THPT.
- (D) Năng lực hướng nghiệp của HS là khả năng chọn hướng học, chọn nghề phù hợp với bản thân, điều kiện gia đình và hoàn cảnh xã hội sau khi học xong THCS hoặc THPT.

2. Khi một HS đến gặp bạn để được bạn tư vấn cho em trong việc đưa ra quyết định chọn hướng học hoặc chọn nghề phù hợp sau khi học xong THCS hoặc THPT, việc đầu tiên bạn sẽ làm để có cơ sở tư vấn cho HS đó là gì?

- (A) Trao đổi với HS để biết được nhận thức về sở thích, khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp của HS đó.
- (B) Trao đổi với HS để biết được nhận thức về nghề nghiệp và thị trường tuyển dụng lao động của HS đó.
- (C) Trao đổi để biết được các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn hướng học, chọn nghề của HS đó.
- (D) Hỏi các lựa chọn nghề nghiệp của em và sự chuẩn bị của em cho những lựa chọn đó.

3. Sau khi làm trắc nghiệm sở thích theo lí thuyết mật mã Holland, một HS hỏi TVV: “Thưa thầy/cô, theo kết quả trắc nghiệm, em thuộc nhóm QL. Bản thân em cũng nhận thấy mình có sở thích và có khả năng làm quản lí. Vậy, sau này em có thể trở thành nhà quản lí cấp cao trong cơ quan Nhà nước được không ạ?”, bạn sẽ trả lời như thế nào và dùng LTHN nào để giải thích với em HS này?

4. Bà Lan có cô con gái đang học lớp 12. Con gái bà vóc dáng mảnh mai, học giỏi các môn khoa học tự nhiên và đặc biệt thích môn Địa lí. Em luôn mơ ước trở thành nhà thăm dò địa chất và đã đăng kí thi vào trường ĐH Mở - Địa chất trước khi hỏi ý kiến mẹ. Khi biết chuyện, bà Lan đã phản đối kịch liệt. Nếu bạn là người làm TVHN cá nhân, bạn sẽ tư vấn cho con gái bà Lan và bà Lan như thế nào? Bạn sẽ dùng LTHN nào để giải thích?

5. Con ông Hòa có khả năng học toán ở mức trung bình. Cháu rất yêu thích và có khả năng nổi trội trong lĩnh vực ca hát nhưng cha mẹ cháu muốn cháu sau khi học xong phổ thông sẽ theo học ngành quản trị - kinh doanh để nối nghiệp cha vì cha cháu là một cổ đông lớn của công ty dược phẩm tư nhân. Nếu bạn là TVV, bạn sẽ tư vấn cho ông bà Hòa như thế nào và dùng LTHN nào để giải thích?

6. Khi TVHN cá nhân cho một NĐTV, bạn có nhất thiết phải sử dụng tất cả các LTHN không? Vì sao?

7. Nếu bạn muốn thuyết phục NĐTV phải hiểu rõ về bản thân và hoàn cảnh gia đình trước khi thực hiện những bước tiếp theo để đưa ra quyết định chọn ngành học, chọn cơ sở đào tạo và chọn nghề, bạn sẽ dùng LTHN nào? Vì sao? Nêu ví dụ minh họa.

8. Trong thực tế hướng nghiệp ở nước ta, việc xây dựng kế hoạch nghề nghiệp chưa được TVV và NĐTV quan tâm đúng mức. Nhiều người cho rằng, chỉ cần hiểu rõ về bản thân, biết được các thông tin nghề nghiệp là đủ để đưa ra quyết định chọn ngành, nghề phù hợp. Bạn là người đã có những hiểu biết về cơ sở lí thuyết của TVHN cá nhân, bạn sẽ giải thích với họ như thế nào để họ thay đổi quan điểm trên?

9. Trong các LTHN bạn vừa tìm hiểu, bạn tâm đắc nhất với LTHN nào? Hãy chia sẻ với đồng nghiệp một câu chuyện của bản thân hoặc người thân của bạn để minh họa cho LTHN mà bạn tâm đắc?

**TƯ VẤN
HƯỚNG NGHIỆP
CÁ NHÂN**

PHẦN 2



TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP

1. KHÁI NIỆM

TVHN được hiểu là hệ thống những biện pháp tâm lý, giáo dục và một số biện pháp khác được các chuyên viên TVHN, các thầy/cô giáo làm nhiệm vụ TVHN... (gọi chung là tư vấn viên - TVV) sử dụng nhằm phát hiện, đánh giá sở thích nghề nghiệp, khả năng về thể chất, trí tuệ của HS, sinh viên, thanh, thiếu niên... (gọi chung là người được tư vấn - NĐTV); đối chiếu các khả năng thực có của mỗi em với những yêu cầu của bậc học cao hơn hoặc những yêu cầu của nghề đặt ra đối với người lao động, có cân nhắc đến nhu cầu nhân lực của địa phương và xã hội. Từ đó, giúp cho NĐTV tự tìm ra giải pháp và từng bước giải quyết vấn đề để chọn được hướng học hoặc chọn nghề phù hợp.

Tùy theo đối tượng và nhu cầu tư vấn, TVHN có thể là:



Tư vấn hướng học

Giúp các em lựa chọn ban học, ngành học, trường học phù hợp ở cấp học, bậc học cao hơn;



Tư vấn chọn nghề

Giúp các em lựa chọn ngành nghề và cơ sở đào tạo nghề vừa phù hợp với nguyện vọng, sở thích, khả năng của các em, vừa phù hợp với hoàn cảnh gia đình và nhu cầu nhân lực của địa phương, xã hội.

2. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ

2.1 Mục tiêu

Mục tiêu cuối cùng của TVHN đối với HS trung học là giúp các em xây dựng được kế hoạch nghề nghiệp tương lai trong suốt thời gian đi học và ra được quyết định chọn ngành, nghề phù hợp. Kế hoạch này có thể thay đổi theo thời gian, tùy vào sự trưởng thành và kiến thức của các em về bản thân, về các cơ hội nghề nghiệp trong thị trường tuyển dụng cũng như những con đường khác nhau để thực hiện kế hoạch ấy.

TVHN là một quá trình lâu dài, được thực hiện qua các loại hình như tư vấn nhóm và tư vấn cá nhân.⁽¹³⁾

13. Đọc thêm tài liệu tham khảo: *Tài liệu bổ sung sách giáo viên giáo dục hướng nghiệp lớp 9; lớp 10, 11, 12* - Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Trần Thị Thu và Nguyễn Ngọc Tài, NXB ĐH Quốc gia, 2012.

2.2. Nhiệm vụ

- Phát hiện và đánh giá được những sở thích, khả năng nghề nghiệp hiện có của HS;
- Khuyến khích, động viên HS tự giáo dục, rèn luyện và phát triển những khả năng còn thiếu;
- Hướng dẫn/hỗ trợ HS chuẩn bị sẵn sàng về tâm lí cũng như những hiểu biết thực tế đối với nghề nghiệp mà các em định chọn;
- Giúp HS tìm ra giải pháp và từng bước giải quyết vấn đề để chọn được hướng học hoặc chọn nghề phù hợp.

3. CÁC LOẠI HÌNH TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP

3.1 Tư vấn hướng nghiệp theo nhóm

TNHN theo nhóm là loại hình TVHN mà trong đó, nhiều HS (nam, nữ) cùng lớp hoặc cùng khối lớp được TVHN trong cùng thời gian, không gian nhất định. Tùy điều kiện, khả năng của từng cơ sở giáo dục và người làm TVHN, có thể tổ chức TVHN nhóm nhỏ hoặc nhóm lớn. Nếu làm tốt loại hình TVHN theo nhóm, có nghĩa là làm từ sớm, có chiến lược và **lồng ghép** được TVHN vào các hoạt động giáo dục khác để tận dụng ngân sách, nhân lực và làm cho hoạt động được phong phú mà vẫn đạt các mục tiêu đề ra thì sẽ đạt được “một mũi tên trúng nhiều đích”.

Ví dụ: Lồng ghép TVHN vào một số chủ đề của **Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp** cho toàn khối lớp 9 như chủ đề “Chăm ngoan, học giỏi”, “Tôn sư, trọng đạo”, “Tiến bước lên Đoàn”... Qua tham gia hoạt động, HS có cơ hội tìm hiểu để nhận thức rõ hơn về sở thích, khả năng của bản thân, đồng thời có được một số nhận thức nghề nghiệp (cho mục tiêu hướng nghiệp); Hoặc, lồng ghép TVHN vào nội dung của hoạt động theo chủ đề tháng 12 “Thanh niên với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, chủ đề tháng 3 “Thanh niên với vấn đề lập nghiệp” ở khối lớp 10, 11, 12 để giúp HS (nam, nữ) về tìm hiểu thị trường lao động, thông tin tuyển sinh và đào tạo nghề (cho mục tiêu hướng nghiệp). Bên cạnh đó, nhà trường có thể lồng ghép TVHN vào các hoạt động ngoại khóa khác như thi tìm hiểu nghề, thi nữ sinh tài năng, thanh lịch, thi giọng hát hay, thi thể dục thể thao... để HS có cơ hội thể hiện sở thích, khả năng của bản thân. Đối với khối lớp 12, nhà trường có thể lồng ghép TVHN khi tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh để các em tập hợp các kiến thức hướng nghiệp của các năm (lớp 9, lớp 10, lớp 11) vào việc lập kế hoạch nghề phù hợp: thi vào CĐ, ĐH, hay học nghề tại trường CĐ nghề, TC nghề, trường nghề hoặc tham gia chương trình đào tạo vừa học vừa làm của các công ty...

3.2 Tư vấn hướng nghiệp cá nhân

TVHN cá nhân là loại hình tư vấn dành cho một số ít em (nam, nữ) cần hỗ trợ đặc biệt. Khi TVHN cá nhân, TVV làm việc với từng HS có nhu cầu được tư vấn đặc biệt. Thông thường,

TVHN cá nhân đòi hỏi TVV phải có kiến thức, kinh nghiệm về tâm lí và tư vấn, có hiểu biết về văn hóa, phong tục của đối tượng tư vấn và có khả năng sư phạm. Ở nước ta, số TVV được đào tạo chính quy còn ít⁽¹⁴⁾.

Nội dung, cách tiến hành và yêu cầu cụ thể đối với loại hình TVHN cá nhân sẽ được trình bày cụ thể trong mục III của phần này.

3.3 Tư vấn tuyển sinh

Tư vấn tuyển sinh là một loại hình TVHN, trong đó HS (nam, nữ) được cung cấp thông tin về các cơ sở đào tạo sau THCS và sau THPT, từ trường nghề, TC nghề đến các trường CĐ, ĐH để các em có thêm thông tin trước khi đăng kí tuyển sinh vào các cơ sở đào tạo.

Hiện nay ở nước ta, tư vấn tuyển sinh thường được thực hiện theo hình thức toàn trường hoặc nhóm lớn vào trước thời gian HS đăng kí thi tuyển sinh (khoảng tháng 3 - tháng 4 hàng năm). Trong thực tế, còn rất nhiều người, nhiều tổ chức nhầm lẫn giữa hai cụm từ “tư vấn tuyển sinh” và “TVHN”. Cần phân biệt rõ ràng: tư vấn tuyển sinh chủ yếu là cung cấp thông tin về các cơ sở đào tạo. Nếu làm tư vấn tuyển sinh có chất lượng thì sẽ có cả TVHN trong đó. Còn TVHN chủ yếu là tư vấn hướng học và tư vấn chọn nghề, trong đó bao hàm cả tư vấn tuyển sinh để cung cấp thông tin về thị trường đào tạo nghề để các em HS có cơ sở đối chiếu, lựa chọn hướng đi phù hợp. **Vì vậy, tư vấn tuyển sinh chỉ là một bước trong quy trình TVHN mà thôi.**

4. TƯ VẤN VIÊN

Trong hệ thống giáo dục nước ta chưa có chương trình đào tạo chính thức cho vị trí TVHN trong các trường trung học và cũng chưa có vị trí chính thức (biên chế) dành cho người đảm nhiệm vai trò TVHN cá nhân trong trường học. Do vậy, không phải cơ sở giáo dục nào cũng có TVV mà thường chỉ có ở một số trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp (TTKTTHN) và một số trường phổ thông quan tâm đến việc TVHN cho HS. Vai trò này được thực hiện một cách tự phát nhằm đáp ứng nhu cầu tham vấn về việc lựa chọn hướng học, chọn nghề của HS hoặc cha mẹ HS.

Tuy nhiên, chúng tôi luôn tin rằng, các giáo viên, cán bộ đảm nhận nhiệm vụ TVHN có thể làm tốt công tác này, nếu:

- Có tâm huyết với công việc TVHN;
- Nắm vững những kiến thức cơ bản của các LTHN;

14. Theo mô hình cung cấp dịch vụ hướng nghiệp, thì mỗi trường nên có 80 - 100% HS có cơ hội sử dụng dịch vụ TVHN qua góc thông tin tuyển sinh và hướng nghiệp, các chương trình tư vấn nhóm lớn, nhóm nhỏ toàn (trường, toàn khối, hay toàn lớp). Chỉ có khoảng 10 - 20% tổng HS cần dịch vụ TVHN cá nhân sâu hơn.

- Có kiến thức và có khả năng thực hiện tốt những kỹ năng cơ bản của TVHN cá nhân;
- Chịu khó tìm hiểu để có kiến thức cập nhật về thị trường tuyển dụng trong nước, về các doanh nghiệp, các làng nghề truyền thống và thủ công mỹ nghệ, các cơ sở kinh doanh nhỏ và vừa trong vùng;
- Có kiến thức về giới và nhạy cảm với các định kiến giới, phân biệt đối xử giới.

Bên cạnh những yêu cầu trên, người giữ vai trò TVV còn là người hiểu rõ thực trạng CTHN ở cơ sở giáo dục của mình, luôn cộng tác chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm lớp để có được những thông tin cần thiết về HS cần được tư vấn và có những kỹ năng cần thiết của người làm TVHN, nhất là kỹ năng thực hiện hành vi quan tâm và kỹ năng lắng nghe, chia sẻ.

5. THÁI ĐỘ CỦA TƯ VẤN VIÊN

TVV phải luôn tâm niệm hai điều: 1. Tập trung lắng nghe câu chuyện và cảm xúc của NĐTV; 2. Luôn tin tưởng rằng NĐTV sẽ tìm ra được giải pháp cho chính vấn đề của họ nếu được sự hướng dẫn đúng đắn.

Bằng sự lắng nghe, phản hồi cảm xúc, đối mặt và phản hồi ý tưởng, TVV sẽ giúp NĐTV tìm ra cách giải quyết vấn đề cho bản thân. TVV phải luôn nhớ rằng, mình không phải là siêu nhân hay mình là người đi giải quyết vấn đề cho NĐTV mà chỉ là **người hỗ trợ**, đồng hành trên “con đường” TVHN cá nhân. Cuối cùng và quan trọng nhất là TVV phải hết sức tránh cảm giác mình là một người mà NĐTV cần tới, chỉ có mình mới giúp được NĐTV vì như vậy là vô tình mình đã làm cho họ dựa dẫm vào mình, mất khả năng tự lập trong suy nghĩ, tư duy và giải quyết vấn đề. TVV giỏi là người vui vẻ đón NĐTV đến nói chuyện, lắng nghe và sau đó để họ tự ra về mà không nuối tiếc điều gì.



THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI LÀM TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP

1. MỘT SỐ QUAN NIỆM NHẦM LẤN VỀ HƯỚNG NGHIỆP

Qua thực tiễn làm CTHN trực tiếp với HS, sinh viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, Hội Liên hiệp phụ nữ (HLHPN) và cha mẹ HS, chúng tôi nhận thấy ở nước ta, NĐTV thường hay có những quan niệm nhầm lẫn về hướng nghiệp, như:



Ngành học, chương trình đào tạo và cơ sở đào tạo là yếu tố quyết định khả năng được tuyển dụng

Rất nhiều NĐTV cho rằng ngành học, chương trình đào tạo và cơ sở đào tạo là những yếu tố mang tính quyết định đối với việc làm tăng khả năng được tuyển dụng hay phát triển sự nghiệp của mỗi người. Quan niệm này không khoa học

vì thị trường tuyển dụng ngày nay thay đổi rất nhanh, gần như không thể đoán trước xa hơn 2 năm, nhất là trong điều kiện công tác dự báo nhân lực còn có nhiều bất cập. Vì vậy, một công việc đang thịnh hành hiện tại chưa chắc sẽ thịnh hành như vậy trong những năm sau đó. Một minh chứng điển hình là 10 năm trước tại Việt Nam, ngành Công nghệ thông tin (CNTT) tuyển dụng nhiều đến mức các công ty tuyển dụng phải săn tìm người ở những ngành nghề khác (như kiến trúc, kỹ sư các ngành, nghiên cứu khoa học, v.v...) dẫn đến việc sinh viên đổ xô vào học ngành này. Nhưng 5 năm gần đây, ngành CNTT báo động dư thừa nhân lực, dẫn đến tình trạng nhân lực của ngành CNTT chuyển sang các ngành khác. Số sinh viên học ngành này ít dần đi. Đến thời điểm hiện tại, ngành CNTT lại dự báo rằng, 5 năm sau ngành này sẽ thiếu nhân lực nếu sinh viên tiếp tục không đăng ký học CNTT.



Chính phủ, Bộ GD & ĐT đảm nhận hoàn toàn trách nhiệm hướng nghiệp

Nhiều NĐTV cho rằng trách nhiệm về đào tạo và chuẩn bị cho khả năng tuyển dụng của một người hoàn toàn do Chính phủ và Bộ Giáo dục & Đào tạo (GD&ĐT) đảm nhận. Thực tế thì hướng nghiệp là trách nhiệm của toàn xã hội, bao gồm bản thân người lao động, nhà tuyển dụng, xã hội, cộng đồng, gia đình, nhà trường, Bộ Lao Động - Thương binh - Xã hội, Bộ GD&ĐT, Chính phủ.



Lương bổng và vị trí công việc là yếu tố quyết định giá trị nghề nghiệp

Nhiều NĐTV thường rất coi trọng giá trị bên ngoài của nghề nghiệp (như lương bổng, môi trường làm việc, vị trí công việc, ...) và không để ý đến các giá trị bên trong của nghề nghiệp (như sự thỏa mãn trong công việc, niềm đam mê, sự tự tin, cảm giác được cống hiến cho xã hội, ...). Đây là một quan niệm sai lầm và dễ dẫn tới tình trạng chọn nghề theo “quả”, không chọn nghề theo “rễ” cây nghề nghiệp.

2. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI LÀM TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP

Từ những quan niệm nhầm lẫn trên, chúng tôi xin được nhấn mạnh 3 điểm mà những người làm TVHN cần lưu ý :

Khả năng tuyển dụng của một người phụ thuộc vào kỹ năng thiết yếu, mạng lưới chuyên nghiệp của người đó và nhu cầu tuyển dụng lao động của ngành nghề mà người đó theo học. Có thể viết thành công thức như sau :

$$\text{Khả năng tuyển dụng} = \text{Kỹ năng thiết yếu} + \text{Mạng lưới chuyên nghiệp} + \text{Nhu cầu tuyển dụng}$$

Trong công thức:

- **Kĩ năng thiết yếu**

(bao gồm kĩ năng chuyên môn và kĩ năng mềm) là những kĩ năng mà một người rèn luyện được trong và ngoài lớp học, nhà trường;

- **Mạng lưới chuyên nghiệp**

là những người đang làm việc trong ngành nghề liên quan mà một người quen biết được qua những hoạt động ngoại khoá hay việc làm bán thời gian,...;

- **Nhu cầu tuyển dụng**

là số lượng lao động cần được tuyển dụng cho các ngành nghề trong thời điểm hiện tại và tương lai (có thể là trong vòng 2 - 5 năm tới hoặc lâu hơn nữa).

Sau đây là một ví dụ minh chứng cho điểm nêu trên:

Ví dụ:

Hà có năng khiếu về sửa chữa máy móc từ nhỏ. Sau khi không thi đỗ ĐH ngành CNTT, em quyết định đăng ký vào trường TC nghề để học CNTT. Trong sáu năm sau đó, em vừa học, vừa làm bán thời gian cho một Hội phi lợi nhuận trong vai trò phụ tá hành chính. Em được đánh giá cao về trách nhiệm và lòng ham học hỏi trong thời gian làm ở đây. Trong lúc làm việc, Hà tự học thêm tiếng Anh bằng cách xem chương trình Discovery Channel và tin tức trên truyền hình Cab để lấy được điểm TOEIC 810. Sau khi học liên thông và tốt nghiệp CĐ, người quen của Hà ở chỗ làm bán thời gian đã giới thiệu cho em một việc làm là nhân viên CNTT tại một trung tâm dạy Anh Ngữ. Em nộp đơn, phỏng vấn và được nhận vào làm vì em có những kĩ năng thiết yếu cần thiết cho vị trí ấy (kĩ năng chuyên môn trong CNTT, kĩ năng mềm và khả năng Anh ngữ). Hiện em đang chuẩn bị thi để lấy bằng cử nhân CNTT tại một trường ĐH công lập.

Câu chuyện trên là câu chuyện có thật của một bạn trẻ mà tác giả đã làm tư vấn cho bạn đó. Qua câu chuyện của Hà, chúng ta có thể thấy:

- Em Hà đã xây dựng được kĩ năng chuyên môn trong ngành CNTT qua chương trình đào tạo ở trường TC nghề và CĐ. Em cũng học hỏi được những kĩ năng mềm khác trong công việc bán thời gian của mình;
- Em Hà đã làm việc tốt và gây được ấn tượng tốt với những người cùng làm công việc bán thời gian ở Hội phi lợi nhuận. Những người này đã trở thành mạng lưới chuyên nghiệp của Hà. Nhờ mạng lưới này, em biết được nhu cầu và có cơ hội tuyển dụng vào vị trí công việc hiện tại;
- Em Hà vừa ra trường cũng là lúc công ty hiện tại có nhu cầu tuyển lao động. Và, do em có đủ điều kiện đáp ứng vị trí tuyển dụng, em đã được tuyển.

Chú ý: Nếu như ta bỏ đi những **“bức tường”** được tạo ra bởi tên của ngành học (như tâm lí học, quản trị kinh doanh, tài chính - ngân hàng, ngoại ngữ, xây dựng, giao thông, kiến trúc, thiết kế đồ hoạ...), ta sẽ thấy rằng, giữa các ngành này có rất **nhều điểm tương đồng về kiến thức và kĩ năng thiết yếu**. Do vậy, nếu ta nhìn vào bản mô tả công việc và phân tích những kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm và kĩ năng thiết yếu mà công việc ấy đòi hỏi, rồi nối những yếu tố ấy với kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm và kĩ năng

thiết yếu mà người tìm việc đang có thì sẽ tốt hơn, hiệu quả hơn nhiều so với việc nối giữa tên công việc với tên ngành học của một người.

Để hiểu rõ hơn ý trên, xin mời bạn mở đĩa DVD lý thuyết kèm theo tài liệu hoặc mở youtube (khả năng tuyển dụng) theo đường link: https://www.youtube.com/watch?v=o8YYJ_fZu7Y&feature=youtu.be để nghe tác giả giải thích về “Khả năng tuyển dụng”. Qua đoạn này, bạn sẽ thấy được sự tương đồng khi so sánh bản mô tả công việc với một bản sơ yếu lý lịch tóm tắt (resume) về kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm và kĩ năng thiết yếu của người tìm việc, đồng thời cũng thấy được, sơ yếu lý lịch của một người học ngành A vẫn có thể nộp đơn vào làm công việc của ngành B nếu 3 điều kiện trên phù hợp.

Không nên dựa vào một cái “tên” đang “hot” hay tránh đi một cái “tên” đang bị “xuống dốc” trong thị trường tuyển dụng khi quyết định chọn một ngành học và cơ sở đào tạo.

Thay vào đó, quyết định chọn một ngành học và cơ sở đào tạo phải được thực hiện theo các bước rất khoa học nhằm giúp cho NĐTƯ hiểu rõ những yếu tố bền vững nhất, ít biến đổi nhất trong việc chuẩn bị cho sự phát triển nghề nghiệp của mình trong tương lai. Các bước chọn ngành nghề sao cho khoa học sẽ được giới thiệu trong phần sau của tài liệu này.

Khả năng tuyển dụng của một người không phụ thuộc hoàn toàn vào khả năng học của người đó trong quá trình đào tạo mà nó còn phụ thuộc vào sự năng động, những trải nghiệm và khả năng tiếp cận thị trường tuyển dụng lao động của chính người đó trong quá trình đào tạo.

Trước đây, ở các cơ sở đào tạo, người học chỉ cần tập trung học để các môn học đều đạt điểm số cao là đã đủ điều kiện được ưu tiên tuyển dụng. Nhưng thị trường tuyển dụng hiện nay và sau này đòi hỏi người lao động phải có năng lực thực sự đối với công việc sẽ đảm nhận trên cơ sở người đó phải giỏi cả lý thuyết và thực hành. Điều này đòi hỏi người học phải biết kết hợp chặt chẽ giữa học với hành, giữa học lý thuyết với vận dụng thực tiễn, giữa việc tích cực tham gia học tập tại cơ sở đào tạo với việc nỗ lực, tự giác học tập qua trải nghiệm cuộc sống. Đây cũng chính là mô hình đào tạo mà hiện nay các trường ĐH quốc tế đang thực hiện.



SÁU KĨ NĂNG, HAI LIỆU PHÁP VÀ NĂM GIAI ĐOẠN TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CÁ NHÂN

Trong TVHN, nếu ta ví quá trình giúp đỡ, hỗ trợ HS (nam hay nữ) khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp là công cuộc xây dựng một căn nhà thì kiến thức về các LTHN sẽ là nền móng của căn nhà, còn các kĩ năng và liệu pháp TVHN sẽ là những công cụ giúp ta xây dựng căn nhà đó vững vàng, đẹp đẽ.

Ở Phần 1 của tài liệu, chúng tôi đã giới thiệu 4 nhóm LTHN, trong đó mô tả rõ các lý thuyết, mô hình LTHN phù hợp với con người và xã hội Việt Nam. Trong phần này, chúng tôi sẽ trình bày chi tiết nội dung và cung cấp một phim video minh họa việc áp dụng 6 kỹ năng tư vấn cá nhân mà một TVV nên có, 2 liệu pháp mà một TVV có thể sử dụng trong quá trình giúp đỡ/ hỗ trợ NĐTV và 5 giai đoạn TVHN cá nhân. Tuy nhiên, để hiểu sâu và sử dụng hiệu quả các kỹ năng và liệu pháp TVHN cá nhân này thì TVV cần phải thực hành nhiều, thực hành ở bất cứ nơi nào, với bất cứ ai và khi nào có thể. Và, đừng bao giờ quên rằng, một TVV giỏi trước hết phải là một người bình an, hạnh phúc. Do đó, điều đầu tiên TVV nên làm là hiểu rõ bản thân và vấn đề của bản thân để luôn luôn kiểm soát mình khi giữ vai trò TVV.

1. SÁU KỸ NĂNG TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP

Kết quả TVHN cá nhân phụ thuộc rất nhiều vào các kỹ năng TVHN của TVV. Do vậy, mỗi TVV cần hiểu rõ ý nghĩa, cách thức thực hiện từng kỹ năng TVHN để áp dụng một cách phù hợp vào từng trường hợp TVHN cá nhân trong thực tế. 6 kỹ năng TVHN cá nhân được thực hiện dựa trên hai quan điểm chính: 1. TVV giỏi là người có khả năng lắng nghe câu chuyện và cảm xúc của NĐTV; 2. TVV giỏi là người không cố gắng giải quyết vấn đề của NĐTV. Thay vào đó, TVV sử dụng những kiến thức chuyên môn của mình để hướng dẫn NĐTV tìm ra được giải pháp cho vấn đề của chính bản thân họ.

1.1. Hành vi quan tâm



Giới thiệu

Hành vi quan tâm được dịch ra từ nguyên tác tiếng Anh “attentive behavior” bao gồm kỹ năng thực hiện hành vi quan tâm và kỹ năng lắng nghe của TVV dành cho NĐTV, thể hiện qua âm thanh giọng nói, ngôn ngữ cơ thể, vẻ mặt, cách dùng từ ngữ, sự lắng nghe chăm chú.



Mục đích, ý nghĩa

Hành vi quan tâm là **kỹ năng đầu tiên và quan trọng nhất** trong các kỹ năng mà một TVV cần phải có. Nếu thực hiện tốt kỹ năng này sẽ giúp TVV thiết lập được mối quan hệ tốt với NĐTV và làm cho NĐTV thật sự tin tưởng vào TVV, mở lòng chia sẻ tâm tư với TVV, cung cấp những thông tin cần thiết để TVV có cơ sở giúp đỡ, hỗ trợ NĐTV. Mối quan hệ tốt đẹp giữa TVV và NĐTV có thể được hình thành trong vòng 5 phút, nhưng cũng có khi cần đến vài lần gặp mặt mới có được vì nó phụ thuộc rất nhiều vào kỹ năng thực hiện hành vi quan tâm và kỹ năng lắng nghe của TVV. Vì vậy, có thể nói, nếu không thực hiện hành vi quan tâm thì *không có một trải nghiệm nào hay liệu pháp nào* giúp cho quá trình TVHN cá nhân đạt kết quả như mong muốn. Thông thường, khi TVV bận rộn, mệt mỏi, bị áp lực thì rất khó thực hiện kỹ năng này. Do đó, trước mỗi lần tư vấn, TVV cần

phải chuẩn bị tinh thần thật tốt, tạm gác tất cả lo âu của bản thân sang một bên để tập trung vào NĐTV ngồi trước mặt. Lúc ấy, hành vi quan tâm sẽ dễ dàng được thực hiện hơn.⁽¹⁵⁾ Sau đây, chúng tôi chia sẻ cùng các bạn một số kinh nghiệm khi TVV thực hiện TVHN.



Những điểm cần lưu ý khi áp dụng hành vi quan tâm trong TVHN

Để thực hiện tốt hành vi quan tâm, TVV cần lưu ý:



Chuẩn bị thật tốt tâm trạng trước khi gặp NĐTV. Trước hết, cần gạt bỏ hết những lo âu ra khỏi đầu, tập trung vào NĐTV trước mặt mình.



Dùng ngôn ngữ cơ thể và nét mặt để cho NĐTV có cảm giác thân thiện, được đón chào. Khi giao tiếp với NĐTV, TVV nên: ngồi tương tự như cách ngồi của NĐTV; kiểu ngồi và dáng vẻ thật thoải mái, nhẹ nhàng để tạo cho người đối diện cảm giác gần gũi, sẵn sàng đón nhận, chia sẻ; thường xuyên biểu lộ sự thân thiện qua nụ cười, sự quan tâm qua ánh mắt. Những điều TVV tuyệt đối tránh là: Khoanh tay trước ngực, nhìn NĐTV với ánh mắt thờ ơ, lạnh lùng vì nó dễ tạo ra cảm giác xa cách, đóng kín; làm những việc khác khi đang tư vấn như nghe điện thoại, đọc tài liệu, chạy ra ngoài...



Lắng nghe NĐTV thật chăm chú để nắm bắt được nội dung câu chuyện của họ. Trong lúc lắng nghe, tập trung vào cảm xúc của NĐTV, tránh liên tưởng đến bản thân hay suy nghĩ tìm cách trả lời hoặc tìm cách giải quyết vấn đề cho NĐTV. Thực tế cho thấy, khi đã đến gặp TVV để bày tỏ tâm tư và nỗi lo của họ về vấn đề hướng nghiệp, NĐTV đã phải trải qua nhiều đắn đo, cân nhắc nên họ rất nhạy cảm với TVV. Nhiều người luôn trong tư thế chuẩn bị “dùng chia sẻ” nếu họ có cảm giác đang bị đánh giá hoặc cảm nhận được sự thiếu cảm thông, không chú ý lắng nghe từ TVV.

Thực hiện tốt 3 điều trên là TVV đã hoàn thành được 90% hành vi quan tâm. Kỹ năng này không quá khó, chỉ cần TVV luôn nhớ: Điều kiện tiên quyết cho một ca tư vấn thành công là xây dựng niềm tin và mối quan hệ tốt với NĐTV chứ không phải là lập tức giải quyết vấn đề cho họ.

Chú ý: Hành vi quan tâm cần được thực hiện xuyên suốt 5 giai đoạn của quá trình TVHN cá nhân. Khi đã có nhiều kinh nghiệm và khá thuần thục, TVV cần thực hiện hành vi quan tâm ngay từ khi bắt đầu làm việc với NĐTV. Khả năng này đòi hỏi TVV phải có nhiều kinh

15. *Lời tự sự của tác giả:* Bản thân tác giả (Hồ Phụng Hoàng Phoenix) đã làm việc trong ngành tư vấn 7 năm và TVHN 5 năm, vậy mà vẫn có những khi quên bẵng việc thực hiện hành vi quan tâm. Và, trăm lần như một, kết quả của những lần tư vấn đó rất kém hiệu quả.

nhịệm để tạo lập được mối quan hệ tin tưởng với NĐTV, có như vậy họ mới cởi mở chia sẻ và không nghĩ đến các hướng giải quyết quá sớm. Thực tế làm TVHN cho thấy, những gì NĐTV chia sẻ chưa chắc đã là câu chuyện thật, vấn đề thật. Do đó, nếu đưa ra hướng giải quyết quá sớm sẽ vô tình ngăn cản NĐTV chia sẻ vấn đề thật sự với TVV, dẫn đến một ca tư vấn không hiệu quả.

Trước khi kết thúc nội dung về hành vi quan tâm, chúng tôi gửi đến các TVV bài thơ dưới đây vì nó thể hiện được quan điểm quan trọng nhất của kĩ năng này, đó là: Mục tiêu quan trọng nhất của TVHN cá nhân không phải là giải quyết vấn đề cho NĐTV mà là kĩ năng lắng nghe.

XIN LẮNG NGHE

*Khi tôi đề nghị bạn nghe tôi,
Bạn bắt đầu khuyên bảo đủ điều,
Không thêm nghe tôi nói.
Khi tôi đề nghị bạn nghe tôi,
Bạn bắt đầu tuôn ra lí lẽ.
Tôi cảm thấy bạn không nên như vậy,
Bạn giầy xéo lên những cảm xúc của tôi.
Khi tôi đề nghị bạn nghe tôi,
Bạn cho rằng bạn phải làm gì đó
Để giải quyết vấn đề của tôi.
Bạn làm tôi thất vọng.
Nghe như thế có vẻ lạ.
Nhưng xin hãy lắng nghe,
Đó là tất cả những gì tôi muốn.
Đừng nói hay làm gì cả, chỉ cần lắng nghe*

1.2. Kĩ năng đặt câu hỏi



Giới thiệu

Khi làm TVHN, cùng với việc thực hiện hành vi quan tâm, TVV cần phải có kĩ năng đặt câu hỏi để thu thập những thông tin cần thiết từ NĐTV, đồng thời hiểu rõ hơn tâm tư, hoàn cảnh, mong muốn cũng như vấn đề thật sự của NĐTV. Kĩ năng đặt câu hỏi bao gồm khả năng dùng các loại câu hỏi thường dùng trong TVHN như câu hỏi mở, câu hỏi đóng, câu hỏi thăm dò, câu hỏi dẫn dắt/đoán trước...



Câu hỏi mở

Câu hỏi mở được bắt đầu bằng các từ “Vì sao?”, “Khi nào?”, “Cái gì?”, “Bằng cách nào?”, “Ở đâu?”...”

Dùng câu hỏi mở tạo cho người đối diện không gian rộng để chia sẻ bất cứ điều gì họ muốn. Do vậy, trong quá trình làm TVHN cá nhân, TVV nên

sử dụng câu hỏi mở khi cảm thấy NĐTV chủ động tham gia vào cuộc trò chuyện. Qua đó, TVV sẽ hiểu rõ hơn về NĐTV và dựa vào thông tin thu được để hỏi những câu hỏi tiếp theo.

Ví dụ: Vì sao hôm nay em lại đến gặp thầy/cô?

Chú ý: Câu hỏi mở cho phép không gian trò chuyện khá cởi mở nhưng cũng dễ làm cho NĐTV lan man ra nói ra ngoài trọng tâm điều mà họ muốn chia sẻ. Vì vậy, khi sử dụng câu hỏi mở, TVV cần phải chú ý để câu chuyện không đi quá xa trọng tâm của buổi tư vấn.

Câu hỏi đóng

Câu hỏi đóng là câu hỏi mà người đối diện có thể trả lời đơn giản “có” hay “không”.

Ví dụ: Có phải là em không thích chương trình em đang học phải không?

Với một số người, câu hỏi mở làm họ lúng túng và khó chia sẻ vì họ không biết nên bắt đầu từ đâu. Trong trường hợp này, TVV nên sử dụng câu hỏi đóng vì nó sẽ giúp người đối diện trả lời dễ dàng hơn. Câu hỏi đóng thường được sử dụng khi bắt đầu buổi tư vấn vì nó có tác dụng tốt trong việc thu thập thông tin thực tế, nhưng nếu sử dụng lâu sẽ dễ gây cho người đối diện cảm giác bị hỏi cung và như vậy sẽ không tốt cho việc tạo ra môi trường thoải mái, thân thiện. Do đó, khi NĐTV cảm thấy thoải mái hơn thì TVV nên tiếp tục bằng câu hỏi mở hay câu hỏi thăm dò. Trong khi dùng loại câu hỏi này, TVV cần vận dụng triệt để kỹ năng thực hiện hành vi quan tâm và kỹ năng lắng nghe.

Câu hỏi thăm dò

Câu hỏi thăm dò được sử dụng trong những trường hợp:

TVV đã có tương đối đầy đủ thông tin nhưng chưa nắm bắt được trọng tâm của vấn đề;

TVV muốn thảo luận về các chủ đề nhạy cảm liên quan đến thông tin cá nhân của NĐTV;

TVV muốn chắc chắn rằng mình đã hiểu rõ vấn đề chính.

Ví dụ: Từ khi gặp đến giờ, em nói rất nhiều về ảnh hưởng của cha em với em. Nếu thầy/cô nói rằng em chưa quen ra quyết định một mình mà phần lớn là dựa vào cha mình thì có chính xác không?”

Câu hỏi thăm dò thường được dùng vào giữa buổi gặp, khi mà mối quan hệ giữa TVV và NĐTV đã được **thiết lập và trở nên tốt hơn**. Tuy nhiên, nếu dùng câu hỏi thăm dò không khéo sẽ dễ gây tổn thương cho NĐTV. Do đó, khi sử dụng loại câu hỏi này, TVV cũng cần chú ý vận dụng triệt để hành vi quan tâm và kỹ năng lắng nghe vì đây là nền móng của kỹ năng đặt câu hỏi.

Câu hỏi dẫn dắt/ đoán trước

Câu hỏi dẫn dắt thường được dựa trên những xét đoán và định kiến riêng của TVV và được sử dụng khi mối quan hệ giữa TVV và NĐTV chưa thật sự gần gũi. Loại câu hỏi này không thật phù hợp trong TVHN vì loại câu hỏi này giống như “người đóng cánh cửa giao tiếp”.

Ví dụ 1: Em có chắc là mình sẽ trò chuyện được với cha mình không?

Trong câu hỏi trên, TVV có ý cho rằng HS sẽ thất bại trong việc trò chuyện với cha em và điều đó có ảnh hưởng tiêu cực tới em HS.

Ví dụ 2: Em nghĩ rằng mình sẽ đủ sức thi vào trường ĐH Y Hà Nội?

Trong câu hỏi này, TVV có ý cho rằng, HS không đủ sức thi vào trường Y vì điểm trung bình của em không cao. Tuy nhiên, trong thực tế, có nhiều trường hợp, điểm học tập của HS không cao vì các lý do khác chứ không phải vì sức học của em ấy.

TVV cần chú ý phân biệt và sử dụng hợp lý câu hỏi thăm dò, câu hỏi dẫn dắt qua cách đặt câu hỏi và thời gian hỏi.



Mục đích, ý nghĩa

Nếu thực hiện tốt kỹ năng đặt câu hỏi sẽ giúp cho TVV hiểu rõ vấn đề mà NĐTV đang gặp phải như cảm xúc, hoàn cảnh, mâu thuẫn tạo ra bởi hoàn cảnh của họ. Nhiều khi chính bản thân NĐTV cũng không biết chính xác vấn đề mà họ đang đối diện cho đến khi họ giải bày, chia sẻ những suy nghĩ của họ với TVV qua những câu trả lời. Cũng có khi NĐTV giấu kín vấn đề của họ cho đến khi họ thật sự tin tưởng TVV mới bộc lộ ra.

Trong quá trình làm TVHN, kỹ năng đặt câu hỏi phải được sử dụng đồng thời với kỹ năng thực hiện hành vi quan tâm và kỹ năng lắng nghe. Trong khi đặt câu hỏi, TVV cần chú ý sử dụng ngôn ngữ cơ thể, sự chăm chú lắng nghe và biểu đạt cảm xúc của mình thật tốt. Làm được điều này sẽ hỗ trợ rất nhiều trong việc làm cho NĐTV cảm thấy thoải mái để chia sẻ những thông tin sâu và riêng tư, nhờ đó TVV có được thông tin chính xác của NĐTV.



Những điểm cần lưu ý khi áp dụng kỹ năng đặt câu hỏi trong TVHN

Mỗi loại câu hỏi có tác dụng khác nhau đối với việc thu thập thông tin từ NĐTV. Do đó, TVV cần phải lựa chọn và sử dụng một cách hợp lý câu hỏi trong từng tình huống cụ thể. Trong mỗi trường hợp, tình huống, TVV nên cân nhắc dùng loại câu hỏi nào và sử dụng như thế nào để thu thập được thông tin của NĐTV một cách chính xác, đầy đủ.

Sau đây là một số điểm TVV cần lưu ý khi sử dụng kỹ năng đặt câu hỏi để làm TVHN:



Khuyến khích NĐTV chia sẻ thông tin

Khi bước vào phòng tư vấn, không phải ai cũng có cảm giác thoải mái. Một số người có cảm giác căng thẳng, áp lực, bối rối, sợ bị đánh giá. Điều này thường làm cho NĐTV khó giải bày những thắc mắc và ý tưởng của họ. Khi gặp trường hợp này, TVV cần khéo léo đặt ra những câu hỏi mở hoặc câu hỏi dẫn dắt để NĐTV chia sẻ câu chuyện của mình một cách nhẹ nhàng và tự nhiên.

Ví dụ: Em hãy kể cho thầy/cô nghe hồi nhỏ em thích làm gì đi?



Lặp lại ý tưởng của NĐTV để hiểu đúng ý tưởng, suy nghĩ của họ

Khi gặp TVV, không phải lúc nào NĐTV cũng diễn đạt chính xác những ý tưởng của họ. Tương tự như vậy, nhiều khi TVV cũng không hiểu đúng ý của người nói. Vì vậy, TVV không nên vội vàng nghĩ rằng mình đã hiểu đúng ý của người đối diện. Thay vào đó, TVV nên đặt câu hỏi để kiểm tra xem mình đã hiểu chính xác ý của NĐTV hay chưa.

Ví dụ: Qua câu chuyện của em, thầy/cô thấy hình như hiện tại em đang rất bối rối, không biết mình nên làm gì trong tương lai. Có phải vậy không?

Nếu câu trả lời của NĐTV cho thấy TVV đã hiểu đúng ý thì TVV có thể tiếp tục thực hiện bước kế tiếp. Nếu câu trả lời cho thấy TVV hiểu chưa đúng thì TVV có thể dùng câu hỏi mở hoặc câu hỏi dẫn dắt để khuyến khích NĐTV chia sẻ thông tin. Làm như vậy cho đến khi thu thập được thông tin chính xác mới chuyển sang bước tiếp theo.



Tóm tắt ý tưởng

Sau khi đã khuyến khích NĐTV chia sẻ thông tin và TVV hiểu được đúng ý tưởng, suy nghĩ của NĐTV, TVV dùng kỹ năng đặt câu hỏi để tóm tắt ý tưởng của họ từ đầu buổi gặp cho đến hiện tại. Bằng việc tóm tắt ý tưởng, TVV kiểm tra xem mình có hiểu đúng ý của NĐTV hay không, giúp NĐTV thấy được trọng tâm của cuộc trò chuyện để từ đó chuẩn bị cho các bước tiếp theo của buổi tư vấn.

Ví dụ: Qua câu chuyện em đã kể cho thầy/cô nghe từ nãy đến giờ, thầy/cô hiểu là em thích học ngành thiết kế thời trang nhưng gia đình lại muốn em theo ngành kinh tế. Hiện tại em không biết nên làm gì. Thầy/cô hiểu như vậy có đúng không?

1.3. Kỹ năng phản hồi cảm xúc



Giới thiệu

Kỹ năng phản hồi cảm xúc là kỹ năng hỏi và nhắc lại cảm xúc của NĐTV. Cảm xúc ở đây kể cả tiêu cực và tích cực, từ buồn, chán, bức bối, hờn giận đến vui vẻ, bình an, hy vọng. Có thể phản hồi cảm xúc của NĐTV bằng câu hỏi mở, câu hỏi đóng hoặc câu hỏi thăm dò.

Ví dụ 1: Hiện tại em cảm thấy ra sao?

Ví dụ 2: Em nói em đang rất lo lắng, có đúng không?

Ví dụ 3: Qua câu chuyện của em, thầy/cô nhận thấy dù phải đối diện với nhiều khó khăn nhưng em vẫn luôn tỏ ra tích cực. Em nghĩ sao về nhận định này của thầy/cô?



Mục đích, ý nghĩa

Khi đã đến gặp TVV, NĐTV thường có nhu cầu được cảm thông và chia sẻ. Trong rất nhiều trường hợp, chỉ khi được hỏi về cảm xúc, NĐTV mới chia sẻ vấn đề thật sự của bản thân. Do vậy, việc tạo cơ hội cho họ chia sẻ những cảm xúc của họ là điều rất quan trọng.

Kĩ năng phản hồi cảm xúc thường được TVV sử dụng khi muốn làm cho cuộc đối thoại giữa TVV và NĐTV có chiều sâu hơn hoặc khi câu chuyện giữa TVV và NĐTV trở nên bế tắc. *Lí do chính tạo ra bế tắc trong cuộc trò chuyện phần lớn là do TVV chưa thực sự lắng nghe câu chuyện của NĐTV hoặc chưa nắm bắt được vấn đề cốt lõi của câu chuyện.* Trong trường hợp này, sử dụng kĩ năng phản hồi cảm xúc sẽ làm cho TVV tập trung lắng nghe hơn, đồng thời giúp NĐTV có cơ hội giải tỏa và kể thêm thông tin. Nhờ đó, TVV có hướng đi tiếp theo tốt hơn cho buổi tư vấn.



Những điểm cần lưu ý khi thực hiện kĩ năng phản hồi cảm xúc



Áp dụng kĩ năng phản hồi cảm xúc trong những trường hợp sau:

- Khi NĐTV biểu lộ nhiều cảm xúc

Điều này đòi hỏi TVV phải quan sát các cảm xúc của NĐTV và dùng kĩ năng đặt câu hỏi để tìm hiểu sâu hơn về cảm xúc của họ.

Ví dụ: Hiện tại thầy/cô quan sát thấy em có nhiều cảm xúc, dường như buồn và có chút giận hờn, thất vọng. Em có thể chia sẻ với thầy/cô về những cảm xúc này không?

- Khi cuộc trò chuyện trở nên bế tắc

Trong những trường hợp mà TVV nhận thấy cuộc trò chuyện trở nên bế tắc như đi vào ngõ cụt hoặc thiếu sự hợp tác của NĐTV thì nên dùng kĩ năng phản hồi cảm xúc ngay.

Ví dụ: Từ này đến giờ mình đã trò chuyện khá nhiều. Thầy/cô muốn hỏi là cảm xúc của em ở thời điểm này như thế nào?



Thực hiện kĩ năng phản hồi cảm xúc khi đã quan sát và biết được trạng thái tâm lí của NĐTV

Những vấn đề mỗi người mắc phải trong hành trình hướng nghiệp rất gần gũi với đời sống cá nhân của họ. Nó không giản đơn chỉ là chọn lựa trường học,

ngành học, nghề nghiệp tương lai mà nó có cả những vấn đề tâm lý khác như mâu thuẫn trong gia đình, áp lực trong cuộc sống, hiểu biết bản thân và xã hội. Vì vậy, khi làm TVHN, TVV nên thực hiện theo 2 bước sau:

Bước 1. Chú ý quan sát cảm xúc của NĐTV để biết được trạng thái tâm lý của họ khi đến làm TVHN như buồn, lo, bức xúc, xúc động v.v...

Bước 2. Áp dụng kỹ năng phản hồi cảm xúc cho phù hợp để giúp NĐTV thấy được gốc rễ của vấn đề họ đang đối diện và tìm ra giải pháp phù hợp.

1.4 Kỹ năng đối mặt



Giới thiệu

Kỹ năng đối mặt được dùng trong các trường hợp NĐTV có rất nhiều mâu thuẫn với bản thân. Những mâu thuẫn này là nguyên nhân chính và cũng là rào cản đối với sự phát triển nghề nghiệp của họ. Kỹ năng đối mặt xảy ra khi TVV nêu và đòi hỏi NĐTV phải đối diện với những mâu thuẫn ấy.



Mục đích, ý nghĩa

Kỹ năng đối mặt là kỹ năng rất quan trọng trong các trường hợp NĐTV có vấn đề về tâm lý hay mâu thuẫn gia đình. Mục tiêu của việc đối mặt với NĐTV không phải để ép họ thay đổi bản thân mình mà là để họ hiểu rõ mình hơn và đưa ra được quyết định dựa trên nhận thức đó.

Trong thực tế, có nhiều người khi đến để được tư vấn bị luẩn quẩn trong các vấn đề của họ, không nhìn ra hoặc không chịu đối diện với nguyên nhân thực sự của những vấn đề ấy. Lúc này, TVV cần áp dụng kỹ năng đối mặt để giúp họ nhìn nhận gốc rễ của vấn đề và làm cho cuộc tư vấn thoát khỏi bế tắc.



Những điểm cần lưu ý khi áp dụng kỹ năng đối mặt

Kỹ năng đối mặt rất quan trọng vì nó giúp cuộc nói chuyện thoát khỏi bế tắc và mở ra hướng đi cho NĐTV thông qua việc giúp cho NĐTV nhận ra gốc rễ của vấn đề. Tuy nhiên, TVV phải rất cẩn thận khi sử dụng kỹ năng đối mặt vì nếu sử dụng kỹ năng này quá sớm trong quá trình tư vấn thì sẽ dễ dàng gây phản tác dụng và làm ảnh hưởng không tốt đến mối quan hệ giữa TVV với NĐTV. Kết quả là họ có thể không bao giờ quay lại gặp TVV nữa. Nhưng, nếu TVV không dám sử dụng kỹ năng đối mặt trong những trường hợp cần thiết thì NĐTV có nguy cơ tiếp tục chìm trong những ảo tưởng về bản thân hay tập trung nhầm vấn đề.

Từ kinh nghiệm làm tư vấn, chúng tôi khuyên các TVV nên thực hiện theo các bước sau để xác định và giải quyết mâu thuẫn:



Quan sát lời nói, hành động để *nhận ra mâu thuẫn* (sự không đồng nhất) trong lời nói, hành vi, cảm xúc và ý nghĩ của NĐTV.

Ví dụ: HS nói rất thoải mái với quyết định học của mình, nhưng sau đó kể rằng mất ngủ, bị stress/bị áp lực và lo rằng mình sẽ quyết định sai.

Đối diện với mâu thuẫn trên của NĐTV, bằng cách:

- Tóm tắt câu chuyện
- Chỉ ra sự mâu thuẫn

Ví dụ: Lúc mới gặp thầy/cô, em nói rằng em rất thoải mái với quyết định học của mình, nhưng bây giờ em kể rằng em bị mất ngủ, stress và lo mình quyết định sai. Em nghĩ sao về mâu thuẫn này?



Cùng với NĐTV tìm cách:

- Đối diện với mâu thuẫn
- Giải quyết mâu thuẫn
- Sống chung với mâu thuẫn

Ví dụ: HS nói rằng quyết định ngành học theo sự quyết định của cha mẹ là đúng vì cha mẹ luôn muốn tốt cho em, nhưng thực tế cho thấy em không phù hợp với ngành học này. Sau khi chỉ ra mâu thuẫn, TVV có thể thảo luận với HS về sự khác biệt giữa tình yêu và sự lo lắng của cha mẹ cho con cái với khả năng luôn luôn hướng dẫn con cái đi đúng hướng. Nhận thức được cha mẹ có thể sai không có nghĩa là HS phủ nhận tình yêu và sự lo lắng của cha mẹ dành cho mình. Điều này sẽ giúp HS tìm ra một lối đi khác thoáng hơn. Em có thể thảo luận với cha mẹ về tình hình hiện tại để đổi ngành học hoặc tiếp tục ngành này nhưng học thêm ngành phù hợp ở hệ không chính quy v.v...

1.5. Kỹ năng tập trung



Giới thiệu

Kỹ năng này được áp dụng trong trường hợp người được tư vấn **có nhiều vấn đề cần làm rõ và giải quyết** trước khi đưa ra quyết định chọn hướng học hoặc chọn ngành nghề.



Mục đích, ý nghĩa

Kỹ năng tập trung được TVV áp dụng nhằm giúp NĐTV sắp xếp các vấn đề theo thứ tự ưu tiên để tập trung giải quyết vấn đề quan trọng nhất trước, sau đó mới đến vấn đề ít quan trọng hơn. Từ đó, giúp NĐTV từng bước tìm ra giải pháp để chọn hướng học,

chọn ngành nghề hiệu quả nhất trong thời gian có hạn. Đây là kỹ năng tư vấn tương đối khó, đòi hỏi TVV phải hiểu biết sâu về kỹ năng này và có nhiều kinh nghiệm trong việc TVHN.



Một số điểm cần lưu ý khi áp dụng kỹ năng tập trung



Khi áp dụng kỹ năng này, cần tập trung vào **HS** trước, **vấn đề** sau. Tiếp đó, tập trung vào **gia đình** (bối cảnh xã hội). Trong các vấn đề, cần tập trung giải quyết **vấn đề quan trọng nhất** trước.

Ví dụ: Sau một thời gian trò chuyện với HS, TVV nhận ra vấn đề quan trọng nhất không phải là bản thân em HS đó chưa biết nên chọn ngành học, trường nào để theo học mà là mâu thuẫn giữa cha mẹ trong gia đình. TVV đã phân tích cho HS: “Theo như những gì thầy/cô nghe được từ em, vấn đề chính hiện nay là mâu thuẫn trong gia đình em. Bằng kinh nghiệm của mình, thầy/cô cho rằng để có được một quyết định hướng nghiệp tốt thì trước hết, các thành viên trong gia đình em phải thực sự hiểu nhau và tôn trọng ý kiến của nhau. Vì vậy, ngay sau đây, thầy/cô muốn được em nói rõ hơn về những lý do tạo ra mâu thuẫn trong gia đình mình, sau đó chúng ta mới bắt đầu thảo luận về vấn đề chọn ngành học của em. Em nghĩ sao?”.



Khi thực hiện kỹ năng tập trung, TVV cần chú ý thực hiện tốt hành vi quan tâm để NĐTV tin tưởng và mở lòng chia sẻ với mình. Nếu TVV không lắng nghe tốt hoặc làm cho NĐTV có cảm giác bị ngăn cấm, xét đoán thì rất có khả năng họ sẽ không nói thật lòng và làm cho quá trình TVHN bị bế tắc.

1.6. Kỹ năng phản hồi ý tưởng



Giới thiệu

Kỹ năng phản hồi ý tưởng là kỹ năng hỏi và nhắc lại ý tưởng, câu chuyện của NĐTV. Kỹ năng phản hồi ý tưởng thường được sử dụng cùng với kỹ năng đặt câu hỏi.



Mục đích, ý nghĩa

Sử dụng kỹ năng phản hồi ý tưởng giúp TVV kiểm tra xem mình đã hiểu đúng các ý tưởng của NĐTV chưa. Kỹ năng này thường được TVV áp dụng sau khi nghe NĐTV chia sẻ tâm sự.



Một số điểm cần lưu ý khi áp dụng kỹ năng phản hồi ý tưởng



Áp dụng kỹ năng phản hồi ý tưởng sau khi đã lắng nghe câu chuyện của NĐTV

Ví dụ: Qua câu chuyện em vừa kể, thầy/cô nghĩ là em rất thích trở thành hướng

dẫn viên du lịch nhưng lại lo mình không đủ sức khỏe và không có năng khiếu. Thầy/cô nghe vậy có đúng không em?



TVV có thể phản hồi ý tưởng của NĐTV bằng cách diễn dịch hoặc khái quát, tóm tắt những lời chia sẻ của họ.

Ví dụ: Em vừa nói là em đang rất băn khoăn, chưa biết là nên chọn nghề gì trong tương lai. Em muốn tìm hiểu thêm các ngành nghề khác vì em sợ rằng mình chọn sai nghề. Thầy/cô nói vậy có đúng không em?

Trên đây là 6 kỹ năng cơ bản thường được sử dụng trong TVHN. Mỗi kỹ năng đều có ý nghĩa, tác dụng nhất định giúp TVHN thành công. Trong 6 kỹ năng, hành vi quan tâm và kỹ năng đặt câu hỏi là hai kỹ năng quan trọng nhất vì chỉ trên cơ sở thực hiện tốt hai kỹ năng này, TVV mới thiết lập được mối quan hệ tốt với NĐTV, làm cho NĐTV có cảm giác được cảm thông, tin tưởng để từ đó mở lòng tâm sự, chia sẻ với TVV. Thực hiện tốt 2 kỹ năng này còn giúp TVV nắm bắt được cảm xúc, ý tưởng và những điểm mấu chốt trong câu chuyện của NĐTV, từ đó lựa chọn và sử dụng các kỹ năng khác cho phù hợp.

Trước khi học sang nội dung tiếp theo, bạn hãy mở đĩa DVD thực hành để xem phim “Tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho HS trung học”. Bạn không nhất thiết phải xem toàn bộ phim mà trước hết, nên tập trung xem lần gặp thứ nhất và lần gặp thứ hai giữa TVV (Phoenix) và NĐTV (em Đỗ Thiện Phúc). Trong quá trình xem, bạn hãy tập trung chú ý để phát hiện và ghi lại những kỹ năng TVHN được TVV sử dụng khi gặp em Đỗ Thiện Phúc. Sau đó, bạn có thể cùng đồng nghiệp xem lại lần thứ hai để chia sẻ với nhau về những kỹ năng TVHN bạn đã ghi chép được. Chúng tôi tin rằng, sau khi xem phim và chia sẻ với đồng nghiệp, bạn sẽ hiểu rõ hơn về các kỹ năng TVHN và có khả năng thực hành những kỹ năng này khi làm TVHN trong thực tế.

2. HAI LIỆU PHÁP TƯ VẤN CÁ NHÂN VỀ HƯỚNG NGHIỆP

Liệu pháp là thuật ngữ dùng để chỉ phương pháp mà các TVV dùng để giúp NĐTV tìm ra giải pháp cho vấn đề của họ. Để sử dụng liệu pháp TVHN tốt, TVV cần phải áp dụng các LTHN phù hợp trong quá trình tư vấn.

Có rất nhiều liệu pháp để TVV sử dụng trong TVHN. Trong tài liệu này, chúng tôi chọn ra và giới thiệu 2 liệu pháp được dùng rộng rãi trong TVHN là *liệu pháp kể chuyện* và *liệu pháp tập trung vào giải pháp* vì 2 liệu pháp này dễ học, dễ ứng dụng và phù hợp với văn hóa Việt Nam.

2.1. Liệu pháp kể chuyện (tư vấn tường thuật)



Giới thiệu

Liệu pháp kể chuyện (được dịch từ thuật ngữ tiếng Anh *narrative therapy*) là liệu pháp sử dụng phương pháp kể chuyện với mục đích giúp NĐTV tự dẫn dắt và tạo dựng nên câu chuyện nghề nghiệp của bản thân. Liệu pháp kể chuyện được biết đến nhiều trong những năm gần đây nhờ lí thuyết tạo dựng nghề nghiệp của TS. Mark L. Savickas. Ông biện luận rằng, khi NĐTV chia sẻ những kinh nghiệm sống của họ qua kể chuyện, dần dần họ sẽ tạo ra được định hướng nghề nghiệp cho bản thân. Theo Lí thuyết tạo dựng nghề nghiệp, TVV chỉ là người hướng dẫn, hỗ trợ. Bằng những phương pháp tư vấn phù hợp, TVV sẽ giúp NĐTV tự đưa ra được mục tiêu và quyết định kế hoạch nghề nghiệp của bản thân.⁽¹⁶⁾ Quan điểm này rất khác biệt với những lí thuyết truyền thống trong hướng nghiệp (ví dụ như lí thuyết mật mã Holland) vì các LTHN truyền thống cho rằng, chỉ cần TVV có trắc nghiệm tốt thì có thể đánh giá và kết luận hướng đi nghề nghiệp của NĐTV.



Cách thực hiện

Dựa vào các nhóm sở thích của NĐTV, TVV sử dụng 6 kĩ năng tư vấn đã giới thiệu ở trên, đặc biệt là kĩ năng đặt câu hỏi mở⁽¹⁷⁾ để khuyến khích NĐTV kể chuyện, *chia sẻ những trải nghiệm trong cuộc sống của họ từ thời thơ ấu đến hiện tại với mục đích tìm hiểu sở thích của họ*. Từ những mẫu chuyện nhỏ được chia sẻ, TVV nắm bắt và giúp NĐTV có cơ hội nhìn nhận lại bản thân và những trải nghiệm của họ, từ đó hiểu rõ hơn sở thích, khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp và các đặc điểm khác của bản thân.

Để hiểu rõ liệu pháp kể chuyện được áp dụng trong quá trình TVHN như thế nào, bạn hãy mở đĩa DVD thực hành kèm tài liệu, xem đoạn phim có phụ đề: “Giai đoạn thu thập dữ liệu” trong lần gặp thứ nhất và thứ hai giữa TVV - Phoenix Hồ và NĐTV - em Đỗ Thiện Phúc. Trong đoạn phim, Phúc đã chia sẻ về sở thích, khả năng của em trong hoạt động phong trào ở trường, những trải nghiệm của em trong các hoạt động tình nguyện và trong giới giải trí (showbiz). Bằng liệu pháp kể chuyện, Phoenix đã giúp Phúc thấy được em có đam mê và khả năng trong nhóm sở thích nghệ thuật.

16. Corso, J. & Rehfuess, M. (2011). The role of narrative in career construction theory. *Journal of Vocational Behavior*, 79, 334-339.

17. Tham khảo một số câu hỏi mở để tìm hiểu sở thích, khả năng của người được tư vấn ở phần phụ lục.

Lưu ý: Trong thời gian làm TVHN với HS và sinh viên Việt Nam những năm qua, tác giả nhận thấy liệu pháp kể chuyện (tư vấn tường thuật) được các em rất yêu thích vì khi TVV sử dụng liệu pháp này, các em có cơ hội chia sẻ những ước mơ, những trải nghiệm và lo lắng của mình. Nhờ vậy, các em cảm thấy gần gũi hơn, chia sẻ nhiều hơn và sẵn sàng để tiếp thu những ý kiến từ TVV hơn. Điều quan trọng là TVV phải làm sao để có thể sử dụng liệu pháp này một cách nhuần nhuyễn khi tư vấn cho các em trong thời gian ngắn một cách hiệu quả nhất. Để làm được điều này, sự kết hợp liệu pháp này với liệu pháp tập trung vào giải pháp dưới đây là điều kiện tiên quyết.

2.2. Liệu pháp tập trung vào giải pháp



Giới thiệu

Một trong những yêu cầu của TVHN là quy trình thực hiện ngắn nhưng phải đạt kết quả và tiến triển trong suốt quá trình tư vấn. Do vậy, việc kết hợp liệu pháp tập trung vào giải pháp với liệu pháp kể chuyện là rất quan trọng.

Liệu pháp tập trung vào giải pháp (dịch từ thuật ngữ tiếng Anh *solution-focused therapy*) thuộc về trường phái tư vấn ngắn hạn, đã xuất hiện và được dùng rộng rãi trong khoảng 40 năm trở lại đây. Để việc thực hiện liệu pháp tập trung vào giải pháp đạt kết quả, TVV cần lưu ý những đặc điểm, yêu cầu chủ yếu của liệu pháp này, đó là:

- Thời gian và các mục tiêu tư vấn ngắn hạn;
- Mối quan hệ thân thiết giữa TVV và NĐTV phải được thiết lập;
- Sự tập trung vào việc tư vấn phải được duy trì suốt quá trình tư vấn;
- TVV phải rất linh hoạt, uyển chuyển và năng động;
- Các trắc nghiệm (nếu có) và bài tập được sử dụng sớm và nhanh;
- NĐTV được khuyến khích để bày tỏ cảm xúc của họ.⁽¹⁸⁾

Liệu pháp tập trung vào giải pháp được nhiều TVV ưa chuộng bởi những lý do sau: 1. Phù hợp với sự mong đợi của người được tư vấn, đặc biệt là số lần được tư vấn; 2. Cho kết quả nhanh và hiệu quả; 3. Không coi NĐTV là “vấn đề” như những liệu pháp truyền thống. Thay vào đó, quan điểm của liệu pháp này là NĐTV đang bị ảnh hưởng bởi các vấn đề. Họ có thể chủ động giải quyết những vấn đề ấy trong thời gian ngắn.

18. Theo Rebecca Burwell & Professor Charles P. Chen (2006) Applying the principles and techniques of solution-focused therapy to career counselling, *Counselling Psychology Quarterly*, 19:2, 189-203 <http://dx.doi.org/10.1080/095150706009177>



Cách thực hiện

Cũng tương tự như liệu pháp kể chuyện, trong liệu pháp tập trung vào giải pháp, TVV dùng 6 kĩ năng tư vấn để giúp NĐTV tìm hiểu về bản thân, về thị trường đào tạo và tuyển dụng, từ đó ra quyết định nghề nghiệp. Khi thực hiện liệu pháp này, TVV cần:

- Tập trung vào những thay đổi tích cực của NĐTV: TVV tập trung vào những thay đổi có thể xảy ra và mang đến kết quả tốt cho NĐTV hơn là cố gắng tìm hiểu gốc rễ vấn đề từ quá khứ của họ.
- Tập trung vào điểm mạnh và tiềm năng của NĐTV: TVV tập trung vào những điểm mạnh và các tiềm năng mà NĐTV hiện đang có để giúp họ tìm ra những giải pháp tích cực. Với quan điểm nhìn về tương lai, TVV khuyến khích NĐTV sử dụng tiềm năng và khả năng của họ để giải quyết vấn đề nghề nghiệp.
- Coi NĐTV là chuyên gia, TVV chỉ là người cộng tác trong quá trình tư vấn. TVV có vai trò hỗ trợ và giúp đỡ NĐTV tìm ra giải pháp tốt nhất cho họ và họ sẽ là người quyết định chính. Với quan điểm này, liệu pháp tập trung vào giải pháp rất giống với liệu pháp kể chuyện.
- Tập trung vào mục tiêu là tìm ra giải pháp cho vấn đề của NĐTV. Các buổi tư vấn luôn có mục tiêu rõ ràng, NĐTV luôn biết mình đang làm gì và hiểu rõ tiến triển của quá trình tư vấn.

Để hiểu rõ liệu pháp tập trung vào giải pháp được áp dụng trong quá trình TVHN như thế nào, bạn hãy mở đĩa DVD thực hành. Bạn chưa cần xem cả phim mà nên tập trung xem đoạn có phụ đề “Giai đoạn khởi đầu” và “Giai đoạn kết thúc” để hiểu rõ cách TVV đã thực hiện liệu pháp tập trung vào giải pháp ở đầu và cuối mỗi buổi TVHN giữa TVV Phoenix và NĐTV- em Đỗ Thiện Phúc. Trong phim, vào đầu mỗi lần gặp, Phoenix luôn cùng với Phúc nhấn mạnh mục tiêu họ muốn đạt được cho mỗi buổi gặp. Vào cuối mỗi lần gặp, Phoenix tóm tắt lại những điều đã xảy ra, các tiến triển đã đạt được, sau đó Phoenix cho Phúc bài tập với các bước và mục tiêu rõ ràng để Phúc thấy được tiến triển của quy trình tư vấn.

Lưu ý: Trong thời gian làm TVHN với HS, sinh viên Việt Nam những năm qua, tác giả nhận thấy liệu pháp tập trung vào giải pháp cũng là liệu pháp rất hiệu quả. Các em thích chia sẻ về bản thân nhưng cũng mong thấy được những kết quả rõ ràng, nhanh chóng. Các em rất vui khi thấy được kết quả của mỗi lần tư vấn, như: hiểu được sở thích của mình thuộc nhóm nào, công việc nào sẽ phù hợp với điểm mạnh của bản thân, v.v... Điều quan trọng là TVV phải làm sao để có thể sử dụng liệu pháp này nhuần nhuyễn, kết hợp nó với 6 kĩ năng và liệu pháp kể chuyện đã được giới thiệu trên đây. Để làm được điều này, TVV cần phải chịu khó thực hành ở khắp mọi nơi, bất cứ lúc nào có thể, bắt đầu từ trong gia đình, trong lớp mình chủ nhiệm và ra ngoài xã hội v.v...

3. NĂM GIAI ĐOẠN TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CÁ NHÂN

Một quy trình TVHN cá nhân bao gồm 5 giai đoạn:

- Khởi đầu
- Tập hợp dữ liệu
- Thiết lập mục tiêu
- Hành động: Đặt ra nhiều giải pháp và có thể đương đầu với điều phi lý
- Kết thúc

Tuy nhiên, không nhất thiết phải thực hiện và hoàn thành cả 5 giai đoạn trong một lần tư vấn. Trong thực tế, có một số trường hợp phải lặp đi lặp lại giai đoạn nào đó trong vài buổi tư vấn.

3.1 Giai đoạn khởi đầu

Trong giai đoạn này, TVV xây dựng mối quan hệ với NĐTV thông qua việc sử dụng các kỹ năng chủ yếu sau:

- Hành vi quan tâm, bao gồm kỹ năng thực hiện hành vi quan tâm và kỹ năng lắng nghe;
- Kỹ năng đặt câu hỏi;
- Kỹ năng phản hồi cảm xúc.

Nếu thực hiện tốt các kỹ năng trên, **kết quả đạt được** của giai đoạn này là:

- NĐTV cảm thấy thoải mái khi được lắng nghe;
- NĐTV cởi mở hơn trong tâm sự.

*Bạn có thể xem đoạn phim video có phụ đề **Giai đoạn khởi đầu** để tìm hiểu thêm cách TVV sử dụng các kỹ năng chủ yếu ở giai đoạn này và kết quả đạt được.*

3.2 Giai đoạn tập hợp dữ liệu

Trong giai đoạn này, TVV tập trung thu thập các thông tin cần thiết một cách chính xác nhất để hiểu rõ hơn về hoàn cảnh của NĐTV thông qua việc thực hiện các kỹ năng chủ yếu sau:

- Hành vi quan tâm;
- Kỹ năng đặt câu hỏi;
- Kỹ năng tập trung;
- Kỹ năng phản hồi cảm xúc;
- Kỹ năng phản hồi ý tưởng.

Nếu thực hiện tốt, **kết quả đạt được** của giai đoạn này là:

- NĐTV cởi mở chia sẻ ý tưởng, cảm xúc và hành động;
- TVV có thông tin chính xác về hoàn cảnh hiện tại của NĐTV và vấn đề gốc rễ mà họ đang phải đối mặt.

*Bạn có thể xem đoạn phim video có phụ đề **Giai đoạn tập hợp dữ liệu** để tìm hiểu thêm cách TVV sử dụng các kĩ năng chủ yếu nhằm thu thập những thông tin cần thiết nhất của NĐTV và kết quả đạt được.*

3.3 Giai đoạn thiết lập mục tiêu chung

Giai đoạn này khá ngắn nhưng không kém phần quan trọng vì chỉ khi thiết lập rõ ràng mục tiêu chung giữa NĐTV và TVV thì quy trình TVHN cá nhân mới rõ ràng và cho kết quả tốt. Mục tiêu chung gồm có mục tiêu cho lần gặp mặt hiện tại, mục tiêu cho quy trình hướng nghiệp với mục tiêu gần và mục tiêu xa. Các mục tiêu càng rõ ràng và chi tiết càng tốt.

Trong giai đoạn này, kĩ năng chủ yếu được TVV sử dụng là:

- Kĩ năng đặt câu hỏi;
- Kĩ năng phản hồi ý tưởng;
- Kĩ năng tập trung.

Nếu thực hiện tốt, **kết quả đạt được** của giai đoạn này là:

- NĐTV sẵn sàng thảo luận những mục tiêu mà họ muốn đạt được, những hướng đi mới cho ý tưởng, những mơ ước và những hành động sẽ làm;
- NĐTV hình dung được mục tiêu xa và gần với những bước đi cụ thể trong quá trình TVHN.

*Bạn có thể xem đoạn phim video có phụ đề **Giai đoạn thiết lập mục tiêu chung** để tìm hiểu thêm cách TVV thực hiện giai đoạn này và kết quả đạt được.*

3.4 Giai đoạn hành động

Đây là giai đoạn mà TVV cùng với NĐTV thiết lập kế hoạch nghề nghiệp. TVV thảo luận với NĐTV những bước kế tiếp cần làm để xây dựng kế hoạch nghề nghiệp. Trong giai đoạn này TVV cùng NĐTV thực hiện các bước:

- Giao bài tập về nhà cho NĐTV và chỉ rõ sự liên quan giữa bài tập với mục tiêu của quy trình hướng nghiệp. Nếu cần thiết, TVV có thể hỗ trợ NĐTV phương tiện, thông tin, mạng lưới làm việc để họ hoàn thành bài tập;
- Thiết lập kế hoạch TVHN.

Nếu thực hiện tốt giai đoạn này, **kết quả đạt được** là:

- NĐTV hình dung được những bước kế tiếp, có trách nhiệm và chủ động làm bài tập;
- NĐTV cam kết thực hiện kế hoạch TVHN.

*Bạn có thể xem đoạn phim video có phụ đề **Giai đoạn hành động** để tìm hiểu thêm cách TVV thực hiện giai đoạn này và kết quả đạt được.*

3.5 Giai đoạn kết thúc

Đây là giai đoạn mà TVV cùng với NĐTV kết thúc quy trình TVHN cá nhân. Ở giai đoạn này, kĩ năng được TVV sử dụng chủ yếu là:

- Hành vi quan tâm;
- Kĩ năng phản hồi (cảm xúc để kiểm tra cảm xúc lúc đầu và hiện tại của NĐTV).

Nếu thực hiện tốt giai đoạn này, **kết quả đạt được** là:

- NĐTV có cái nhìn rõ hơn về kế hoạch nghề nghiệp của họ;
- TVV đánh giá được tiến trình phát triển của NĐTV trong kế hoạch hướng nghiệp và mời họ quay lại khi cần thiết.

*Bạn có thể xem đoạn phim video có phụ đề **Giai đoạn kết thúc** để tìm hiểu thêm cách TVV thực hiện giai đoạn này và kết quả đạt được.*

4. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO QUY TRÌNH TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CÁ NHÂN CÁ NHÂN ĐẠT HIỆU QUẢ

4.1 Năm vững lí thuyết hướng nghiệp

Điều kiện tiên quyết để TVV làm tốt CTHN là khả năng nắm vững, hiểu rõ và hiểu sâu các mô hình và LTHN.

Một trong những cách để giúp TVV hiểu rõ, hiểu sâu về mô hình và LTHN là liên tục áp dụng, liên hệ chúng với trường hợp của bản thân như quyết định nghề nghiệp của mình từ những ngày còn trẻ; sự phát triển nghề nghiệp của mình ở thời điểm hiện tại. Cách thứ hai là thường xuyên chia sẻ, truyền đạt những kiến thức ấy cho người khác như đồng nghiệp ở trường, con cháu ở gia đình, học trò của mình. Khi truyền đạt kiến thức cho người khác là lúc bản thân hiểu rõ hơn về kiến thức ấy. Cuối cùng, hãy cùng các TVV hướng nghiệp trong và ngoài nơi làm việc thường xuyên vận dụng các mô hình và LTHN khi làm TVHN. Càng thực tập thì TVV càng hiểu rõ kiến thức hơn. TVV cần phải có các kiến thức về giới, có nhạy cảm giới. Điều này đòi hỏi TVV phải hiểu rõ các định kiến và phân biệt đối xử về giới có ảnh hưởng tới sự lựa chọn hướng học và nghề nghiệp của NĐTV. Những ảnh hưởng này có thể làm cho NĐTV không lựa chọn nghề nghiệp theo đúng “rễ cây nghề nghiệp” của bản thân.

4.2 Hiểu rõ vai trò tư vấn viên

Khi đã hiểu rõ vai trò TVV là người đồng hành, hướng dẫn tìm hiểu, thu thập thông tin, sử dụng kiến thức chuyên môn về hướng nghiệp với NĐTV để giúp NĐTV giải quyết vấn đề và lập kế hoạch nghề nghiệp. TVV sẽ cất khỏi vai mình gánh nặng “giải quyết vấn đề” cho NĐTV. Mặt khác, chỉ khi làm được điều này, TVV mới hoàn thành tốt công tác TVHN của mình. Nếu TVV nghĩ rằng bản thân phải cố gắng giúp cho NĐTV giải quyết vấn đề của họ, TVV đã vô tình lấy đi quyền quyết định của NĐTV, giảm khả năng tự lập của họ và tạo nên một mối quan hệ dựa dẫm của họ vào mình⁽¹⁹⁾.

4.3 Thực hành và học hỏi liên tục

Như rất nhiều ngành nghề khác, TVHN cá nhân cũng đòi hỏi TVV phải thực hành những kỹ năng, ứng dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế càng nhiều càng tốt. Song song với thực hành, TVV phải liên tục cập nhật kiến thức chuyên môn của mình qua các khóa học ngắn hạn, tìm hiểu thông tin về thị trường tuyển dụng trong và ngoài nước qua sách báo liên quan. Nếu có thể, TVV nên tìm cách xây dựng mạng lưới chuyên nghiệp của bản thân qua bạn học cũ, đồng nghiệp, gia đình và đặc biệt là cựu HS, sinh viên thành đạt. Không có kiến thức nào thực tế và hữu hiệu bằng kiến thức từ những người đang sống và làm công việc ấy mỗi ngày. TVV chú ý tới các vấn đề về giới, luôn luôn nhạy cảm giới trong việc giao tiếp (sử dụng ngôn từ, nêu ví dụ, câu hỏi, hình ảnh) cũng như hướng dẫn cho NĐTV không bó hẹp phạm vi tìm hiểu thông tin về bản thân, thế giới nghề nghiệp chỉ vì mình là nam hay nữ. TVV hãy giúp NĐTV thực sự khám phá bản thân mình là ai để tránh không bị ảnh hưởng hoặc giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng từ định kiến giới về nghề nghiệp của nam hay nữ.

5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC KỸ NĂNG VÀ LIỆU PHÁP

Để minh họa cách sử dụng 6 kỹ năng, 2 liệu pháp và 5 giai đoạn TVHN cá nhân, chúng tôi đã quay một phim video về một ca TVHN có thật ở ngoài đời. Câu chuyện này là của em Đỗ Thiện Phúc bốn năm trước đây và đã được TVHN bởi chuyên gia tư vấn Phoenix.

Trong phim video này, chúng tôi có hướng dẫn rõ những kỹ năng nào, liệu pháp và giai đoạn nào đã được dùng trong từng cảnh phim. Khi xem phim, chúng tôi mong bạn chú ý những điều sau:

Điều không thay đổi là 6 kỹ năng, 2 liệu pháp và 5 giai đoạn. Nhưng cách áp dụng như thế nào thì tùy thuộc vào cá tính và phong cách của mỗi TVV cũng như sự tương tác giữa TVV với NĐTV. Chúng tôi không muốn các bạn nghĩ rằng phải tư vấn y như Phoenix mới tốt.

19. *Lời tự sự của tác giả:* Dù đã làm việc trong ngành tư vấn hơn bảy năm, tác giả thỉnh thoảng vẫn mắc phải thói quen cố gắng giải quyết vấn đề cho NĐTV. Đây là một đức tính tốt của TVV vì nếu không muốn giúp đỡ người khác, họ đã không làm trong lĩnh vực này. Do vậy, TVV phải luyện tập sao cho bản thân vẫn giúp đỡ NĐTV nhưng theo cách hỗ trợ họ để họ tự tìm ra giải pháp, chứ không áp đặt giải pháp của mình lên họ.

Ngược lại, chúng tôi muốn các bạn trong vai trò là TVV hãy chú ý đến những kỹ năng, liệu pháp và các giai đoạn, còn phong cách thì cứ tự nhiên, dần dần mình sẽ tạo ra một phong cách của riêng mình.

Kỹ năng thực hiện hành vi quan tâm và kỹ năng lắng nghe là kỹ năng quan trọng nhất. Nếu TVV thực hiện được hành vi quan tâm xuyên suốt buổi tư vấn thì TVV đã làm tốt 50% công việc của mình. Phần còn lại tùy thuộc vào kiến thức về mô hình và LTHN, kiến thức về thị trường đào tạo và tuyển dụng cũng như kiến thức, kỹ năng, liệu pháp TVHN được TVV sử dụng.

Các TVV hãy thử nghiệm 6 kỹ năng, 2 liệu pháp và 5 giai đoạn này cho bản thân, gia đình, bạn bè và HS của mình. Càng thực hành nhiều các kỹ năng sẽ càng nhuần nhuyễn.

Bây giờ, xin mời bạn mở đĩa DVD thực hành kèm theo tài liệu này để xem lại toàn bộ phim với thời lượng hơn 120 phút. Trước khi xem phim, bạn nên đọc kịch bản phim ở phụ lục 3 để có cái nhìn tổng quát những vấn đề được thể hiện trong phim.

Bạn không nhất thiết phải xem toàn bộ phim trong một lần. Nếu có ít thời gian, mỗi lần xem phim, bạn có thể xem 1- 2 lần gặp giữa TVV và NĐTV, sau đó, khi có thời gian lại xem tiếp. Điều quan trọng là bạn hiểu rõ nội dung, cách thức thực hiện từng kỹ năng, liệu pháp TVHN và thấy được sự liên hệ chặt chẽ giữa 6 kỹ năng tư vấn cá nhân với các liệu pháp trong mỗi giai đoạn TVHN.

Trong quá trình xem phim, bạn cố gắng liên hệ nội dung thể hiện ở từng cảnh, từng giai đoạn trong phim với những nội dung bạn đã học trong tài liệu in để kiểm nghiệm, củng cố những kiến thức đã thu nhận được.

Bạn đã học xong Phần 2 của tài liệu. Trước khi chuyển sang học tiếp Phần 3, bạn hãy làm một số bài tập tự đánh giá dưới đây để chắc chắn là bạn đã hiểu rõ 6 kỹ năng, 2 liệu pháp và 5 giai đoạn TVHN cá nhân. Đây là những kiến thức, kỹ năng cơ bản của một người đóng vai trò là TVV cho HS trung học. Do đó, kết quả làm bài tập tự đánh giá Phần 2 là cơ sở quan trọng giúp bạn đánh giá được năng lực làm TVHN cá nhân của chính bạn.



BÀI TẬP TỰ ĐÁNH GIÁ PHẦN 2

1. Trong tháng 11 của năm học 2013 - 2014, trường THCS A đã tổ chức một ngày hội hướng nghiệp. Trong ngày hội hướng nghiệp, trường đã mời doanh nhân tiêu biểu, người lao động giỏi ở địa phương và cựu HS của trường đến nói chuyện, chia sẻ với HS lớp 9 toàn trường về con đường đến với nghề nghiệp, công việc họ đang làm và thành quả công việc. Theo bạn, đây là loại hình TVHN nào? Loại hình TVHN này có tác dụng như thế nào đối với HS?

2. Vào tháng 3, tháng 4 hàng năm, đại diện của các trường nghề, trường TC, CĐ, ĐH thường đến các trường THPT để giới thiệu về trường, các ngành nghề đào tạo của trường, yêu cầu tuyển sinh và triển vọng của các ngành nghề trường đang đào tạo. Theo bạn, đây là loại hình TVHN nào? Tác dụng của loại hình TVHN này? So sánh với các loại hình TVHN khác mà bạn biết.

3. Khi làm TVHN cá nhân, điều quan trọng hàng đầu là phải thiết lập được mối quan hệ thân thiện giữa TVV với NGTV. Để làm được điều này, TVV cần phải thực hiện tốt kĩ năng TVHN nào? Vì sao? Bạn hãy thử thực hiện kĩ năng này với HS cần được TVHN của bạn, sau đó tự đánh giá mức độ đạt được kĩ năng này của bạn theo các mức: Tốt - Khá – Trung bình - Còn yếu

4. Muốn thu thập được các dữ liệu cần thiết từ phía NGTV để TVHN, bạn cần sử dụng những kĩ năng và liệu pháp nào? Vì sao? Bạn hãy thử thực hiện những kĩ năng và liệu pháp này với HS cần được TVHN của bạn, sau đó tự đánh giá mức độ đạt được kĩ năng và liệu pháp này của bạn theo các mức: Tốt - Khá – Trung bình - Còn yếu.

5. Theo bạn, các kĩ năng, liệu pháp TVHN có quan hệ với nhau như thế nào? Làm thế nào để tăng cường hiệu quả sử dụng của từng kĩ năng, liệu pháp TVHN?

6. Theo lí thuyết đã học, có 6 kĩ năng, 2 liệu pháp và 5 giai đoạn TVHN. Theo bạn, có nhất thiết phải thực hiện đầy đủ các giai đoạn, kĩ năng, liệu pháp TVHN cho mỗi ca TVHN hay không? Vì sao?

7. Bạn hãy mở đĩa DVD thực hành để xem lại phim video “Tự vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp” đính kèm quyền tài liệu này. Cố gắng tập trung xem những nội dung bạn tự nhận thấy mình làm chưa được tốt. Sau đó, bạn thử vận dụng những hiểu biết và kĩ năng TVHN đã có của mình để thực hiện một ca TVHN. Bạn nên mời đồng nghiệp của mình cùng tham dự và cùng nhau trao đổi, chia sẻ về mức độ đạt được mục tiêu, cách thức thực hiện các kĩ năng, liệu pháp TVHN.

8. Dựa vào kết quả thực hiện các bài tập trên, bạn hãy tự đánh giá kết quả học phần 2 của bạn theo các mức: Hoàn thành tốt – Hoàn thành – Chưa hoàn thành (cần học lại)

Chúc bạn thành công!

**VẬN DỤNG
LÍ THUYẾT ĐỂ
HỖ TRỢ HỌC SINH
PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC
HƯỚNG NGHIỆP**

PHẦN 3

Trong Phần 3, chúng tôi không trình bày cụ thể các nội dung vào tài liệu này như hai phần trước mà sử dụng phần mềm Screencast-O-Matic của Macbook để thu phần tiếng giải thích ý nghĩa, cách phát triển năng lực nhận thức bản thân, nhận thức nghề nghiệp và xây dựng kế hoạch nghề nghiệp cho HS trung học.

Sau đây, xin mời bạn mở đĩa DVD lý thuyết, phần “Hướng dẫn vận dụng các LTHN, 6 kỹ năng, 2 liệu pháp và 5 giai đoạn để hỗ trợ HS phát triển các năng lực hướng nghiệp”. Nếu không có điều kiện xem đĩa DVD, bạn có thể mở youtube theo đường link: <https://www.youtube.com/watch?v=BmXnH1zgopY&feature=youtu.be> (vận dụng). Thời lượng của phần này là 15 phút. Bạn hãy cố gắng tập trung lắng nghe kết hợp với quan sát các slides trên màn hình để hiểu rõ ý nghĩa, cách áp dụng các kỹ năng, liệu pháp TVHN trong việc giúp HS phát triển năng lực nhận thức bản thân, thu thập thông tin nghề nghiệp và xây dựng kế hoạch nghề nghiệp. Một số điểm cần lưu ý khi học tập Phần 3 theo đĩa DVD lý thuyết.



PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NHẬN THỨC BẢN THÂN

Trong đoạn này đề cập tới mục đích, ý nghĩa, cách vận dụng các kỹ năng, liệu pháp TVHN để giúp HS phát triển năng lực nhận thức bản thân, trên cơ sở đó giúp các em hiểu rõ sở thích, khả năng của chính mình. Một trong những cách tốt nhất để giúp HS phát hiện và phát triển khả năng của bản thân là động viên, hướng dẫn các em tham gia các hoạt động trong và ngoài giờ lên lớp. Không nên chỉ tập trung đánh giá khả năng của HS qua kết quả học tập các môn văn hóa mà phải tạo điều kiện cho các em được thể hiện các khả năng khác của bản thân như khả năng ca hát, thể dục thể thao, kỹ thuật...



PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NHẬN THỨC NGHỀ NGHIỆP

Đoạn này đề cập tới mục đích, ý nghĩa và cách vận dụng các kỹ năng, liệu pháp TVHN để giúp HS tìm hiểu thông tin về thị trường, chương trình đào tạo nghề nghiệp và thị trường tuyển dụng lao động. Điểm nhấn thứ nhất của đoạn này là nội dung về kỹ năng thiết yếu,

bao gồm kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm và các kỹ năng cần thiết khác để phát triển ở nơi làm việc. Điểm nhấn thứ hai là không có biên giới giữa các ngành nghề bởi giữa các ngành nghề chỉ là những bức tường rất mờ nhạt. Do đó, hãy tập trung vào kiến thức và kỹ năng cần cho công việc thay vì tên gọi của công việc.

Với vai trò là người làm TVHN, bạn hãy giúp cho HS của mình cách thức, con đường tìm hiểu thị trường, chương trình đào tạo và thị trường tuyển dụng để các em hiểu được rằng, điều quan trọng nhất đối với các em là tìm được chương trình đào tạo phù hợp với sở thích, khả năng của bản thân, đồng thời phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của các em. Trong quá trình học tập, các em hãy cố gắng học tập, rèn luyện, trải nghiệm theo nhiều cách khác nhau để có được những kỹ năng thiết yếu và những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp tương lai của các em.



PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NGHỀ NGHIỆP

Trong đoạn này đề cập tới mục đích, ý nghĩa và cách vận dụng các kỹ năng, liệu pháp TVHN để giúp HS xây dựng kế hoạch nghề nghiệp cho bản thân. Nội dung của đoạn này có liên quan chặt chẽ với nội dung của mô hình lập kế hoạch nghề trong Phần 2 về các LTHN. Vì vậy, khi xem đoạn này, bạn hãy chú ý liên hệ với nội dung của LTHN mô hình lập kế hoạch nghề, kể cả ví dụ trong đó để hiểu rõ hơn về ý nghĩa cũng như cách vận dụng các kỹ năng, liệu pháp TVHN khi giúp HS xây dựng kế hoạch nghề nghiệp.

Bạn đã học xong Phần 3 và cũng là phần cuối của tài liệu này. Trước khi kết thúc, bạn hãy tự kiểm tra xem mình đã hiểu rõ mục đích, ý nghĩa và cách vận dụng các kỹ năng, liệu pháp TVHN, các LTHN để giúp HS phát triển các năng lực hướng nghiệp chưa bằng cách làm các bài tập sau:



BÀI TẬP TỰ ĐÁNH GIÁ PHẦN 3

1. Theo bạn, TVV nên sử dụng những kĩ năng, liệu pháp TVHN nào để giúp HS phát triển năng lực nhận thức bản thân. Bạn hãy chia sẻ với đồng nghiệp của bạn cách bạn sẽ vận dụng các kĩ năng, liệu pháp TVHN để hỗ trợ HS của bạn nhận thức bản thân.

2. Nên sử dụng những kĩ năng và liệu pháp TVHN cá nhân nào để giúp HS phát triển năng lực nhận thức nghề nghiệp? Trong điều kiện thực tế nơi bạn làm TVHN, với vai trò là TVV, bạn sẽ làm như thế nào để giúp HS thu thập được những thông tin cần thiết về thị trường, chương trình đào tạo phù hợp với sở thích, khả năng của bản thân, đồng thời phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của các em?

3. Hiện nay, có nhiều HS lựa chọn nghề nghiệp theo trào lưu chung (chọn nghề được cho là nghề “hot” trong xã hội). Bên cạnh đó, có nhiều HS có khả năng theo học một số ngành nghề nhưng không dám đăng kí tuyển sinh vì có nhiều thông tin nói rằng những ngành nghề đó đang thừa nhân lực (ví dụ như ngành CNTT, ngành quản trị - kinh doanh, ngành ngân hàng, nghề dạy học...). Nếu những HS đó đến gặp bạn để được tư vấn, bạn sẽ tư vấn cho các em như thế nào?

4. Bạn hãy trao đổi, chia sẻ với đồng nghiệp của bạn cách vận dụng 6 kĩ năng, 2 liệu pháp và 5 giai đoạn TVHN mà bạn đã nghe và hiểu được. Trong thực tế, bạn đã thực hiện công việc này chưa? Nếu đã thực hiện, bạn thấy cách thực hiện của bạn có những điểm nào giống và khác so với nội dung bạn vừa học?

Dựa vào kết quả thực hiện các bài tập trên, bạn hãy tự đánh giá kết quả học Phần 3 của bạn theo các mức: Hoàn thành tốt – Hoàn thành – Chưa hoàn thành (cần nghe lại và thực hiện lại).

Chúc bạn đạt kết quả như mong muốn!

PHỤ LỤC

PHẦN 4

PHỤ LỤC 1

MỘT SỐ CÂU HỎI THAM KHẢO ĐỂ LÀM
PHIẾU CHO HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
TRƯỚC KHI HỌC THEO TÀI LIỆU



1. Bạn hiểu như thế nào về lí thuyết “cây nghề nghiệp”? Nêu ví dụ về chọn nghề theo “quả” và chọn nghề theo “rễ”.
2. Áp dụng lí thuyết “cây nghề nghiệp” vào TVHN như thế nào? Nêu ví dụ minh họa.
3. Lập kế hoạch nghề có những bước nào? Nêu ví dụ minh họa.
4. Trình bày hiểu biết của bạn về lí thuyết mật mã Holland. Hãy kể tên các nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland.
5. Áp dụng lí thuyết mật mã Holland vào TVHN như thế nào?
6. Bạn hiểu thế nào về lí thuyết vị trí điều khiển? Ý nghĩa của lí thuyết này trong TVHN. Bạn hãy kể lại một câu chuyện của bạn hoặc người thân của bạn để minh họa cho lí thuyết vị trí điều khiển.
7. Nội dung cơ bản của lí thuyết hệ thống là gì? Vai trò của Lí thuyết hệ thống trong TVHN? Nêu ví dụ minh họa.
8. Trình bày lí thuyết mô hình lập kế hoạch nghề. Nêu ví dụ về việc áp dụng lí thuyết này vào TVHN?
9. Thế nào là kĩ năng thiết yếu? Áp dụng kĩ năng thiết yếu vào TVHN như thế nào?
10. Trình bày các kĩ năng, liệu pháp, giai đoạn trong TVHN? Mối liên quan giữa các kĩ năng, liệu pháp trong các giai đoạn TVHN.

PHỤ LỤC 2

ĐÁP ÁN CÁC BÀI TẬP TỰ ĐÁNH GIÁ



ĐÁP ÁN BÀI TẬP TỰ ĐÁNH GIÁ PHẦN 1

Bài tập 1: b

Bài tập 2: a

Bài tập 3: Dùng Lí thuyết hệ thống để giải thích. Có thể sử dụng cả lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch.

Bài tập 4: Dùng Lí thuyết cây nghề nghiệp để giải thích.

Bài tập 5: Dùng Lí thuyết cây nghề nghiệp để giải thích.

Bài tập 6: Không nhất thiết phải dùng tất cả các LTHN vì mỗi lí thuyết sẽ giúp TVV có cơ sở để giải thích một hoặc một số vấn đề của NĐTV. Do vậy, tùy theo vấn đề được đặt ra, TVV sẽ căn cứ vào nội dung chủ yếu và cách áp dụng của LTHN để quyết định sử dụng LTHN nào cho phù hợp.

Bài tập 7: TVV sẽ sử dụng Lí thuyết cây nghề nghiệp và lí thuyết hệ thống để giải thích và thuyết phục vì đây là 2 lí thuyết giúp cho NĐTV hiểu được ý nghĩa của việc chọn nghề phù hợp với *sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp* của bản thân, đồng thời phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của gia đình.

Bài tập 8: Dựa vào Lí thuyết mô hình lập kế hoạch nghề để giải thích. Việc hiểu rõ bản thân, thông tin nghề nghiệp và các yếu tố tác động/ảnh hưởng là cơ sở để lập kế hoạch nghề. Chỉ khi xây dựng kế hoạch nghề nghiệp, NĐTV mới xác định rõ mục tiêu nghề nghiệp, từ đó xác định các bước đi và biện pháp thực hiện từng bước đi để đạt được mục tiêu nghề nghiệp. Đây chính là kim chỉ nam giúp cho NĐTV đi tới đích trong cuộc hành trình hướng nghiệp.

ĐÁP ÁN BÀI TẬP TỰ ĐÁNH GIÁ PHẦN 2

Bài tập 1: Tư vấn hướng nghiệp nhóm lớn (dựa vào khái niệm để giải thích).

Bài tập 2: Tư vấn tuyển sinh (dựa vào khái niệm để giải thích).

Bài tập 3: Hành vi quan tâm, bao gồm kĩ năng thực hiện hành vi quan tâm và kĩ năng lắng nghe.

Bài tập 4: Kĩ năng đặt câu hỏi và liệu pháp kể chuyện.

Bài tập 5: Các kĩ năng và liệu pháp TVHN có mối quan hệ qua lại, tương hỗ nhau. Nếu thực hiện tốt các kĩ năng sẽ thu thập được nhiều thông tin của NĐTV để từ đó đưa ra các giải pháp hoặc hỗ trợ NĐTV tìm ra cách giải quyết vấn đề một cách tốt nhất. Ngược lại, nếu thực hiện tốt 2 liệu pháp TVHN một cách thường xuyên sẽ giúp TVV nâng cao được các kĩ năng TVHN.

Bài tập 6: Không nhất thiết phải sử dụng đầy đủ 6 kĩ năng, 2 liệu pháp và 5 giai đoạn. Tùy trường hợp cụ thể, TVV lựa chọn và sử dụng các kĩ năng, liệu pháp, giai đoạn cho phù hợp. Tuy nhiên, để TVHN đạt kết quả, phải thường xuyên thực hiện tốt hành vi quan tâm và kĩ năng đặt câu hỏi trong tất cả các ca TVHN.

PHỤ LỤC 3

KỊCH BẢN PHIM “KĨ NĂNG TƯ VẤN
CÁ NHÂN VỀ KHÁM PHÁ, LỰA CHỌN
VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP
CHO HỌC SINH TRUNG HỌC”



Kịch bản này được viết để dựng một phim video cho một ca TVHN. Phim này thể hiện nội dung và tiến trình của một ca TVHN cá nhân được xây dựng dựa trên một câu chuyện có thật xảy ra vào năm 2010. TVV và NĐTV trong phim video này là những nhân vật có thật trong câu chuyện. Mục tiêu của phim là minh họa bằng hình ảnh và lời nói cách sử dụng các LTHN, 6 kĩ năng, 2 liệu pháp trong 5 giai đoạn TVHN cá nhân. Cụ thể:

Năm giai đoạn TVHN cá nhân:

- Khởi đầu;
- Tập hợp dữ liệu;
- Thiết lập mục tiêu chung;
- Hành động;
- Kết thúc.

Sáu kĩ năng TVHN cá nhân:

- Hành vi quan tâm;
- Kĩ năng đặt câu hỏi;
- Kĩ năng phản hồi cảm xúc;
- Kĩ năng tập trung;
- Kĩ năng phản hồi ý tưởng.

Hai liệu pháp TVHN cá nhân:

- Liệu pháp kể chuyện;
- Liệu pháp tập trung vào giải pháp.

Các lí thuyết hướng nghiệp:

- Nhóm lí thuyết đặc tính cá nhân và đặc điểm nghề;
- Nhóm lí thuyết phát triển;
- Nhóm lí thuyết học tập từ xã hội;
- Nhóm các lí thuyết xuất hiện gần đây nhất.

Các nội dung trên được thể hiện một cách uyển chuyển và hòa quyện với nhau trong quá trình thực hiện một ca tư vấn. Chẳng hạn như, trong các lần gặp giữa TVV và NĐTV, có lần chỉ có một giai đoạn xảy ra, nhưng có lần có tới 3, 4 hoặc cả 5 giai đoạn cùng xảy ra. **Để hiểu rõ nội dung của phim video này và học hỏi từ nó hiệu quả nhất, người sử dụng cần phải đọc nội dung** trong quyển sách này trước khi xem phim video. TVV có thể nghe và xem lại đĩa DVD lí thuyết trong đó có các slides về LTHN và lời giải thích về các LTHN đó của chuyên gia TVHN cá nhân.

Trong phim Video này, trước khi kết thúc mỗi phân cảnh, sẽ có giải thích là những giai đoạn, kĩ năng và LTHN đã được sử dụng để người sử dụng một lần nữa khẳng định sự hiểu biết của mình về TVHN cá nhân.

Câu chuyện tư vấn

Cách đây 4 năm, vào một ngày năm 2010, Phúc (NĐTV, khi đó 18 tuổi) vừa mới tốt nghiệp THPT hệ bổ túc được cô Hoà (giáo viên lớp học tình thương của phường Tân Phong, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh) giới thiệu tới gặp Phoenix (Chuyên gia tư vấn hướng nghiệp, trường Đại học RMIT tại Việt Nam) để được tư vấn về hướng học và chọn nghề sau THPT. Câu hỏi của Phúc là: *trong điều kiện gia đình khó khăn, với sở thích, khả năng của em thì em nên thi CĐ hay đi học nghề? Nếu học nghề thì học nghề gì? ở đâu? Nếu thi vào trường CĐ thì thi trường nào và ngành nào?*

Gia đình Phúc (thuộc diện nghèo) di cư đến sống tại quận 7, TPHCM. Khi còn nhỏ em học chương trình lớp học tình thương. Sau đó em được học bổng theo học tại Trung tâm giáo dục thường xuyên quận 7, TPHCM từ năm lớp 6 đến hết lớp 12, hệ bổ túc.

Em là người khá vui vẻ, hòa đồng. Biết cách tổ chức các hoạt động liên quan tới văn nghệ, báo tường cùng với các bạn trong lớp.

SAU ĐÂY LÀ NỘI DUNG TÓM TẮT CỦA TỪNG LẦN TƯ VẤN TRONG PHIM VIDEO:

1. Lần gặp thứ nhất giữa TVV và NĐTV

Trong lần gặp này, TVV đã thực hiện:

Năm giai đoạn: Khởi đầu, tập hợp dữ liệu, thiết lập mục tiêu chung, hành động và kết thúc.

Kĩ năng TVHN: Hành vi quan tâm, đặt câu hỏi và phản hồi cảm xúc.

Liệu pháp TVHN: Kể chuyện và tập trung vào giải pháp.

LTHN: Lí thuyết cây nghề nghiệp, Lí thuyết vị trí điều khiển và lí thuyết hệ thống.

Bài tập: Suy ngẫm và tìm thông tin.



Nội dung và kết quả

Đây là lần đầu tiên Phúc (NĐTV) đến gặp Phoenix (TVV) để được TVHN theo sự giới thiệu của cô Hòa. Ngay khi gặp, Phoenix đã sử dụng hành vi quan tâm để Phúc có cảm giác thoải mái và cởi mở chia sẻ, tâm sự. Trong lần gặp này Phúc chia sẻ về bản thân:

- Sở thích: Ngành giải trí (showbiz) và làm việc với con người.
- Khả năng: Xã giao tốt, thuyết phục, dễ gây cảm tình.
- Những lo lắng về gia đình: Mẹ em vay tiền để làm ăn nhưng bị thua lỗ. Chủ nợ đốc thúc mẹ em phải thu xếp để nhanh chóng trả nợ. Nhà em nghèo, chưa có tiền để trả nợ. Mâu thuẫn giữa cha và mẹ em chủ yếu là do vấn đề về tài chính. Phúc là con thứ trong gia đình (Phúc có một anh trai và một em gái đang đi học) nhưng em gần như là trụ cột kinh tế trong gia đình.

Qua chia sẻ của Phúc, Phoenix đã:

- Hiểu được phần nào hoàn cảnh của gia đình và bản thân em;
- Dùng lí thuyết hệ thống để chia sẻ với Phúc về hoàn cảnh hiện tại của em;
- Dùng lí thuyết vị trí điều khiển để khuyến khích em có động lực vươn lên trong cuộc sống.

Cuối buổi gặp, Phoenix và Phúc đã lên kế hoạch hành động để đạt được mục tiêu của Phúc là trả lời được câu hỏi: “Em nên học ngành nghề gì để có thể giúp gia đình trả nợ, nuôi sống bản thân em và thành công trong tương lai?”. Kế hoạch đó như sau:

- Bước 1: Tìm hiểu bản thân và thị trường đào tạo;
- Bước 2: Tìm hiểu thị trường tuyển dụng;
- Bước 3: So sánh/liên hệ những đặc điểm của bản thân với thị trường đào tạo và tuyển dụng để có một kế hoạch nghề nghiệp phù hợp.

Phúc cam kết sẽ đến gặp chuyên viên tư vấn vào các lần hẹn gặp (có thể là 3 - 5 buổi tư vấn) và làm hết các bài tập được giao sau mỗi buổi gặp.



TVV giao bài tập về nhà

- Suy ngẫm: Hãy gạt bỏ những ngại ngùng sẽ bị người khác đánh giá và thật lòng nhìn nhận bản thân xem em có những điểm mạnh nào? thường được người xung quanh khen ngợi về đặc điểm gì?. Hãy viết tất cả những điều ấy ra giấy.
- Đọc cuốn “Những điều cần biết về tuyển sinh đại học, CĐ và TC” để tìm hiểu các chương trình đào tạo ở bậc CĐ có liên quan đến ngành giải trí (show biz).



Đánh giá

TVV tự đánh giá kết quả của lần gặp thứ nhất theo các tiêu chí:

- NĐTV cảm thấy thoải mái khi được lắng nghe và cởi mở hơn trong tâm sự;

- NĐTV chia sẻ ý tưởng, cảm xúc và hành động. TVV có thêm dữ liệu từ NĐTV qua những lời kể chuyện của họ;
- NĐTV thảo luận những mục tiêu mà em muốn đạt được, những bước kế tiếp và những hành động sẽ làm;
- NĐTV thấy được bước cần làm tiếp theo và cam kết sẽ làm bài tập;
- NĐTV có sự thay đổi trong hành động, ý tưởng và cảm xúc về tương lai nghề nghiệp.

2. Lần gặp thứ hai giữa TVV và NĐTV:

Trong lần gặp này, TVV đã thực hiện:

Năm giai đoạn: Khởi đầu, tập hợp dữ liệu, thiết lập mục tiêu chung, hành động và kết thúc.

Kỹ năng TVHN: Hành vi quan tâm, đặt câu hỏi, phản hồi cảm xúc và phản hồi ý tưởng.

Liệu pháp TVHN: Kể chuyện và tập trung vào giải pháp.

Trắc nghiệm: Tìm hiểu sở thích, khả năng của bản thân theo lý thuyết mật mã Holland.

LTHN: Lý thuyết mật mã Holland, mô hình lập kế hoạch nghề nghiệp, lý thuyết vị trí điều khiển và lý thuyết hệ thống.

Bài tập: Tìm hiểu chương trình dạy nghề và thị trường việc làm cho nghề trang điểm cũng như ngành giải trí.



Nội dung và kết quả

Phúc đến gặp Phoenix lần hai. Phúc đã làm xong 2 bài tập được giao và rất mong đợi lần tư vấn này. Tâm trạng em cũng có phần thoải mái hơn. Đầu buổi gặp, Phoenix dùng hành vi quan tâm, kỹ năng đặt câu hỏi và kỹ năng phản hồi ý tưởng để tìm hiểu thêm về khả năng, sở thích và những băn khoăn của Phúc. Từ kết quả làm bài tập của Phúc và trao đổi của Phúc, cho thấy em có những khả năng, sở thích sau:

- Ăn nói nhẹ nhàng, ngoại giao tốt, dễ làm người đối diện tin tưởng và có cảm tình khi tiếp xúc;
- Biết cách ăn mặc, trang điểm và có thể tư vấn người xung quanh cách ăn mặc và trang điểm sao cho phù hợp với sự kiện mà họ tham gia;
- Thích đóng kịch, hiểu biết nhiều về giới nghệ sĩ, đã thử tham gia một vài chương trình của giới giải trí;
- Về chương trình đào tạo, Phúc tự nhận thấy chương trình đào tạo của Trường CĐ văn hoá nghệ thuật thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với sở thích và khả năng của em.

Tiếp theo, Phoenix dùng lý thuyết mật mã Holland và mô hình lập kế hoạch nghề nghiệp để giúp Phúc hiểu tầm quan trọng của việc học ngành nghề phù hợp với sở thích và khả năng tự nhiên của em. Sau đó, Phoenix dùng lý thuyết hệ thống để cùng Phúc tìm hiểu ảnh hưởng của gia đình, nhất là tình hình tài chính hiện tại của gia đình lên quyết định

của em để cùng với Phúc suy nghĩ, tìm các hướng đi nghề nghiệp khác nhau sao cho phù hợp với sở thích, khả năng của bản thân em, đồng thời phù hợp với hoàn cảnh gia đình em trong thời điểm đó.

Cuối buổi gặp, Phoenix phản hồi cho Phúc bản tóm tắt về em: Sở thích, khả năng, hoàn cảnh gia đình và một vài “con đường” mà em có thể lựa chọn. Phoenix cùng Phúc thiết lập kế hoạch TVHN cho những lần sau để đạt được mục tiêu của Phúc là trả lời được câu hỏi: “Em nên học ngành nghề gì cho vừa phù hợp với sở thích, khả năng của em, vừa phù hợp với điều kiện kinh tế gia đình để có thể tự lập trong hiện tại và thành công trong ngành em yêu thích vào tương lai?”. Kế hoạch đó như sau:

- Bước 1: Tìm hiểu chương trình dạy nghề trang điểm (do tư nhân và Nhà nước tổ chức);
- Bước 2: Tìm hiểu thị trường việc làm cho nghề trang điểm (giới show biz, ngành giải trí);
- Bước 3: Nối những đặc điểm của bản thân với chương trình dạy nghề và thị trường việc làm để có một kế hoạch nghề nghiệp;
- Cam kết sẽ đến gặp TVV trong các lần hẹn (có thể từ 3-5 buổi) và làm hết các bài tập được giao.



TVV giao bài tập về nhà

Phỏng vấn thông tin: Trò chuyện với những người quen đang làm nghề trang điểm cô dâu, diễn viên, người mẫu để tìm hiểu thông tin về cơ hội việc làm của nghề này; tương tự như vậy, trò chuyện với những bạn bè đang làm trong ngành giải trí để tìm hiểu các cơ hội nghề nghiệp trong ngành này mà có thể phù hợp với khả năng tự nhiên và sở thích của bản thân.



Đánh giá

TVV tự đánh giá kết quả của buổi gặp 2 theo các tiêu chí sau:

- Sự thoải mái của NĐTV khi được lắng nghe. Chia sẻ nhiều và sâu hơn;
- NĐTV chia sẻ kết quả làm bài tập về nhà, ý tưởng và cảm xúc. TVV có thêm dữ liệu từ NĐTV qua kết quả bài tập và những lời chia sẻ;
- NĐTV thảo luận những mục tiêu mà em muốn đạt được, những bước tiếp theo và những hành động sẽ làm;
- NĐTV biết được bước tiếp theo cần làm và cam kết sẽ làm bài tập;
- NĐTV có sự thay đổi trong hành động, ý tưởng và cảm xúc về tương lai nghề nghiệp.

3. Lần gặp thứ ba và thứ tư giữa TVV và NĐTV:

Trong 2 lần gặp này, TVV đã thực hiện:

Năm giai đoạn: Khởi đầu, tập hợp dữ liệu, thiết lập mục tiêu chung, hành động và kết thúc (mức độ khác với 2 lần gặp trước).

Kĩ năng TVHN: Hành vi quan tâm, đặt câu hỏi, phản hồi cảm xúc, phản hồi ý tưởng, đối mặt và tập trung.

Liệu pháp TVHN: Kể chuyện và tập trung vào giải pháp.

LTHN: Mô hình lập kế hoạch nghề nghiệp, lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch và công thức khả năng tuyển dụng.

Đề nghị: Mở rộng mạng lưới quan hệ trong ngành trang điểm và giới giải trí.



Nội dung và kết quả

Phúc đến gặp Phoenix lần thứ ba và lần thứ tư. Mỗi lần đến gặp, Phúc đều làm xong bài tập được giao ở lần gặp trước. Phoenix dùng hành vi quan tâm, kĩ năng đặt câu hỏi, phản hồi ý tưởng và phản hồi cảm xúc để tìm hiểu kết quả làm các bài tập của Phúc. Theo kết quả làm bài tập của Phúc:

- Trong ngành giải trí không cần bằng cấp nhiều, nhưng cần khả năng thực sự, chịu khó, kinh nghiệm thực tiễn và có “nhân duyên” tốt;
- Một vài công việc Phúc có thể làm trong tương lai nếu có đủ kinh nghiệm và mạng lưới chuyên nghiệp đủ rộng: Trưởng nhóm ca sĩ, phụ tá bầu show, bầu show;
- Sau khi học nghề trang điểm chuyên nghiệp xong, Phúc có thể đi theo đoàn làm phim để trang điểm cho diễn viên để lấy kinh nghiệm. Thời gian đầu lương không cao nhưng đủ sống. Sau đó, khi đã từng bước tạo được tên tuổi sẽ có thu nhập cao hơn.

Phoenix ôn lại mô hình lập kế hoạch nghề nghiệp để giúp Phúc thiết lập: a.Mục tiêu nghề nghiệp (ngắn và dài hạn), b.Các bước đi để đạt được mục tiêu ấy. Phoenix dùng công thức khả năng tuyển dụng (Khả năng tuyển dụng = kĩ năng chuyên môn + kĩ năng mềm + mạng lưới chuyên nghiệp + nhu cầu tuyển dụng) để giúp Phúc hiểu vai trò quan trọng của việc rèn luyện các kĩ năng chuyên môn và phát triển mạng lưới chuyên nghiệp. Phoenix dùng lí thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch để giúp Phúc suy nghĩ một vài phương pháp tạo ra sự may mắn cho hành trình nghề nghiệp của Phúc.

Cuối mỗi buổi gặp, Phoenix phản hồi quy trình hướng nghiệp đã thảo luận, kết quả đạt được và hỏi Phúc về mức độ thỏa mãn của em với kết quả ấy. Sau lần gặp thứ ba, Phúc đã nhận thông tin là em sẽ có một học bổng học nghề của nhà tài trợ nên em yên tâm về phần học phí. Kết quả là:

- Phúc quyết định tham gia lớp học nghề trang điểm để nhanh chóng được đi làm trước khi học cao hơn. Như vậy, Phúc vừa có tiền giúp mẹ trả nợ, vừa tự lo được cho bản thân. Sau đó, khi có điều kiện Phúc sẽ thi vào trường CĐ văn hoá nghệ thuật thành phố Hồ Chí Minh;
- Phúc quyết định sẽ phát triển mạng lưới chuyên nghiệp trong ngành giải trí bằng cách tiếp tục tìm và thực hiện các hợp đồng cho các chương trình liên quan;
- Phúc mong sẽ trở thành chuyên viên trang điểm và trong tương lai trở thành người quản lí ca sĩ chuyên nghiệp.



Đánh giá

TVV tự đánh giá kết quả của lần gặp 3 và lần gặp 4 theo những tiêu chí sau:

- NĐTV tự tìm ra câu trả lời cho vấn đề hướng nghiệp của bản thân;
- NĐTV tự tin vì bản thân đóng vai trò chủ động trong *quy trình TVHN*;
- NĐTV có định hướng nghề nghiệp rõ ràng, ngắn hạn và dài hạn, cũng như những bước đi cụ thể để thực hiện mục tiêu hướng nghiệp đề ra;
- NĐTV có sự thay đổi trong hành động, ý tưởng và cảm xúc về tương lai nghề nghiệp, ra được quyết định nghề nghiệp cho bản thân;
- NĐTV hứa sẽ giữ liên lạc, thường xuyên cung cấp thông tin cập nhật về hành trình nghề nghiệp của mình cho chuyên viên tư vấn.

4. Lần gặp thứ năm giữa TVV và NĐTV:



Đánh giá kế hoạch nghề nghiệp

4 năm sau, kể từ khi kết thúc lần gặp thứ tư giữa Phoenix và Phúc, Phúc đã đến gặp Phoenix nhưng không phải là để được TVHN như những lần gặp trước mà là để chia sẻ với Phoenix những thành công trong nghề nghiệp. Phúc kể lại: Phúc đã tham gia học lớp nghề trang điểm 3 tháng. Sau khi học nghề, Phúc đã làm nhiều công việc khác nhau như trang điểm cho người làm phim quảng cáo, ca nhạc; trang điểm cho giới show biz, các đám cưới; phụ sinh viên làm phim không lấy công, làm quản lý dự án ca nhạc, trợ lý cho các ca sĩ... Ngoài ra Phúc còn học và làm bánh Piza. Hiện nay, Phúc đang có việc làm ổn định ở công ty bản quyền ca nhạc, có bảo hiểm và phúc lợi. Phúc đã giúp gia đình trả hết nợ và xây nhà cho cha mẹ. Phúc rất vui vì đã đạt được những thành công nhất định trong nghề mà mình đã chọn. Em đang có kế hoạch học tiếp trường CD nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh và ước mơ sẽ trở thành đạo diễn giỏi. Khi kể lại câu chuyện nghề nghiệp của mình với TVV, Phúc rất tự tin, nói rõ ràng con đường đi tới thành công của em (bạn xem trong đoạn cuối của phim để thấy rõ điều này). Đây chính là bước đánh giá mục tiêu và kế hoạch nghề nghiệp trong Mô hình lập kế hoạch nghề. Sự phù hợp và thành công trong nghề nghiệp hiện tại sẽ tạo động lực cho Phúc đi tiếp những bước tiếp theo trong cuộc hành trình nghề nghiệp của mình.

PHỤ LỤC 4
TRẮC NGHIỆM SỞ THÍCH
THEO LÝ THUYẾT MẶT MÃ HOLLAND



PHIẾU TRẮC NGHIỆM SỞ THÍCH (Phần 1)

Đánh dấu X vào ô vuông trước mỗi câu mà bạn thấy phù hợp với mình. Đừng suy nghĩ quá nhiều khi lựa chọn câu trả lời.

Thời gian hoàn thành: 20 phút.

Mỗi ô được đánh dấu sẽ tính là 1 điểm, không phải điểm cao là làm giỏi mà phải lựa chọn theo đúng suy nghĩ bản thân.

☐ Tôi tự thấy mình là người khá về các môn thể thao. ☐ Tôi là người yêu thích thiên nhiên ☐ Tôi là người hay tò mò về thế giới xung quanh mình (thiên nhiên, không gian, những sinh vật sống) ☐ Tôi là người độc lập ☐ Tôi thích sửa chữa đồ vật, vật dụng xung quanh tôi ☐ Tôi thích làm việc sử dụng tay chân (làm vườn, sửa chữa nhà cửa) ☐ Tôi thích tập thể dục ☐ Tôi thích dành dụm tiền ☐ Tôi thích làm việc cho đến khi công việc hoàn thành (không thích bỏ dở việc) ☐ Tôi thích làm việc một mình	Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X và viết tổng số X vào đây Nhóm Kỹ thuật
☐ Tôi là người rất hay để ý tới chi tiết và cẩn thận ☐ Tôi tò mò về mọi thứ ☐ Tôi có thể tính những bài toán phức tạp ☐ Tôi thích giải các bài tập toán ☐ Tôi thích sử dụng máy tính ☐ Tôi rất thích đọc sách ☐ Tôi thích sưu tập (đá, tem, tiền đồng) ☐ Tôi thích trò chơi ô chữ ☐ Tôi thích học các môn khoa học ☐ Tôi thích những thách thức	Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X và viết tổng số X vào đây Nhóm Nghiên cứu
☐ Tôi rất sáng tạo ☐ Tôi thích vẽ, tô màu và sơn ☐ Tôi có thể chơi một nhạc cụ ☐ Tôi thích tự thiết kế quần áo cho mình hoặc mặc những thời trang lạ và thú vị ☐ Tôi thích đọc truyện viễn tưởng, kịch và thơ ca ☐ Tôi thích mỹ thuật và thủ công ☐ Tôi xem rất nhiều phim ☐ Tôi thích chụp ảnh (chim, người, cảnh đẹp) ☐ Tôi thích học một ngoại ngữ ☐ Tôi thích hát, đóng kịch và khiêu vũ	Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X và viết tổng số X vào đây Nhóm Nghệ thuật

☐ Tôi rất thân thiện ☐ Tôi thích chỉ dẫn hoặc dạy người khác ☐ Tôi thích nói chuyện trước đám đông ☐ Tôi làm việc rất tốt trong nhóm ☐ Tôi thích điều hành các cuộc thảo luận ☐ Tôi thích giúp đỡ những người gặp khó khăn ☐ Tôi chơi các môn thể thao có tính đồng đội ☐ Tôi thích đi dự tiệc ☐ Tôi thích làm quen với bạn mới ☐ Tôi thích làm việc với các nhóm hoạt động xã hội tại trường học, nhà thờ, chùa, phường, xóm, hay cộng đồng ☐ Tôi thích học hỏi về tài chính (tiền bạc) ☐ Tôi thích bán các sản phẩm (kẹo, bút viết v.v...) ☐ Tôi nghĩ mình thuộc dạng nổi tiếng ở trường ☐ Tôi thích lãnh đạo nhóm và các cuộc thảo luận	<i>Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X và viết tổng số X vào đây</i> Nhóm Xã hội
☐ Tôi thích được bầu vào các vị trí quan trọng trong nhóm hoặc câu lạc bộ trong và ngoài nhà trường ☐ Tôi thích có quyền và thích ở vị trí lãnh đạo ☐ Tôi muốn sở hữu một doanh nghiệp nhỏ ☐ Tôi thích tiết kiệm tiền ☐ Tôi thích làm việc cho tới khi công việc hoàn tất ☐ Tôi thích mạo hiểm và tham gia các cuộc phiêu lưu mới	<i>Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X và viết tổng số X vào đây</i> Nhóm Quản lí
☐ Tôi thích gọn gàng và ngăn nắp ☐ Tôi thích phòng của tôi thường xuyên gọn gàng và ngăn nắp ☐ Tôi thích sưu tầm các bài báo về các sự kiện nổi tiếng ☐ Tôi thích lập những danh sách các việc cần làm ☐ Tôi thích sử dụng máy tính ☐ Tôi rất thực tế và cân nhắc mọi chi phí trước khi mua một thứ gì đó ☐ Tôi thích đánh máy bài tập của trường lớp hơn là viết tay ☐ Tôi thích đảm nhận công việc thư ký trong một câu lạc bộ hay nhóm ☐ Khi làm toán, tôi hay kiểm tra lại bài làm nhiều lần ☐ Tôi thích viết thư	<i>Cộng số điểm ở các ô được đánh dấu X và viết tổng số X vào đây</i> Nhóm Nghiệp vụ

PHIẾU TRẮC NGHIỆM SỞ THÍCH (Phần 2)

Làm phần 1 trước khi làm phần 2. Từ kết quả của phần 1, viết số điểm của ba nhóm cao nhất xuống dưới đây. Nếu bạn có hai hay ba phần bằng nhau thì cũng không sao. Đây là kết quả sở thích của bạn. Hãy dùng kết quả trắc nghiệm sở thích của bạn để tìm hiểu bạn có tính cách gì và một số công việc phù hợp với bạn nhất.

Hãy gạch dưới chân những nghề mà bạn thấy thích ở cột bên phải

Nhóm sở thích của bạn: _____

Tổng số cao nhất Tổng số cao thứ hai Tổng số cao thứ ba

NHÓM KỸ THUẬT LÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ TÍNH THỰC TẾ	NGHỀ NGHIỆP BẠN THÍCH	
Những ai có khả năng như một vận động viên thể thao hoặc có khả năng như một thợ máy, thích làm với những vật cụ thể, máy móc, dụng cụ, cây cối, con vật, hoặc các hoạt động ngoài trời.	Vận hành máy, cơ khí ứng dụng, bảo trì và sửa chữa ô tô, thiết bị điện, lắp đặt điện, bảo hành, sửa chữa điện- điện tử , tin học, xây dựng, trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, nấu ăn, làm vườn và chăm sóc cây xanh, cắt may, thêu, đan, móc, kĩ thuật phòng thí nghiệm, lái xe , lái tàu, CNTT,... y tá điều dưỡng...	Kĩ sư ô tô Kĩ sư chế tạo máy Kĩ sư ngành tự động hóa Kĩ sư nông, lâm, ngư nghiệp. Kĩ sư thiết kế cảnh quang đô thị, công trình công cộng, kĩ sư công nghệ may, kĩ sư công nghệ thông tin, bác sĩ...
	Các công việc hoạt động thuộc nhóm kĩ thuật có từ công nhân bậc 2/7, 3/7, công nhân kĩ thuật trình tạo tại các cơ sở dạy nghề, các trường TC nghề, TTKTTHHN của địa phương	Các công việc này được đào tạo tại các trường đại học và CĐ trên toàn quốc.
NHÓM NGHIÊN CỨU LÀ NHỮNG NGƯỜI THÍCH TÌM TÒI, KHÁM PHÁ, ĐIỀU TRA	NGHỀ NGHIỆP BẠN THÍCH	
Những ai thích quan sát, tìm tòi, khám phá, học hỏi, điều tra, phân tích, đánh giá hoặc giải quyết vấn đề.	Lập trình viên, kĩ thuật viên y tế, kĩ thuật viên phòng thí nghiệm, chăn nuôi, thú y, kỹ thuật viên phục hồi răng, chuyên viên nghiên cứu thị trường, chuyên viên nghiên cứu các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội...	Nhà sinh vật học Nha sĩ/Dược sĩ Kĩ sư phần mềm Nhà khảo cổ học Nhà hóa học/vật lí học/địa lí học, nhà nghiên cứu (địa chất, sử, dân tộc học...), bác sĩ, giảng viên đại học, thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội...
	Các ngành nghề trên được đào tạo tại các cơ sở dạy nghề, các trường TC nghề, các TTKTTHHN của địa phương. Các ngành nghề này cũng được đào tạo trực tiếp tại đơn vị tuyển dụng sau một thời gian thực hành và làm việc trực tiếp tại đơn vị đó.	Các công việc này được đào tạo tại các trường ĐH, CĐ và các học viện trên toàn quốc.
NHÓM NGHỆ THUẬT LÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ SỞ THÍCH THẨM MĨ, SÁNG TẠO	NGHỀ NGHIỆP BẠN THÍCH	
Những ai có khả năng nghệ thuật, sáng tác, trực giác và thích làm việc trong các tình huống không có kế hoạch trước như dùng trí tưởng tượng và sáng tạo.	Thiết kế đồ họa, phóng viên, thợ chụp ảnh, ca sĩ, diễn viên (điện ảnh, kịch, chèo, cải lương, tuồng...) thợ thủ công mỹ nghệ (chạm khắc gỗ, thêu tranh, làm đồ gốm sứ, chạm bạc...), nhà báo, bình luận viên, dẫn chương trình, người mẫu, nghệ sĩ biểu diễn nhạc cụ, nhà	Giám đốc quảng cáo Kĩ sư thiết kế đồ họa, kiến trúc sư, giáo viên dạy kịch, nhà văn, họa sĩ, nhạc sĩ, kĩ sư thiết kế mẫu, giảng viên văn học...

	thơ, đạo diễn, chuyên viên trang điểm, thiết kế thời trang, chăm sóc cây kiểng, cắm hoa, tía rau củ, làm hoa... Các ngành nghề trên được đào tạo tại các cơ sở dạy nghề, các trường TC nghề, các TTKTTHHN, HLHPN, nhà văn hóa của địa phương.	Các công việc này được đào tạo tại các trường ĐH, CĐ và các học viện, nhạc viện trên toàn quốc.
NHÓM XÃ HỘI LÀ NHỮNG NGƯỜI THÍCH THAM GIA HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI	NGHỀ NGHIỆP BẠN THÍCH	
Những ai thích làm việc cung cấp hoặc làm sáng tỏ thông tin, thích giúp đỡ, huấn luyện, chữa trị hoặc chăm sóc sức khỏe cho người khác; có khả năng về ngôn ngữ.	Nhà hoạt động xã hội, y tá cộng đồng, dược tá, nhân viên các công ty du lịch, hướng dẫn viên du lịch, huấn luyện viên, tư vấn hướng nghiệp, dịch vụ khách hàng, cán bộ xã hội, cán bộ HLHPN, nhân viên khách sạn/khu nghỉ dưỡng, nhân viên bảo hiểm... Các ngành nghề trên được đào tạo tại các cơ sở dạy nghề, các trường TC nghề, các TTKTTHHN, HLHPN, nhà văn hóa của địa phương.	Giáo viên các cấp, tư vấn viên, bác sĩ, dược sĩ, luật sư, bác sĩ khoa tâm thần, thần kinh, chuyên gia tâm lý, chuyên gia tư vấn học đường, chuyên gia tư vấn bất động sản... Các công việc này được đào tạo tại các trường ĐH, CĐ và các học viện, trên toàn quốc.
NHÓM QUẢN LÝ LÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ SỞ THÍCH KINH DOANH, LÃNH ĐẠO, THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC	NGHỀ NGHIỆP BẠN THÍCH	
Những ai thích làm việc với những người khác, có khả năng tác động, thuyết phục, thể hiện, lãnh đạo hoặc quản lý các mục tiêu của tổ chức, các lợi ích kinh tế.	Công an, quân đội, quản trị kinh doanh, kỹ thuật hệ thống thông tin, quản trị mạng, chủ doanh nghiệp, chủ đại lý kinh doanh, chuyên viên quan hệ công chúng, quản lý khách sạn, bếp trưởng khách sạn cao cấp, kế toán... Các ngành nghề trên được đào tạo tại các cơ sở dạy nghề, các trường TC nghề, các trường TC cảnh sát, TC quân sự, các TTKTTHHN, HLHPN, nhà văn hóa của địa phương	Quản lý khách sạn, giám đốc tín dụng, giám đốc ngân hàng, sĩ quan công an, sĩ quan quân đội, chánh án, viện kiểm sát nhân dân, quản lý giáo dục các cấp, kế toán trưởng Các công việc này được đào tạo tại các trường ĐH, CĐ và các học viện, trên toàn quốc.
NHÓM NGHIỆP VỤ LÀ NHỮNG NGƯỜI THÍCH NGUYÊN TẮC, LÀM VIỆC VỚI CON SỐ, BÁO CÁO HOẶC LÀM VIỆC VỚI MÁY MÓC ĐƯỢC SẮP ĐẶT TRẬT TỰ	NGHỀ NGHIỆP BẠN THÍCH	
Những ai thích làm việc với dữ liệu, con số; có khả năng làm việc văn phòng, thống kê; thực hiện các công việc đòi hỏi chi tiết, tỉ mỉ, cẩn thận hoặc làm theo hướng dẫn của người khác.	Kế toán, thanh tra các ban ngành, thủ thư, thư ký, nhân viên lưu trữ, nhân viên văn phòng, chuyên viên thuế, thủ quỹ, kế toán viên, tiếp tân, bưu điện, nhân viên ngân hàng... Các ngành nghề trên được đào tạo tại các cơ sở dạy nghề, các trường TC nghề, các TTKTTHHN, HLHPN, nhà văn hóa của địa phương	Cử nhân các ngành ngân hàng, tài chính, hành chính tổng hợp, tổ chức cán bộ, giáo viên, kiểm toán viên, nghiên cứu viên, luật sư, công an hình sự... Các công việc này được đào tạo tại các trường ĐH, CĐ và các học viện, trên toàn quốc.

PHỤ LỤC 5

SÁU NHÓM TÍNH CÁCH THEO LÍ THUYẾT MẬT MÃ HOLLAND



1 NHÓM KỸ THUẬT KT

Kiểu thực tế cụ thể- thao tác kỹ thuật

1. ĐẶC ĐIỂM

Những người ở nhóm KT có sở thích và khả năng khám phá, sử dụng máy móc, làm những công việc sử dụng thao tác tay chân như các ngành nghề thuộc về cơ khí, ô tô, điện, tin học hoặc các ngành nghề đòi hỏi sự khéo léo của tay chân như thể thao, nấu nướng, chăm sóc cây xanh, thủ công mỹ nghệ...

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Thực tế- Cụ thể

- Thể lực tốt - suy nghĩ thực tế
- Tư duy, trí nhớ tốt
- Say mê, nghiêm túc thực hiện các qui trình kỹ thuật
- Sáng tạo, khéo tay, tỉ mỉ
- Năng lực chú ý vững vàng
- Thị lực tốt
- Trí tưởng tượng không gian tốt
- Phản ứng cảm giác/vận động nhanh, chính xác
- Chịu đựng trạng thái căng thẳng
- Kiên trì, nhạy cảm
- Khí chất thần kinh ổn định

2. MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TƯƠNG ỨNG

Các công việc liên quan đến điều khiển máy móc, đồ vật hoặc chăm sóc, bảo vệ vật nuôi, cây trồng; làm việc ngoài trời, đòi hỏi sự khéo léo chân tay khi sử dụng các công cụ, máy móc hoặc trong hoạt động thể thao.

Nghề phù hợp điển hình: trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, điện - điện tử, cơ khí, điều khiển, sử dụng, sửa chữa máy móc, các nghề thủ công mỹ nghệ, vận động viên, huấn luyện viên, cảnh sát, cứu hỏa...

Chống chỉ định của những công việc trên:

- Dị ứng dầu mỡ, hóa chất
- Lao, hen, hẹp van tim, viêm thận

- Loạn thị, loạn sắc, mù màu
- Run tay và mồ hôi quá nhiều
- Tâm lí không ổn định

3. CÁC NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

Vận hành máy, chế tạo máy, cơ khí ứng dụng, tự động, bảo trì và sửa chữa ô tô, thiết bị điện, lắp đặt điện, bảo hành, sửa chữa điện - điện tử, tin học, xây dựng, trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, thể thao, nấu ăn, làm vườn và chăm sóc cây xanh, thủ nghệ thuật, đan, móc, làm hoa, cắm hoa, điêu khắc, nhân viên kĩ thuật phòng thí nghiệm, tài xế, lái tàu, công nghệ thông tin, nấu ăn, cảnh quan và môi trường, trồng hoa, cây cảnh, may dân dụng, may công nghiệp, làm vườn, nuôi trồng thủy sản...

Các công việc hoạt động thuộc nhóm kĩ thuật có từ công nhân bậc 2/7, 3/7, công nhân kĩ thuật trình độ TC nghề, kĩ sư thực hành, chế tạo, sản xuất, kiểm tra, điều khiển hệ thống, gia công, chế biến cơ - hóa - điện - điện tử, ô tô, đầu bếp...

Hiện nay, tất cả các ngành nghề này đều có đào tạo tại TTKTTHHN, trung tâm dạy nghề của địa phương, các trường TC nghề, TCCN, các trường CĐ, ĐH vùng và Trung ương.

2 NHÓM NGHIÊN CỨU NC

Kiểu người kiên trì - khoa học - nghiên cứu

1. ĐẶC ĐIỂM

Những người ở nhóm nghiên cứu NC có *sở thích và khả năng* làm việc độc lập, nghiên cứu say mê về một lĩnh vực nào đó như công nghệ sinh học, CNTT, nghiên cứu về văn hóa xã hội...

Có khả năng làm việc với hệ thống khái niệm khoa học, tìm ra quy luật chung để trình bày dưới dạng hệ thống ký hiệu. Ở mức cao hơn, những người nhóm này có khả năng hoạt động giao tiếp trí tuệ, tư duy trừu tượng, lao động sáng tạo khoa học bậc cao để phát hiện quy luật và thiết kế chiến lược khoa học kĩ thuật và khoa học xã hội.

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Khoa học - kiên trì

- Phát triển mạnh tư duy logic
- Kiên trì làm việc có phương pháp, ham hiểu biết
- Có óc tò mò, quan sát tinh tế
- Nhạy cảm, phán đoán, ứng xử kịp thời, tự đặt ra yêu cầu cao và nghiêm khắc đối với chính mình
- Có tính quyết đoán, thất bại không nản
- Có tính tưởng tượng không gian và nhận biết tốt hình dạng vật thể
- Có năng lực vượt khó, thông minh, có kĩ năng sống thích ứng

2. MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TƯƠNG ỨNG

CNTT, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường, giáo dục, văn hóa....

Nghề phù hợp điển hình: nghiên cứu khoa học, nghiên cứu trong các lĩnh vực tự nhiên, xã hội, giáo dục, môi trường, bác sĩ, kĩ thuật viên y tế, kĩ thuật viên phòng thí nghiệm...

Chống chỉ định:

- Lao
- Thiếu máu
- Động kinh
- Tim mạch
- Tâm thần

3. CÁC NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

Kĩ sư công nghệ phần mềm, nhân viên các phòng thí nghiệm, các nhà nghiên cứu trong các lĩnh vực: văn hóa, giáo dục, động vật học, thực vật học, công nghệ sinh học, môi trường, tâm lí học, lập trình viên, toán học, vật lí, hóa học, sử học, địa lí, văn học, chuyên viên nghiên cứu thị trường, giảng viên đại học...

Hiện nay tất cả các ngành nghề này đều có đào tạo tại TTKTTHHN, trung tâm dạy nghề của địa phương, các trường TC nghề, TCCN, các trường CĐ, ĐH vùng và ĐH trên toàn quốc.

3 NHÓM NGHỆ THUẬT NT

Kiểu người sáng tạo tự do - văn học - nghệ thuật

1. ĐẶC ĐIỂM

Những người ở nhóm NT rất thích và có khả năng làm việc thiên về tính chất nghệ thuật như văn chương, vẽ, thiết kế mỹ thuật, đạo diễn, nghệ sĩ....

Đây là dạng nghề đang phát triển mạnh theo nhu cầu xã hội. Cùng trong nhóm này là các nhà văn, các biên kịch, nghệ sĩ, ca sĩ, nhạc sĩ, họa sĩ...

Khả năng của người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Sáng tạo - Tự do

- Sáng tạo, linh hoạt và thông minh
- Kiên trì, nhạy cảm
- Tinh thần phục vụ tự nguyện
- Có tính tưởng tượng không gian và nhận biết tốt hình dạng vật thể
- Có khả năng thích ứng

- Diễn tả ngôn từ lịch sự, rõ ràng
- Hiểu biết về lịch sử, văn hóa, chính trị

2. MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TƯƠNG ỨNG

Sáng tác trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc, hội họa, thủ công mỹ nghệ, biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, dẫn chương trình.

Nghề phù hợp điển hình: sáng tác văn học, thơ ca, nghệ sĩ nhiếp ảnh, nghệ sĩ biểu diễn (nhạc, kịch, hát múa...), họa sĩ, nhạc sĩ, điêu khắc, thiết kế thời trang, thiết kế quảng cáo, giảng viên văn học...

Chống chỉ định

- Bệnh lao, truyền nhiễm
- Dị tật, nói ngọng, điếc

3. CÁC NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

Viết văn, kiến trúc sư, họa sĩ, nhạc sĩ, ca sĩ, diễn viên (điện ảnh, kịch, chèo, cải lương, tuồng...) thợ thủ công mỹ nghệ (chạm khắc gỗ, thêu tranh, làm đồ gốm sứ, chạm bạc...), nhà báo, bình luận viên, dẫn chương trình, người mẫu, nghệ sĩ biểu diễn nhạc cụ, đạo diễn, chuyên viên trang điểm, thiết kế thời trang, thiết kế quảng cáo...

Hiện nay tất cả các ngành nghề này đều có đào tạo tại TTKTTHHN của địa phương, các trường TCCN, các trường CĐ, ĐH vùng và ĐH trên toàn quốc.

4

NHÓM XÃ HỘI

XH

Kiểu người linh hoạt, quảng giao - phục vụ xã hội

1. ĐẶC ĐIỂM

Những người ở nhóm XH có *sở thích và khả năng* làm việc, giao tiếp người với người, thích đi đây, đi đó. Cùng trong nhóm này là giáo viên, tư vấn viên, bác sĩ, luật sư...

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Quảng giao- Linh hoạt

- Có khả năng tổng kết, quy nạp, diễn dịch
- Biết lắng nghe, lắng nghe tích cực, có phản hồi
- Sáng tạo, linh hoạt, thông minh
- Tuyệt đối tôn trọng ý kiến của thân chủ
- Năng lực chú ý vững vàng
- Kiên trì, nhạy cảm
- Lịch thiệp
- Thần kinh vững mạnh, tự kiểm chế tốt

- Tôn trọng mọi người
- Sức khỏe tốt, bền bỉ
- Có tính sáng tạo
- Tinh thần phục vụ tự nguyện

2. MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TƯƠNG ỨNG

Làm các công việc trong môi trường mang tính xã hội cao, thường xuyên giao tiếp với người khác hoặc có nhiều cơ hội giúp đỡ, huấn luyện, chỉ dẫn người khác.

Nghề phù hợp điển hình: dạy học, y khoa, dược khoa, luật sư, tư vấn tâm lý, hướng dẫn viên du lịch...

Chống chỉ định

- Lao
- Thiếu máu
- Tâm thần không ổn định
- Bệnh truyền nhiễm

3. CÁC NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

Giáo viên các cấp, tư vấn viên, bác sĩ, dược sĩ, y tá, dược tá, nhân viên các công ty du lịch, hướng dẫn viên du lịch, luật sư, huấn luyện viên, TVV, dịch vụ khách hàng, cán bộ xã hội, cán bộ Hội phụ nữ, nhân viên khách sạn/khu nghỉ dưỡng (resort)

Hiện nay tất cả các ngành nghề này đều có đào tạo tại TTKTTHHN, trung tâm dạy nghề của địa phương, các trường TCCN, CĐ và các trường ĐH vùng và Trung ương.

5 NHÓM QUẢN LÝ QL

Kiểu người chủ động uy quyền - dựng nghiệp quản lý

1. ĐẶC ĐIỂM

Những người ở nhóm QL có *sở thích và khả năng* làm việc thiên về ra lệnh cho người khác và lãnh đạo một nhóm người hay cả một tập thể lớn. Nghề thuộc nhóm này mang tính chất quản lý như công an, sỹ quan, quản trị kinh doanh, kỹ thuật công nghệ, quản lý chuyên nghiệp, điều hành hoạt động hệ thống có tầm cỡ ảnh hưởng rộng lớn tới nhiều người, nhiều vấn đề ở cấp vĩ mô.

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Chủ nghĩa - Uy quyền

- Nhà quản trị theo quan niệm mới, tránh đặc quyền, độc quyền
- Trí tuệ là một quyền lực

- Tính cách cương nghị, biểu hiện từ vóc dáng đến tư thế đi đứng, ăn nói
- Là người có kỹ năng sống: hài hòa, thích ứng, sáng suốt, tinh táo hơn người, có hệ thần kinh vững mạnh, bình tĩnh xét đoán tình hình, đối tượng, có trí nhớ tốt, tập trung sâu, bền vững.

Đòi hỏi phải có các kỹ năng:

- Kiến tạo tổ chức
- Xây dựng giá trị mới cho tổ chức
- Tạo ra động lực hoạt động
- Không ngừng tự giáo dục và giáo dục cấp dưới, xây dựng tổ chức học tập

2. MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TƯƠNG ỨNG

Môi trường làm việc mang tính chất quản lý, lãnh đạo, ra lệnh cho người khác và thực hiện các chức năng:

- Điều hành chung
- Chủ trì sản xuất
- Điều phối thông tin, chiến lược giao tiếp
- Giám sát từng giai đoạn
- Tạo điều kiện hòa hợp và hội nhập

Nghề phù hợp điển hình: nhà lãnh đạo, chủ doanh nghiệp, giám đốc điều hành, hiệu trưởng, luật sư...

3. CÁC NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

Công an, sĩ quan quân đội, quản trị kinh doanh, kỹ thuật công nghệ, chủ doanh nghiệp, chuyên viên quan hệ công chúng (PR), quản lý khách sạn, bếp trưởng khách sạn cao cấp, quản lý giáo dục. Các ngành nghề này có đào tạo tại TTKTTHHN, trung tâm dạy nghề của địa phương, các trường TCCN, các trường CĐ, ĐH vùng và ĐH trên toàn quốc.

6 NHÓM NGHIỆP VỤ NV

Kiểu người thận trọng nề nếp - nghiệp vụ quy củ

1. ĐẶC ĐIỂM

Những người ở nhóm NV có sở thích và có khả năng làm việc ở văn phòng, làm các công việc sổ sách như văn thư, hành chính, tài vụ, bưu điện, tiếp tân,

Nhóm nghề này đòi hỏi phải có hoạt động giao tiếp với nhiều người, nhiều công việc, có nghiệp vụ, được huấn luyện từ TC đến ĐH, làm việc trong doanh nghiệp, trong hoạt động phục vụ công cộng, ...

Khả năng của những người thuộc nhóm này cần phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

Nền nếp - Thận trọng

- Lĩnh hội diễn tả ngôn từ lịch sự, hấp dẫn, rõ ràng
- Thận trọng nhưng nhanh nhẹn
- Ứng xử kịp thời, siêng năng
- Hiểu biết về lịch sử, chính trị, văn hoá, nghệ thuật,...
- Hiểu rõ người đối thoại
- Làm việc ngăn nắp, điều độ, không nhầm lẫn
- Có trí nhớ tốt
- Tự tin, biết điều tiết, kiềm chế
- Có khả năng hoạt động độc lập
- Giỏi ngoại ngữ và ứng xử
- Xử lý thông tin tốt

2. MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TƯƠNG ỨNG

Môi trường làm việc mang tính chất giao tiếp với nhiều người, nhiều công việc, đòi hỏi có tính nghiệp vụ như lưu trữ văn thư, kế toán, tài chính, tin dụng, ...

Nghề phù hợp điển hình: nhân viên ngân hàng, kế toán, thư kí văn phòng, biên tập viên, thủ thư...

Chống chỉ định

- Bệnh lao, bệnh truyền nhiễm
- Dị tật, nói ngọng, điếc

3. CÁC NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

Thư ký, nhân viên lưu trữ, thư viện, nhân viên văn phòng, chuyên viên thuế, thủ quỹ, kế toán viên, lễ tân, bưu điện, nhân viên ngân hàng...

Hiện nay tất cả các ngành nghề này đều có đào tạo tại TTKTTHHN, trung tâm dạy nghề của địa phương, các trường TCCN và các trường CĐ, ĐH vùng, Trung ương.

PHỤ LỤC 6

MẪU MỘT SỐ CÂU HỎI SỬ DỤNG TRONG TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP



I. Câu hỏi để thu thập thông tin về Sở thích của NĐTV

1. Trong các môn học hiện tại, em thích môn nào nhất? Vì sao?
2. Trong các bài tập đã được cho làm từ trước đến nay mà em có thể nhớ, bài nào em thấy gây cho mình hứng thú để làm nhất? Vì sao?
3. Nếu được chọn học chỉ 3 môn mà thôi, em sẽ chọn những môn nào? Vì sao?
4. Trong thời gian rảnh rỗi em thích làm gì nhất?
5. Những khi căng thẳng vì học hành, em hay làm gì?
6. Những khi mệt mỏi vì áp lực gia đình, cuộc sống, hay do mâu thuẫn trong quan hệ bạn bè, em làm gì?
7. Khi em còn nhỏ, em thích làm gì?
8. Những sở thích nào em không còn nữa sau khi lớn lên? Lúc nào thì mất đi? Vì sao thì mất đi?
9. Vào dịp sinh nhật bạn bè và người thân, em thường tặng họ quà gì? Em có hay tự làm quà để tặng họ không?
10. Em thích những hoạt động nghệ thuật nào? (Ví dụ, hát, khiêu vũ, nhảy hip hop, vẽ, làm tượng, v.v...)
11. Em thích những hoạt động thể thao nào? (Ví dụ chơi bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, v.v...)
12. Em có nhớ những khoảnh khắc nào, lúc làm việc gì thì em hạnh phúc nhất không? Em có thể kể lại được không?

II. Câu hỏi để thu thập thông tin về Khả năng của NĐTV

1. Em nghĩ mình có khả năng ở những lĩnh vực nào?
2. Em thấy tự tin nhất khi tham gia những hoạt động gì?
3. Bạn bè và người thân thường hay khen em về điều gì?
4. Trong lớp em khá và giỏi môn gì?
5. Ngoài lớp em khá và giỏi ở hoạt động nào?
6. Trong tất cả các bài tập đã làm, em thấy mình làm loại bài tập nào dễ dàng nhất?
7. Em nghĩ mình giỏi lắng nghe hơn hay giỏi thuyết trình hơn?
8. Các bạn thường tìm đến em khi họ buồn hay khi họ muốn đi chơi?
9. Em thường hay được rủ đi đến những cuộc vui, tiệc tùng không?
10. Em có thường hay được bạn bè tâm sự chuyện riêng và xin lời khuyên không?
11. Em có tham gia hoạt động ngoại khóa không? Nếu có thì là hoạt động gì?
12. Ngoài việc học hành, em thường hay làm gì khi rảnh rỗi?
13. Em có ước mơ gì đặc biệt không?

III. Câu hỏi để thu thập thông tin về Cá tính của NĐTV

1. Em thích đám đông hay thích ở một mình nhiều hơn?
2. Em có ngại khi đi chơi và gặp gỡ thật nhiều người lạ không? Em có cảm thấy thích thú khi được quen bạn mới không?
3. Em thích dự tiệc đông người hay chỉ với một nhóm bạn nhỏ em đã thân quen và biết rõ?
4. Em thường nhìn sự việc từ cái nhìn tổng quan hay em để ý chi tiết hơn?
5. Bạn bè có khen em có khả năng để ý những chuyện nhỏ hay không?
6. Khi làm bài em có thường kiểm tra lại thật kỹ và ít khi bị những sai sót nhỏ không?
7. Em nghĩ mình là người phóng khoáng hay cẩn thận?
8. Em thích lý luận để hiểu vấn đề hay em thích dùng cảm xúc hơn?
9. Bạn bè có nói em là người lạnh lùng không?
10. Khi em ra quyết định, em thường dùng cảm xúc hay lí trí?
11. Em có nghĩ mình là người ngăn nắp và đúng giờ không?
12. Ba mẹ có bao giờ than phiền về sự bừa bộn và hay quên của em?
13. Em giữ vai trò lãnh đạo nào trong lớp (nếu có)?

IV. Câu hỏi để thu thập thông tin về Giá trị của NĐTV

1. Đối với em, điều gì quan trọng nhất trong cuộc sống?
2. Ước mơ của em là gì? Em muốn làm gì sau khi có việc làm ổn định trong tương lai?
3. Em có biết vì sao mình sinh ra trong cuộc đời này không?
4. Đức tính nào em cho là quan trọng nhất đối với em?
5. Em mong muốn người bạn thân mình có đức tính gì?
6. Em mong muốn người yêu của mình có đức tính gì?
7. Theo em, thế nào là một cuộc sống hạnh phúc?
8. Theo em, một công việc lý tưởng là như thế nào?
9. Trong cuộc đời em, em tôn trọng ai nhất ? vì sao?
10. Trong những người em đã gặp qua từ trước đến nay, em yêu mến ai nhất ? vì sao?

V. Câu hỏi NĐTV dùng để phỏng vấn khi thu thập thông tin và tìm hiểu về Nghề nghiệp

1. Công việc của anh/chị là gì ạ?
2. Thường ngày anh/chị làm những việc gì?
3. Anh/chị thích nhất phần việc nào trong ngày?
4. Anh/chị ghét nhất phần việc nào trong ngày?
5. Nếu em muốn làm công việc giống như anh/chị, em cần phải học ra ngành gì?
6. Nếu em muốn làm công việc giống như anh/chị, em cần phải có những khả năng gì?
7. Nếu em muốn tự nuôi sống mình, thì công việc giống công việc của anh/ chị có đủ cho em không?
8. Anh/chị có lời khuyên nào cho em nếu em muốn theo nghề này?

PHỤ LỤC 7
MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP
TƯ VẤN ĐIỂN HÌNH



TRƯỜNG HỢP THỨ NHẤT

1. Bối cảnh

Vào tháng 4 năm 2011 có một thanh niên hẹn đến trung tâm xin tư vấn trực tiếp về hướng nghiệp.

Vào 8 giờ sáng, người thanh niên đó đến đúng hẹn.

Nhìn bên ngoài, tư vấn viên (TVV) có một thoáng ngỡ ngàng vì chàng thanh niên này ăn mặc rất lịch sự, tuổi đời khoảng chừng 24, cao khoảng trên 1m80, người cân đối và rất sang trọng, TVV đoán ắt hẳn là một người thành đạt trong công việc.

Người thanh niên đó giới thiệu tên là Hùng.

2. Câu hỏi và cách giải quyết vấn đề

TVV: Anh đến để tư vấn hướng nghiệp cho người nhà hay sao?

Hùng: Dạ, em đến để xin TVHN cho chính bản thân em ạ. Qua bạn bè giới thiệu về Trung tâm tư vấn, em gọi và hẹn tư vấn vào sáng nay ạ!

TVV: Vậy à. Bây giờ em hãy nói về hoàn cảnh của em hiện nay ra sao ?

Hùng: Dạ, em hiện sống ở quận Gò Vấp - TPHCM và đang sống cùng cha mẹ. Hồi học phổ thông em là HS của trường Phổ thông năng khiếu, đại học Quốc gia TPHCM. Sau khi tốt nghiệp THPT, em được cha mẹ hướng dẫn thi vào ngành Hàng không của đại học Bách Khoa TPHCM. Em học giỏi nên sau khi hoàn thành chương trình đại học với bằng cấp là kỹ sư cơ khí trong ngành Hàng không, em được học bổng toàn phần của Mỹ cho chương trình cao học, cũng về ngành Hàng không. Em đã ra trường một năm và hiện nay đang công tác tại sân bay Tân Sơn Nhất ở bộ phận sửa chữa và bảo trì máy bay.

TVV: Ra trường, về nước mà em có công việc làm liên như vậy là quá tốt rồi, nhiều người mơ ước được vào làm ở sân bay như em mà không được. Hôm nay em đến đây để được TVHN, chắc chắn là có một lý do nào đó về công việc phải không?

Hùng: Dạ đúng như vậy. Em thấy bất an khi làm ở nơi đây quá, em muốn bỏ việc!

TVV: Sao vậy em? Thế em bị áp lực công việc hay áp lực về các mối quan hệ đồng nghiệp? Lương em chắc là rất cao, một công việc ở sân bay như vậy không thể gọi là công việc không tốt.

Hùng: Dạ, áp lực thì hoàn toàn không có. Làm ở đây em rất rảnh rỗi vì việc bảo trì máy bay có chu kỳ nên tương đối nhàn. Tự em cũng cảm thấy lãng phí cho việc học hành của em trước đây. Lương thì anh đừng cười nhé, người ta tưởng vào làm sân bay là lương cao ngất trời chứ không phải vậy đâu. Em học thạc sĩ bên Mỹ về mà lương em chỉ có 8 triệu/tháng,

cộng các khoản khác vào nữa chưa tới 8 triệu/tháng. Tiền lương không đủ cho em tiêu xài, nhưng cũng không phải là vấn đề lớn vì ba mẹ đang nuôi em. Nhưng vấn đề chính là em thấy chán công việc này quá và em muốn đi học nữa hoặc chuyển công tác. Vì vậy, em muốn làm trắc nghiệm và được TVHN để em không bị chọn sai nghề nữa, và cũng là để tránh lãng phí thời gian cho việc đầu tư học tập tiếp theo.

TVV: *Em dự định học gì?*

Hùng: Dạ, em muốn học tiếp lên tiến sĩ ạ. Em sẽ xin học bổng bên Mỹ để tiếp tục đi học nữa, nhưng em băn khoăn là có nên học tiếp ngành Kỹ thuật máy bay này nữa hay không?

TVV: *Vậy em hãy làm các trắc nghiệm trước, rồi chúng ta xem xét sau nhé.*

TVV đã đưa các bộ trắc nghiệm hướng nghiệp về kỹ năng và sở thích cho Hùng làm trong 30 phút.

Kết quả là em Hùng có năng khiếu thuộc vào nhóm **KT** và sở thích thuộc vào nhóm **QL**.

TVV đã có những góp ý như sau:

Thật sự, em học ngành Kỹ thuật Hàng không này là phù hợp với năng khiếu của em. Chính vì vậy, em đã học đại học rất giỏi và học cao học cũng xuất sắc. Nhưng do sở thích, khả năng của em là thiên về quản lý, lãnh đạo. Em muốn làm một công việc có một tầm nhìn lớn hơn, bao quát hơn chứ không phải là một công việc đơn thuần, mỗi ngày đều lặp lại công việc đó. Nếu như đơn vị của em bố trí cho em làm quản đốc phân xưởng hay quản lý bộ phận bảo trì máy bay thì em sẽ phát huy hơn nữa năng lực chuyên môn mà em đã được học tại trường. Thứ nhất, em nên chứng tỏ tài năng của mình trong đơn vị bằng cách phát huy các sáng kiến. Qua đó, em xác định được vị trí công tác của mình cho lãnh đạo biết vì em mới về làm có một năm nên cần phải qua thử thách. Thứ hai, nếu có điều kiện dễ dàng xin học bổng và em đang còn trẻ, em nên học tiếp lên tiến sĩ thuộc chuyên ngành này hoặc một khóa học về quản lý như quản trị kinh doanh, quản trị nhân lực... Lúc đó, với học vị tiến sĩ, vị trí của em sẽ khác và tầm nhìn của em cũng sẽ cao hơn nhiều.

Hùng: Dạ đúng như ý em nghĩ. Em sẽ đi học tiếp để khẳng định kiến thức chuyên môn của mình và hy vọng là em sẽ có vị trí công tác phù hợp hơn. Gia đình em cũng muốn em đi học tiếp nhưng em cứ sợ khi trở về lại vào xưởng để tháo ráp từng con ốc, con vít thì ngán ngẩm quá! Em cảm ơn anh rất nhiều.

Kết thúc câu chuyện, TVV động viên em Hùng học tập tốt và hẹn có gì sẽ liên lạc thông tin thêm.

Nếu lãnh đạo nơi em Hùng công tác mà biết được tâm tư nguyện vọng của nhân viên mình như vậy thì có lẽ sẽ hỗ trợ Hùng phát huy hết năng lực. Tiếc thay, nhiều người lãnh đạo ít nghe tiếng nói của cấp dưới mình!

TRƯỜNG HỢP THỨ HAI

1. Bối cảnh

Vào tháng 7 năm 2012, có một HS hẹn đến trung tâm xin được TVHN trực tiếp.

HS này vừa có kết quả thi đại học và xin tư vấn để chọn trường đăng ký nguyện vọng 2 vì kết quả của nguyện vọng 1 không đạt.

2. Câu hỏi và cách giải quyết vấn đề

TVV: Em tên gì, sao em biết trung tâm tư vấn mà đến?

Phát: Dạ em tên là Phát. Em là HS mới thi ĐH vừa rồi, em sinh năm 1990. Em đã tra trên mạng và có thấy tên của Trung tâm tư vấn. Hôm nay, em lên TPHCM nên hẹn vào xin được tư vấn luôn vì nhà em ở tận Đồng Nai.

TVV: Em thi ĐH vừa rồi kết quả ra sao và em cần tư vấn về vấn đề gì?

Phát: Dạ em rất thích ngành KT vì em nghĩ là sẽ xin việc dễ dàng khi ra trường và gia đình em cũng chuyên về KT. Em chỉ chú tâm học các môn của khối A: Toán, Lí, Hóa và em đã đăng ký thi vào trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TPHCM, ngành Kỹ thuật Chế tạo máy. Em đã so sánh và thấy điểm các năm của ngành này tại trường ĐH Sư phạm kỹ thuật TPHCM chỉ vào khoảng 14 hay 15 điểm là đậu thôi, nên em thấy vừa sức mình. Đợt thi thứ hai em không biết chọn trường nào nữa. Em rất sợ môn Sinh nên em chỉ có thể thi khối C hoặc D mà thôi. Khối C thì em ít quan tâm học môn Sử, Địa. Vì thế, em chọn thi khối D mặc dù điểm Anh văn của em chỉ đạt trung bình, môn Văn thì cũng vậy nhưng vì có môn Toán nên em nghĩ sẽ vớt vát được chút đỉnh. Em chọn trường đại học Quốc tế của ĐHQG, ngành Quản trị Kinh doanh. Đợt thi thứ ba, em chọn trường CĐ Lí Tự Trọng TPHCM cũng ngành Kỹ thuật Chế tạo máy.

Kết quả thi ĐH làm em buồn quá. Khối A em chỉ được 11,5 điểm, khối D em được 14,5 điểm (em làm Văn có một tờ thôi mà không biết sao lại được 5 điểm, Toán thì do thi đợt 2 bình tĩnh hơn nên em đạt 6 điểm, Anh văn em chỉ được 3,5 điểm). Đợt 3 em được 17 điểm. Với điểm thi khối A như vậy, em chỉ đỗ vào CĐ. Khối D thì em được trường ĐH Quốc tế của ĐHQG gia thông báo cho đăng ký NV1b để học các ngành liên kết với ĐH Mỹ, Anh hoặc New Zealand. Đợt 3 chắc chắn em đậu CĐ Lí Tự Trọng TPHCM.

Hiện giờ em phân vân quá. Nếu theo học trường ĐH Quốc tế của ĐHQG thì em sẽ đóng học phí 2 năm đầu là 200 triệu, 2 năm liên kết ít nhất là 600 triệu, cộng với lệ phí học hơn 200 triệu nữa, tổng cộng là hơn 1 tỷ đồng. Gia đình mà lo sẽ đuối sức. Em lại yếu Anh văn. Vì vậy, nếu theo học em sẽ mất thêm một năm để học Anh văn nữa. Em nghĩ, đã đậu đại học thì phải học đại học chứ ai đi học CĐ, uống lăm! Xin cho em lời khuyên.

TVV: Em cần phải xác định lại sở thích và khả năng của mình khi chọn nghề nghiệp vì em sẽ phải gắn bó suốt đời với nghề mình chọn. Theo như em nói, là em thích ngành kỹ thuật và gia đình cũng có truyền thống về nghề này nên em đã chọn ngành Kỹ thuật Chế tạo máy. Khối D thì em chỉ thi cho có vì em không có năng khiếu Anh văn. Kết quả thi ĐH đã không như mong muốn. Vì vậy, em nên cân nhắc để so sánh và chọn lựa:

Thứ nhất, nếu do kết quả thi khối D của em như vậy mà gia đình chuyển hướng để em theo học quản trị kinh doanh thì em phải nghĩ xem: liệu gia đình có đủ tiền cho em đóng học phí trong 4 năm đó không? Liệu vốn tiếng Anh của em như vậy thì em có học nổi không vì giáo viên giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh. Nếu phải học một năm tiếng Anh nữa thì em phải mất thêm học phí khá nhiều. Nếu không học chương trình liên kết thì em có thể sử dụng phiếu điểm để xét tuyển các trường có chỉ tiêu

NV2 mà điểm của em thỏa mãn. Lúc đó em có thể chọn các ngành như Tiếng Anh, Đông phương học, Du lịch..... các ngành thuộc khối D rất cần giỏi Anh văn.

Thứ hai, em hãy xóa bỏ mặc cảm học CĐ. Học hệ CĐ tại CĐ Lý Tự Trọng TPHCM hay CĐ của ĐH Sư phạm kỹ thuật TPHCM đều rất tốt vì em sẽ được học ngành nghề đúng sở thích và năng khiếu của mình. Sau 2,5 năm, tốt nghiệp CĐ, em có thể đi làm hoặc học tiếp lên ĐH theo hệ liên thông. Như vậy, cuối cùng em vẫn có được bằng cấp Kỹ sư cơ khí như em mong muốn. Đi bằng con đường này thì em sẽ không tốn tiền như đi con đường học liên kết. Vì vậy, em hãy làm công tác tư tưởng trong gia đình đi nhé. Đi theo con đường tắt hay đường vòng đều được, miễn là em đạt mục đích như mong muốn là tốt rồi.

Phát: Dạ, em cảm ơn rất nhiều. Chắc là em sẽ học CĐ và học liên thông lên đại học thôi vì đây là giải pháp tốt nhất, thích hợp nhất với trình độ, khả năng, sở thích cũng như hoàn cảnh của gia đình em.

Kết thúc câu chuyện, TVV động viên em Phát học tập tốt và hẹn có gì sẽ liên lạc, thông tin thêm.

Lời kết: Khi làm TVHN, chúng ta dễ gặp rào cản của định kiến xã hội về bằng cấp. Nhiều người làm cha mẹ bất chấp mọi thứ để cho con học ĐH là được. Trường hợp em Phát đậu ĐH mà phải học CĐ là một quyết định không phải dễ dàng trong xã hội ngày nay.

TRƯỜNG HỢP THỨ BA

1. Bối cảnh

Vào tháng 10 năm 2009 có một thanh niên gọi điện thoại đến tổng đài 1088 gặp trung tâm xin TVHN.

2. Câu hỏi và cách giải quyết vấn đề

Thông qua điện thoại, người thanh niên đó giới thiệu tên là Sơn. Năm ấy, Sơn vừa tròn 20 tuổi.

Sơn tâm sự: “Em là con đầu trong gia đình. Sau em còn một em trai năm nay 16 tuổi. Cha mẹ em đều là công chức nhà nước. Cha là kỹ sư công trình đô thị, mẹ làm ở tòa án. Gia đình em sinh sống tại thành phố Nha Trang.

Ngay từ nhỏ, em đã đam mê xe ô tô một cách kỳ lạ. Em sưu tập rất nhiều hình ảnh về ô tô. Việc thường xuyên truy cập trên mạng về các dòng xe là nỗi niềm đam mê lớn nhất của em. Ngay lúc đó, gia đình rất ngạc nhiên là em hiểu biết rất nhiều về các chủng loại xe ô tô và biết cả tính năng của chúng, Em còn có thể so sánh chiếc này với chiếc kia, thậm chí là có thể nói được giá cả thị trường của chúng nữa.

Ngày tháng trôi qua. Năm học lớp 12, em bắt đầu suy nghĩ về việc nộp đơn thi tuyển ĐH, CĐ. Em và cả cha mẹ đều thống nhất là thi vào ngành ô tô. Thế là em mạnh dạn đăng ký vào ngành Kỹ thuật Ô tô của ĐH Sư Phạm Kỹ thuật TPHCM. Quả thật là sức học của em rất tốt. Vì vậy, em thi đỗ ngay. Cả nhà ăn mừng và em cũng mừng lắm vì từ nay mình sẽ thỏa mãn được niềm đam mê ô tô mà mình đã mơ ước từ lâu.

Vào năm học đầu tiên ở ĐH, em học hăng hái lắm. Nhưng, sau đó em dần dần nhận ra mọi cái đều không như em nghĩ lúc đầu. Việc thực tập tại xưởng động cơ là một nỗi ám ảnh rất lớn đối với em. Tay chân em đầy dầu nhớt, bàn tay em về nhà phải rửa xà phòng rất nhiều lần mà vẫn còn hôi lắm. Quần áo lắm lem trông phát khiếp. Rồi nào là học hộp số, học khung gầm, học về điện xe ô tô và vô vàn công thức tính toán về động cơ. Em bắt đầu thấy nản quá nhưng không dám nói gia đình và cứ cố chịu đựng. Đến bây giờ thì em hết chịu nổi rồi nên thấy có báo giới thiệu về các trung tâm tư vấn, em gọi đến tổng đài 1088 xin được tư vấn. Anh có thể giúp em gỡ rối vấn đề này không?

TVV: Nghe em tâm sự như vậy, anh thấy rõ ràng là em đã chọn sai nghề rồi nên em mới không thấy yêu thích nghề mà em đã chọn. Trước tiên, em cho anh biết, em có năng khiếu về mặt nào để sau đó, chúng ta sẽ tìm ra nguyên nhân nhé!

Son: Dạ, em rất thích vẽ. Lúc nào rảnh là em lấy bút chì, cọ và màu để vẽ. Em vẽ cả phong cảnh và thú vật, nhưng em thích nhất là vẽ xe ô tô.

TVV: Em có năng khiếu về kỹ thuật không? Ví dụ như, em có khả năng tháo ráp sửa chữa máy móc và vật dụng trong gia đình không?

Son: Dạ, cũng có nhưng mà chút chút thôi vì da tay em non và mỏng lắm. Em rất ít khi làm những việc gì có liên quan đến điện hay máy móc. Mẹ em sợ điện giật nên em ít có cơ hội để thử sức của mình.

TVV: Em có năng khiếu về văn chương hay âm nhạc gì không? Khi sử dụng màu, em có suy nghĩ để áp dụng cho cách ăn mặc cũng như trang trí trong phòng ngủ hay nhà cửa mình không?

Son: Dạ, em thích nghe nhạc và ca hát lắm. Khi vẽ, em chọn màu kỹ lắm. Anh nhắc em mới nói là trong nhà em, việc bố trí vật dụng và màu sắc cũng như cách ăn mặc của em cũng mất lắm.

TVV và khách có trao đổi thêm rất nhiều thứ về quan niệm cuộc sống và các giá trị nghề nghiệp trong xã hội. Sau đó, TVV hỏi tiếp:

TVV: Em cao bao nhiêu và nặng bao nhiêu?

Son: Dạ em cao 1m65 nhưng nặng có 46 kg nên trông em rất ốm.

TVV: Qua trao đổi với em trong một thời gian ngắn, anh nhận thấy rằng em thích ô tô là em thích cái kiểu dáng bên ngoài của nó, em thích cách vận dụng và các chức năng của nó chứ không phải em thích sửa chữa ô tô. Vì vậy, khi em chọn học ngành Kỹ thuật Ô tô - ngành chuyên về lắp ráp và sửa chữa ô tô - là em đã chọn nhầm ngành học rồi. Theo anh, ngành mà em thích hợp để chọn đó là ngành Mĩ thuật Công nghiệp. Học ngành này, em sẽ tự do sáng tác các mẫu mã công nghiệp ứng dụng trong cuộc sống.

Son: Anh nói rất đúng. Anh nói giống như anh biết hết con người em rồi đó, nhưng em biết học ngành này ở đâu?

TVV: Ngành này em sẽ dự thi vào khối H, nghĩa là thi Văn và 2 bài vẽ về trang trí và vẽ chân dung. Em dự thi vào đại học Mĩ thuật hoặc ĐH Kiến trúc đều có.

Son: Em cảm ơn anh rất nhiều. Em sẽ suy nghĩ lại và sẽ nói hết nguyện vọng của em để thuyết phục ba mẹ cho em thi lại năm sau.

Sau một thời gian, Sơn có liên hệ lại và thông báo là em đã thi đậu ĐH Mĩ thuật TPHCM. Trong thời gian học, em đã xin đi làm thêm tại công ty Hoạt hình Macna của Nhật để có thêm tiền cho việc mua màu vẽ, bút, mực... Em nói vào làm phim hoạt hình mà vẽ xe ô tô, em được Giám đốc khen nhiều lắm. Lời kết: Khi ta đam mê cái gì thì ta phải phân tích rất kĩ là niềm đam mê đó thuộc về lĩnh vực nào để chọn nghề cho phù hợp, cũng như ta thích ca sĩ này ca sĩ nọ thì không phải nhất thiết ta phải trở thành ca sĩ mới đúng.

TRƯỜNG HỢP THỨ TƯ

1. Bối cảnh

Mùa hè năm 1998, có một sinh viên hẹn đến Trung tâm xin tư vấn trực tiếp về hướng nghiệp.

2. Câu hỏi và cách giải quyết vấn đề

Thoạt đầu, khi nhìn chàng sinh viên (SV) này, TVHN nhận thấy đây là một người có cá tính mạnh, dám quyết, dám làm và thuộc loại người năng nổ, tháo vát.

TVV: Chào em, hôm nay em đến để được TVHN. Vậy, đầu tiên em vui lòng cho biết tên tuổi và công việc cũng như hoàn cảnh công việc học tập của em hiện nay ra sao nhé!

SV: Dạ em là Tùng, sinh năm 1978, sinh viên năm thứ hai của khoa Kỹ thuật Hàng không của ĐH Bách Khoa TPHCM. Em sẽ kể cho anh nghe quá trình học hành của em:

Ba và mẹ em đều là dược sĩ và đang công tác tại công ty dược của tỉnh Bình Thuận. Em học giỏi các môn học khối A và cả khối B nữa. Môn tiếng Anh của em cũng đạt điểm số cao. Chỉ có môn Văn là em chỉ đạt loại khá mà thôi.

Cha mẹ em đều định hướng cho em thi vào ngành Dược của trường Đại học Y dược TPHCM. Bản thân em đã thấy công việc ba mẹ làm: suốt ngày ngồi trong phòng thí nghiệm. Về nhà thì sổ sách đủ thứ. Em ớn lấm nhưng không dám cãi lại cha mẹ. Em có đi xem bói và người ta nói em tuổi ngựa thì nên chọn công việc bay nhảy sẽ rất hợp và giàu có, còn ngồi một chỗ thì vất vả lắm mới đủ ăn. Nghe nói vậy nên em rất sợ chọn ngành dược. Nhưng vì thương cha mẹ và cha mẹ cũng bảo là nếu không học ngành dược thì sau này cha mẹ xin việc sẽ rất khó. Làm ngành dược sẽ có nhiều tiền, thậm chí cho người ta mượn cái bằng mở tiệm thuốc tây thì hàng tháng người ta cũng trả cho mình cả chục triệu đồng rồi, sống khỏe re hà. Em thì thấy rằng ngành Hàng không của ĐH Bách Khoa sẽ tạo điều kiện cho em bay nhảy khắp nơi. Cái gì mà đặng đến máy bay là hiện đại và chuyện đi nước ngoài là ok hết.

Năm đó, ngoài việc đăng kí thi khối B của ĐH Y Dược TPHCM, em xin ba mẹ cho em đăng kí thi cả khối A luôn. Ba mẹ đồng ý. Thế là em đi ôn thi và học cho cha mẹ vừa lòng. Ngày thi khối A, em làm bài thật tốt. Đến khi thi khối B, em cố tình làm bài sai và tính là trung bình phải trên 25 điểm mới thi đậu. Vì vậy, em cứ canh chừng mỗi môn khoảng 7 điểm để tổng 3 môn khoảng 21 là sẽ bị rớt để khỏi phải học dược. Kết quả như em mong muốn, em đậu á khoa ngành Kỹ thuật Hàng không của ĐH Bách Khoa

TPHCM và em rớt khối B vì chỉ có 20,5 điểm. Ba mẹ em rất buồn nhưng thấy em đã cố gắng hết sức rồi. Năm đó mà không đi học là đi nghĩa vụ quân sự. Và lại, năm đầu ở Bách khoa thì được trường cho học bổng nên em đã thuyết phục được gia đình để học ngành KT Hàng không.

Em đã học năm hai rồi nhưng em rất thất vọng vì học ngành này là chuyên sửa chữa máy bay không hà. Em cứ tưởng vào học sẽ đi thực tập ở các nước rồi sẽ lái cả máy bay nữa. Vì vậy, càng học em càng buồn, em muốn bay nhảy chứ thấy học như vậy là tương lai mù mịt rồi!

TVV: Sao khi em chọn lựa ngành học để được đi đây đi đó, em không chọn ngành du lịch có phải hơn không? Em thi vào khối D. Em giỏi Toán và Anh văn thì chỉ cần rèn luyện thêm môn Văn một ít nữa là em sẽ thi đỗ thôi!.

SV: Dạ, lúc đầu em có thoáng nghĩ vậy, nhưng em thiếu thông tin về trường lớp lắm. Thầy cô em cứ bảo em phải thi vào Bách Khoa hoặc Y Dược vì khả năng em sẽ thi đỗ cao. Ngoài ra, em chỉ thấy quảng cáo về trường trung học Nghiệp vụ Du lịch mà thôi chứ không thấy có trường ĐH nào cả. Chính vì vậy, em đã chỉ chọn ngành Hàng không trong Bách Khoa thôi.

TVV: Do em chưa nắm chắc về các ngành đào tạo của các trường đó thôi. Em vẫn có thể thi vào các khối ngành kinh tế như kinh tế du lịch, quản trị du lịch, thậm chí như tại ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM, em cũng có thể thi vào ngành Địa lí vì trong trường đó có ngành Địa lí du lịch. Em cũng có thể thi vào trường ĐH Sư phạm TPHCM ngành Sư học vì Sư học là ngành mà hướng dẫn viên du lịch rất cần để hướng dẫn khách du lịch. Em có thể học Khoa du lịch ở trường Đại học Văn Hiến hoặc thi vào trường ĐH Văn hóa TP HCM vì ở trường này có ngành du lịch.

SV: Phải chi em biết có các Trung tâm tư vấn như vậy để em hỏi ý kiến thì em đã không uổng mất 2 năm trời rồi. Thật là tiếc. Giờ em bỏ học ở Bách khoa em cũng tiếc vì đã đi được nửa đoạn đường rồi. Được bạn bè động viên nên cũng cảm thấy đỡ bức xúc hơn lúc trước nhiều. Nhưng chắc em sẽ làm lại từ đầu thôi. Em có cái khổ là em phải học lén, chứ ba mẹ em biết là em chết chắc. Em sẽ luyện thi cho sang năm rồi âm thầm học lại. Chừng nào tốt nghiệp rồi tính.

TVV: Em có thể học như vậy cũng được. Em sẽ xin dự thi vào các lớp ban đêm của các trường trên. Ban ngày em cũng học ở ĐH Bách Khoa, tối em học thêm ngành du lịch nếu em thấy có sức lực. Như vậy em được cả hai và không sợ ba mẹ la rầy.

SV: Ý kiến của anh quá hay, em cảm ơn rất nhiều và em sẽ cố gắng thực hiện như vậy để không phải bỏ phí cái nào hết.

Lời kết: Nguồn thông tin về hướng nghiệp cho HS rất cần thiết. TVV hướng nghiệp mà chỉ tư vấn một chiều, cứ khư khư khẳng định HS phải thi vào trường này trường kia theo ý mình sẽ dẫn đến những sai lầm đáng tiếc, uổng phí cho HS.

TRƯỜNG HỢP THỨ NĂM

1. Bối cảnh

Mùa hè năm 2005 có một cô bé tàn tật ngồi trên xe lăn đi bán vé số ngang Trung tâm tư vấn

2. Câu hỏi và cách giải quyết vấn đề

Khi TVV nhìn thấy cô bé bán vé số đến mời, thấy thông cảm cho hoàn cảnh bệnh tật nên mua cho vài vé số và nhân tiện cũng trao đổi thêm vài câu chuyện. TVV nhận thấy các vé số được kẹp trên cái giá rất đẹp và thẳng hàng bằng những sợi dây điện nhiều màu và trên bảng có sơn lên các chữ rất đẹp của các tỉnh như TPHCM, Tiền Giang, Trà Vinh... TVV hỏi ai làm cho em cái bảng này để em gắn vé số vào đẹp vậy?

Em bán vé số (EBVS): Dạ, em tên là Hoa. Cái này em tự làm đó, em xin dây điện cũ của người ta, em lau sạch lại và vẽ kết bằng chỉ rồi gắn vào. Em mua bút lông và kẻ mấy chữ tinh thành lên cho người mua dễ nhận thấy.

TTV: Em có năng khiếu quá. Em học đến lớp mấy rồi? Em còn đi học không? Năm nay em bao nhiêu tuổi?

EBVS: Em học đến lớp 6 rồi nghỉ học. Em bị sốt bại liệt năm lên 5 tuổi. Cha em mất lúc em còn nhỏ. Em sống với mẹ em. Năm nay em 15 tuổi. Mẹ em cũng bán vé số như em.

TTV: Vậy thu nhập em có khá không? Gia đình đủ sống không?

EBVS: Em kiếm khoảng 30 ngàn đồng mỗi ngày vì em không đi xa được và vì đi xa họ giật vé số dữ lắm, nên em không dám đi. Mẹ em bán cũng được ít. Gia đình tạm sống thôi anh.

TTV: Em rất khéo tay và có khả năng thẩm mỹ nữa, sao em không đi học nghề nào đó để sinh sống đảm bảo hơn?

EBVS: Dạ, em bị tật mà học mới có lớp 6 thì học cái gì bây giờ. Hàng xóm em cũng nói, học như vậy xin đi làm ở đâu cũng khó. Xin đi rửa chén thì tật nguyên như vậy ai mà nhận. Còn xin thêu gia công các áo quần thì em làm chậm quá nên cũng không thể làm được và vì tiền công quá ít mà tập trung quá chi tiết như vậy em rất mệt.

TTV: Theo anh nghĩ là em có thể học ngành điện tử hoặc điện gia dụng được đó? Em sẽ học cách sửa chữa các đồ điện trong gia đình. Bước đầu là khó khăn nhưng vì em có tính tỉ mỉ và khéo tay em có thể làm được! Em tật nguyên không đi được. Vì vậy, em nên chọn một nghề mà mình có thể ngồi trên xe lăn và làm thao tác nghề được là ok rồi.

EBVS: Ủa, nhưng em học mới có lớp 6 thì sao em học được?

TTV: Cái đó không quan trọng đâu, người ta sẽ dạy cho em làm rất đơn giản. Còn mấy mạch điện em làm nhiều ắt sẽ quen thôi. Có công mài sắc có ngày nên kim. Nếu em đồng ý, anh sẽ xin Trung tâm dạy nghề nhận em vào học cho. Học phí cho người khuyết tật sẽ được tài trợ thông qua Hội người tàn tật TPHCM. Em cứ thử sức đi, nếu không học được thì mình quay về nghề cũ cũng được có sao đâu.

EBVS: Nếu được như vậy là em may mắn lắm rồi. Em sẽ nỗ lực hết mình để đi học nghề này. Suốt một thời gian dài, TVV đã động viên em đó theo học và được sự tài trợ từ Hội người tàn tật mà ngày nay em Hoa đó đã có một tiệm sửa đồ điện dân dụng trước nhà. Tiếng lành đồn xa về một cô

gái tàn tật chăm chỉ sửa đồ điện, giá cả lấy rẻ mà làm rất cẩn thận, uy tín nên em có việc làm thường xuyên và mẹ em ấy cũng không còn bán vé số nữa.

Lời kết: Làm TVV có những lúc chỉ cần có một sự quan tâm ai đó hoặc cho một lời khuyên hữu ích ta cũng có thể làm thay đổi cả một con người.

TRƯỜNG HỢP THỨ SÁU

Bối cảnh

Một em sinh viên đang học ngành Thương Mại (chuyên ngành Kế Toán) do được cha mẹ khuyến khích học. Em sinh viên này đã học được 2 học kì và phát hiện ra mình không phù hợp lắm với ngành học này. Em sinh viên lo lắng vì đã học 2 học kì rồi, nếu chuyển thì chuyển ngành gì đây, và sẽ rất tốn tiền. Nếu ở lại thì sau này làm việc gì đây, có kiếm được việc không, có thành công không?

Lần gặp đầu:

TVV: (nhìn vào giấy để xem sơ lược thông tin của sinh viên). Chào Quang. Em đang học Thương Mại (chuyên ngành Kế toán) hả?. Em có câu hỏi gì vậy, kể chị nghe đi.

Sinh viên (SV): Dạ, hồi đó ba mẹ nói em học ngành này để có việc làm vì nhà em có mấy người làm nghề kế toán. Ba mẹ em nói làm nghề này ổn định, có người quen cũng đỡ. Vậy mà bây giờ, khi đã học được 2 học kì rồi, em thấy hơi lo lo. Em sợ không biết sau này ra làm gì, có thành công không. Em sợ lắm.

TVV: Ừm... Quang nói hơi lo lo. Kể cho chị nghe cảm giác này.

SV: Dạ, em thấy các bạn khác học say sưa lắm. Còn em, em cũng ráng mà sao thấy không giống các bạn. (SV nhìn xuống bàn, hơi bối rối).

TVV: Khi thấy các bạn say sưa học, còn mình thì không. Vậy, em cảm thấy sao?

SV: Dạ em cảm thấy mình dở ẹt. Rồi mỗi khi đóng tiền, em thấy đóng nhiều quá, em sợ mình học sai ngành. Em sợ lắm chị ơi.

TVV: (Gật đầu) Ừ, nói chị nghe, trong tất cả các môn em đã học 2 học kì vừa qua, em thấy môn nào nhẹ nhàng, dễ dàng và hấp dẫn đối với em nhất?

SV: Em thích môn Marketing lắm chị. Cô giáo dạy hay, mà bài làm cũng hay. Có điều, em nghe các bạn nói rằng ngành này cần sáng tạo, mà em thì không sáng tạo lắm. Và lại, tính em ít nói, sợ rằng không hợp.

TVV: (Gật đầu) Ừ, còn môn gì em thấy không thích nhất?

SV: Em ghét mấy môn Kế toán lắm chị. Ghét cực kỳ. Em cố gắng học thì cũng được, nhưng thấy chán dễ sợ.

TVV: Còn môn Kinh tế vĩ mô và Kinh tế vi mô thì sao?

SV: Em thấy cũng được, không khó lắm.

TVV: À, vậy là không phải em ghét con số. Vậy, em có biết em không thích Kế toán ở chỗ nào không?

SV: (suy nghĩ hồi lâu) Em nghĩ là vì nó đòi hỏi sự cẩn thận nhiều quá và quá nhiều luật lệ. Em không thích theo luật lệ, cũng không thích lắm những chi tiết quá chi li. Khi làm xong rồi đọc cả bản kế toán, em thấy cũng hay hay, nhưng lúc làm thì không thích lắm.

TVV: À, vậy nếu chị nói rằng em có khả năng đọc và hiểu con số, chỉ là em không thích sự chi tiết, tỉ mỉ. Có đúng vậy không?

SV: Dạ, đúng lắm.

TVV: Quang này, từ đầu đến giờ chị nghe em kể rằng em thích những môn Marketing, và không ghét học số, chỉ không thích sự tỉ mỉ và chi tiết của Kế toán thôi, đúng không em?

SV: Dạ đúng rồi ạ.

TVV: Vậy chị đề nghị em tìm hiểu về ngành Thương Mại (chuyên ngành Marketing) rồi sau đó nếu thấy phù hợp thì đổi sang học ngành này. Về việc chuyển sang thì không tốn thời gian hay tiền bạc gì cả. Em thấy sao?

SV: Dạ, em thấy hay ạ. Nhưng chị ơi, làm thế nào để tìm hiểu được?

TVV: À, em gặp các bạn đang học ngành Thương Mại, chuyên ngành Marketing và hỏi họ căn cứ về ngành học này. Em hỏi họ xem học có những môn gì, thi cử thế nào, bài tập ra sao, cần những kĩ năng gì. Trong lúc nghe các bạn trả lời thì em tự suy ngẫm xem mình có thích và có khả năng học ngành này không. Em có biết ai đang học ngành này không?

SV: Dạ không, nhưng em có thể tìm ạ.

TVV: Tốt, nếu em tìm không được thì chị sẽ giới thiệu nhé.

SV: Vậy còn nghề nghiệp thì sao hở chị, và nếu mẹ và cha em phản đối thì sao?

TVV: Về nghề nghiệp, thì đợi khi em làm bài tập tìm hiểu ngành marketing này xong, chị sẽ cho bài tập kế tiếp để em tìm hiểu nghề nghiệp của ngành này.

Còn về phần gia đình, chị nghĩ em phải tìm hiểu kĩ, biết rõ mình là ai, muốn gì, rồi hãy trình bày với cha mẹ. Đến lúc đó, nếu em cần thì chị sẽ gặp cha mẹ em để hỗ trợ thêm cho cha mẹ em hiểu về hướng nghiệp. Em thấy sao?

SV: Em thấy vậy tốt lắm. Cảm ơn chị.

TVV: Lúc này, em cảm thấy thế nào? so với lúc mới đến có khác không?

SV: Em thấy đỡ lo hơn mặc dù vẫn chưa biết nhiều lắm.

TVV: Vậy, lần sau em đến nữa nhé. Tìm hiểu xong thông tin về ngành học thì email cho chị để hẹn lần gặp tới nhé.

SV: Dạ, chào chị.

TRƯỜNG HỢP THỨ BẢY

Bối cảnh

Học trò mới vào đầu năm lớp 12, đang băn khoăn không biết nên thi vào trường ĐH nào, khối nào, và sau này làm nghề gì.

Lần gặp đầu:

TVV: Chào em, vì sao em đến gặp chị hôm nay?

HS: Dạ, em đang suy nghĩ về việc thi ĐH cuối năm học này ạ.

TVV: Em có biết mình thích vào trường nào, học ngành gì chưa nè?

HS: Dạ, chưa ạ.

TVV: À, vậy trong lớp em giỏi môn nào?

HS: Dạ, em giỏi Toán và Lí

TVV: Còn gì nữa không?

HS: Dạ hết

TVV: Em có biết ai đang học ĐH không?

HS: Dạ, chị họ em đang học CNTT ở hệ CĐ

TVV: Chị họ có hay kể cho em nghe về đời sống sinh viên không?

HS: Dạ, cũng có

TVV: Ngoài chị họ ra, em còn gặp ai đang học ĐH hay CĐ không?

HS: Dạ không

TVV: Nếu chị hỏi em rằng, 5 năm nữa em muốn mình sẽ như thế nào thì em sẽ trả lời sao?

HS: Dạ, em muốn có công việc phù hợp với mình ạ.

TVV: Kể chị nghe ở trường em có tham gia hoạt động gì không?

HS: Dạ có, em có tham gia hoạt động trồng cây và một vài hoạt động khác.

TVV: Em thích hoạt động nào nhất?

HS: Dạ, trồng cây.

TVV: Vì sao?

HS: Vì em thích cảm giác khi thấy một mảnh đất trống có nhiều cây mọc lên.

TVV: Khi rảnh rỗi em thích làm gì?

HS: Dạ, nghe nhạc, xem phim.

TVV: Em thích nhạc do ai hát?

HS: Em thích ca sĩ Đan Trường

TVV: Vì sao?

HS: Vì anh ấy hát hay, em thích ạ.

TVV: Em còn thích gì ở anh ấy nữa không?

HS: Dạ, không ạ.

TVV: Mình quay lại việc học nhé. Em giỏi Toán và Lí, vậy thì em có thể sẽ chọn khối A để thi. Em có biết khối A có thể thi vào ngành gì và vào trường nào không?

HS: Dạ, em chưa biết.

TVV: Vậy, nếu như chị muốn em về nhà tìm hiểu các ngành của khối A để xem có phù hợp sở thích và khả năng em không. Sau đó mình mới quyết định tiếp. Em nghĩ điều đó có lí không?

HS: Dạ, em nghĩ có lí.

TVV: Vậy, bài tập về nhà của em là:

Đọc cuốn **cẩm nang tuyển sinh dành cho Đại Học và CĐ**, tìm hiểu xem những ngành nào thì thi khối A.

Vào mạng, dùng google, tìm hiểu thêm về các ngành, xem ngành nào phù hợp với sở thích và khả năng của mình.

Chọn lấy 3 ngành, rồi quay lại gặp chị để nói chuyện thêm.

Em đồng ý không?

HS: Dạ, em đồng ý.

TVV: Em có thể làm một mình không?

HS: Dạ, được.

TVV: Rồi, hiện tại cảm xúc em thế nào so với lúc mới gặp chị.

HS: Dạ, em cảm giác tốt hơn, có định hướng hơn chút xíu.

Lần gặp hai:

HS đã làm bài tập trên mạng. HS tìm hiểu ba ngành kế toán, công nghệ thông tin và xây dựng.

TVV: Chào em.

HS: Chào chị.

TVV: Em đã làm bài tập rồi phải không, cho chị biết kết quả đi.

HS: Dạ em đã tìm hiểu ba ngành Kế toán, Công nghệ thông tin và xây dựng.

TVV: À, tại sao lại là ba ngành đó?

HS: Dạ, mẹ em nói kế toán cũng hay, nhưng em thích Công nghệ thông tin và xây dựng.

TVV: Vậy khi tìm hiểu, em thấy mình bị thu hút bởi ngành nào nhất?

HS: Dạ, ngành Công nghệ thông tin ạ?

TVV: Vì sao?

HS: Tại em thấy mình có thể sáng tạo. Dùng máy tính và kỹ năng để sáng tạo cái mình thích.

TVV: Những kỹ năng nào mà ngành CNTT cần mà em có?

HS: Dạ, em có khả năng học toán, khả năng phân tích, khả năng dùng máy tính mà không chán.

TVV: Còn gì nữa không?

HS: Dạ, hết rồi.

TVV: Vậy, bây giờ em có hình dung ra được năm năm nữa mình sẽ làm gì chưa?

HS: Dạ... dạ ...

TVV: Em có biết, học về CNTT thì khi ra trường làm gì chưa?

HS: Dạ, chưa

TVV: Ừ, chị muốn em làm một bài tập nữa. Trong bài tập này, em gặp một hay hai anh chị hoặc cô chú đang làm trong ngành CNTT để tìm hiểu thêm công việc của họ, xem em có thích công việc đó không. Em nghĩ đề nghị làm bài tập này có hợp lý không?

HS: Dạ, có ạ.

TVV: Gia đình em có quen ai làm trong ngành này không? Em cần chị giới thiệu không?

HS: Dạ, em nghĩ là em tìm được.

TVV: Vậy là tốt. Khi gặp, em hỏi về công việc hàng ngày của một người trong ngành CNTT nhé. Em hỏi xem họ thích gì, ghét gì, lương họ kiếm được có đủ nuôi sống họ không, họ có hài lòng với công việc không. Em hỏi càng chi tiết thì càng tốt.

HS: Dạ.

TVV: Bây giờ em cảm giác ra sao so với lần gặp đầu?

HS: Dạ em thấy rõ hơn nhiều rồi ạ.

TRƯỜNG HỢP THỨ TÁM

Bối cảnh

Học trò (HS) lớp 12 đến gặp cô giáo chủ nhiệm, xin được TVHN. Cô giáo chủ nhiệm thương yêu học trò, đã quan sát học trò mấy năm rồi, hiểu rất rõ khả năng của học trò. Học trò làm lớp trưởng lâu năm, rất nghiêm túc, các bạn tôn trọng, cô giáo chủ nhiệm chẳng phải lo gì. Học trò nguyên tắc, siêng năng, thông minh nhưng không uyển chuyển, không xởi lởi trong giao tiếp. Câu chuyện xảy ra mười năm trước, lúc ấy chưa có nhiều nguồn hỗ trợ tài chính cho sinh viên giỏi nhưng nghèo trong việc học ĐH.

HS: Thưa cô, em không biết phải thi vào trường nào và nên học gì?

Cô giáo (CG): *Em không biết mình thích gì sao?*

HS: Dạ, em thích nhiều thứ, nhưng hoàn cảnh em khó khăn quá. Mẹ nuôi em đến lớp 12 là khó rồi. Từ khi ba mất, mẹ em đi làm thuê bữa được bữa không, tiền không đủ nuôi em (*HS xúc động, hơi run giọng. CG xích ghế lại gần một chút và im lặng.*)

HS: Người ta đi làm thuê được trả 50 nghìn đồng/ngày thì mẹ em chỉ được trả 30 nghìn đồng/ngày thôi, em thấy thương mẹ lắm cô ơi. Nếu em đi học xa, rồi ai chăm sóc mẹ, tiền đâu mà mẹ nuôi em. Em cũng không nghĩ mình có thể đi làm thêm để kiếm sống (*HS xúc động, khóc, cô giáo cũng rơm rớm nước mắt*).

CG: *Hoàn cảnh em khó khăn. Một mình mẹ nuôi em đi học. Nếu học ĐH, còn phải lo học phí nhiều hơn nữa. Vậy, nếu bây giờ tìm ra một trường học hay ngành học phù hợp với em, mà mẹ em không phải lo học phí, sau này mẹ cũng được hưởng chính sách ưu đãi, thì em nghĩ sao?*

HS: Nếu được như vậy thì tốt lắm ạ.

CG: *Có hai trường, một là Sư phạm, hai là Quân đội. Cô nghĩ Quân đội hợp với tính tình và khả năng của em hơn. Em nghĩ sao?*

HS: Dạ, em sẽ tìm hiểu, nhưng chắc là em sẽ theo lời cô khuyên.

Kết quả:

Học trò thi đậu trường quân đội, hiện là sĩ quan công tác tại miền Nam. Mẹ em vẫn ở miền núi vì không quen sống ở thành phố và được hưởng ưu đãi của chính quyền. Học trò rất hạnh phúc và lần nào về cũng ghé thăm cô giáo.

Lời kết:

Ở trường hợp này, có nhiều thầy, cô giáo cho rằng Quân đội không phải là chọn lựa duy nhất, và lời khuyên của cô giáo nguy hiểm ở chỗ nếu không phù hợp thì sao. Người viết lại nghĩ rằng ở đây có những yếu tố đặc biệt:

- Cô giáo hiểu rõ học trò qua nhiều năm quan sát và dạy dỗ
- Giới hạn của sự hỗ trợ tài chính từ bên ngoài cách đây mười năm là rất ít ỏi
- Cô giáo cho lời khuyên khi đã hiểu rõ hoàn cảnh gia đình, khả năng và sở thích của HS.

Do đó, khi cho lời khuyên, cô giáo đã nghĩ đến tất cả những yếu tố trên rồi, và trong hoàn cảnh ở mười năm trước, đây là một lời khuyên rất hay.

Nếu đúng theo LTHN, thì cô giáo chỉ cho em cách tìm hiểu những chọn lựa nào miễn phí, mẹ được

hỗ trợ, hợp với tính cách và sở thích em (trong đó có ngành luật trong Quân đội). Em sẽ quyết định sau khi đã tìm hiểu kỹ. Kết quả có lẽ không khác, chỉ khác ở chỗ rằng em phải tìm hiểu trước khi tự quyết định mà thôi.

TRƯỜNG HỢP THỨ CHÍN

HS đang học lớp 11 băn khoăn không biết nên chọn thi ĐH khối nào? Trường nào và làm nghề gì?

Lần gặp đầu

TVV: Chào cháu. Vì sao cháu muốn gặp bác?

HS: Dạ, cháu đang suy nghĩ về việc chọn khối, trường ĐH để năm sau thi vào trường nào.

TVV: Trong lớp cháu học giỏi môn nào?

HS: Cháu học đều tất cả các môn, riêng môn Tiếng Anh và môn Ngữ văn có vẻ trội hơn.

TVV: Còn môn gì nữa không?

HS: Không

TVV: Bố mẹ cháu làm gì?

HS: Bố học luật và làm trưởng phòng thi hành án, mẹ làm cán bộ huyện.

TVV: Cháu muốn sau này thấy mình thế nào?

HS: Muốn công việc ổn định và thu nhập đủ sống.

TVV: Cháu có thích văn nghệ, thể thao không?

HS: Cháu chỉ thích thể thao

TVV: Cháu học đều các môn, điều đó rất tốt để vượt qua kì thi tốt nghiệp năm sau. Cháu trội 2 môn tiếng Anh và Ngữ văn sẽ phù hợp với khối C và D.

HS: Vâng ạ

TVV: Vậy cháu về xem các ngành nghề, các trường đại học của khối C, D để xem có gì phù hợp với khả năng, sở thích của cháu không, sau đó mình quyết định tiếp.

HS: Vâng ạ.

TVV: Cứ thế đi.

Từ đó nêu yêu cầu về nhà cho HS:

- Đọc cẩm nang tuyển sinh
- Hỏi người thân, bạn bè
- Chọn 3 trường, ngành thích nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

CÁC TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Đặng Danh Ánh – *Góp phần tìm hiểu vấn đề hướng nghiệp* – Tạp chí nghiên cứu GD, số 2/1982.
2. Đặng Danh Ánh – *Tuổi trẻ và nghề nghiệp tập 1, tập 2* – NXB Công nhân kỹ thuật, Hà nội 1985.
3. Luật Giáo dục 2005.
4. Phạm Thị Ngọc Anh – *Nghiên cứu thái độ nghề nghiệp của HS học nghề và những yếu tố ảnh hưởng đến thái độ nghề nghiệp trong quá trình đào tạo ở trường nghề* – Viện Nghiên cứu Phát triển giáo dục, NXB Hà 1994.
5. Nguyễn Trọng Bảo – *GD lao động, kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp trường phổ thông* – NXB Sự thật, NXB Hà Nội, 1985.
6. Nguyễn Thị Bình – *Đổi mới phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục lao động, hướng nghiệp trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước* – Hội nghị hướng nghiệp – Bộ GD-ĐT, NXB Hà Nội, 1999.
7. Phạm Tất Dong – *Đổi mới công tác hướng nghiệp phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước* – Tạp chí nghiên cứu giáo dục 6/1996.
8. Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Trần Thị Thu và Nguyễn Ngọc Tài, - *Tài liệu bổ sung sách giáo viên giáo dục hướng nghiệp lớp 9* - NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.
9. Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Trần Thị Thu và Nguyễn Ngọc Tài, - *Tài liệu bổ sung sách giáo viên giáo dục hướng nghiệp lớp 10, 11, 12* - NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.
10. Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Trần Thị Thu – *Kĩ năng tư vấn cá nhân về lựa chọn và phát triển nghề nghiệp (Ban gia đình xã hội- Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam)* - NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.
11. Nguyễn Ngọc Tài, Hồ Phụng Hoàng Phoenix- *Tổ chức tư vấn hướng nghiệp và tư vấn tuyển sinh cho nhóm lớn học sinh cấp Trung học phổ thông* - NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2013.
12. Nguyễn Ngọc Tài – *Xu hướng chọn nghề của học sinh tại TPHCM và các giải pháp giáo dục hướng nghiệp* – Sở Khoa học công nghệ TPHCM, 2005.
13. Nguyễn Ngọc Tài - *Công tác hướng nghiệp cho học sinh dân tộc thiểu số ở Việt Nam* - luận văn tiến sĩ, 2013.
14. Thông tin nghề nghiệp, Tư vấn nghề và Phát triển nghề của Duane Brown, 2007, Giáo dục con người, Pearson Education, Inc., USA.

CÁC TÀI LIỆU TIẾNG ANH

Australian Blueprint: <http://www.blueprint.edu.au/>

Corso, J. & Reh fuss, M. (2011). The role of narrative in career construction theory. *Journal of Vocational Behavior*, 79, 334-339.

1. The Conference Board of Canada, Employability Skills: www.conferenceboard.ca/education
2. Dwyer, J. (1998) The Launch Manual: A young person's introduction to the principles of world takeover. Chairman Publications: Iowa, USA.
3. Krumboltz, J. (2004) Making the Most of Happenstance in Your Life and Career, Impact Publisher, CA, USA.
4. Ho, P. (2012) RMIT University Vietnam, Career Centre, Career Tree, October 2012
5. McCowan & Alpine (2011) Model of Career Development, Personal Communication
6. New Zealand Career Education Benchmark: <http://www2.careers.govt.nz/benchmarks/>
7. Nguyen, L. (2012) Career Development Framework. Personal Communication
8. Nguyen, L. (2011) Model of Career Development Services, Personal Communication
9. Rath, T. (2007) Strengthsfinder 2.0. Gallup Press, New York, NY
10. Schutt Jr., D. (2008) How To Plan & Develop A Career Centre, Infobase Publishing, New York, NY
11. Super's Theory. Retrieved from <http://www.careers.govt.nz/educators-practitioners/career-practice/career-theory-models/supers-theory/>
12. Harris-Bowlsbey, J. (2014, May). *From Super to Savickas: A review of Career Theory and its Application*. Paper presented at the annual meeting of the Asia Pacific Career Development Association Conference, Waikiki, Hawaii, USA.
13. McMahon, M. (2005). Career Counselling: applying the system theories framework of career development. *Journal of employment counselling*, 42 (1), 29-42.
14. Patton, W. & McMahon, M. (2006). The Systems Theory Framework Of Career Development And Counseling: Connecting Theory And Practice. *International Journal for the Advancement of Counselling*, 28(2), 153-166.
15. Mai, T. (2008). Các lý thuyết về tham vấn hướng nghiệp. *Tạp chí tâm lý học*, 7(112), 43-50.
16. Rebecca Burwell & Professor Charles P. Chen (2006) Applying the principles and techniques of solution-focused therapy to career counselling, *Counselling Psychology Quarterly*, 19:2, 189-203 <http://dx.doi.org/10.1080/095150706009177>

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện Thoại: Biên tập - Chế bản: (04) 39714896
Quản lý xuất bản: (04) 39728806; Tổng Biên tập: (04) 39715011
Fax: (04) 39729436

KĨ NĂNG TƯ VẤN CÁ NHÂN VỀ KHÁM PHÁ, LỰA CHỌN VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập: TS. Phạm Thị Trâm

Biên tập nội dung:

Đoàn Thị My

Trình bày bìa:

Lê Hồng Minh

Kĩ thuật vi tính:

Lê Hồng Minh

TÀI LIỆU KHÔNG BÁN

Bản quyền: Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

Quy định sao chép: Có thể sao chép, trích dẫn cuốn sách này nhằm phục vụ hoạt động giáo dục hoặc các mục đích phi thương mại khác, tuy nhiên cần ghi rõ nguồn tài liệu khi sao chép hoặc trích dẫn.

Mã số: 2L-19ĐH2015

In 3.000 cuốn, khổ 20,5 x 29,5 cm tại CÔNG TY CP QUẢNG CÁO VÀ DL VIỆT NAM

Số xuất bản: 100-2015/CXB/01-07/ĐHQGHN, ngày 20/03/2015

Quyết định xuất bản số: 26LK-XH/QĐ-NXBĐHQGHN

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2015

Nhận thức nghề nghiệp

Nhận thức nghề nghiệp

Nhận thức bản thân

Nhận thức bản thân

Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp

Nhận thức nghề nghiệp

Nhận thức bản thân

Nhận thức nghề nghiệp

Nhận thức bản thân

Nhận thức bản thân

Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp

Nhận thức nghề nghiệp

KHẢ NĂNG TUYỂN DỤNG = KĨ NĂNG THIẾT YẾU + MẠNG LƯỚI CHUYÊN NGHIỆP + NHU CẦU TUYỂN DỤNG

Nhận thức bản thân

Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp

Nhận thức bản thân

Nhận thức bản thân

Nhận thức bản thân

Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp

Nhận thức nghề nghiệp

Nhận thức nghề nghiệp

Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp

Nhận thức nghề nghiệp